

Dẫn nhập: Với cái nhìn chủ quan của người biên soạn, tuyển tập 300 tác giả và tác phẩm đơn thuần chỉ là công việc góp nhặt sỏi đá những tác phẩm tiêu biểu một thời của những tác giả tiền chiến, hậu chiến, trước hay sau 75 của hai miền Nam Bắc, trong nước cũng như ngoài nước, già hoặc trẻ, cũ hoặc mới. Tác giả và tác phẩm được góp mặt mỗi tuần theo thứ tự họ hoặc tên qua mẫu tự *A, B, C...* Xin thành thực cảm ơn những tác giả có mặt trong tuyển tập nhưng vì trở ngại thông tin, chúng tôi đã không thể xin phép quý vị trước khi đăng tải. – Ngô Không Phí Ngọc Hùng.

\*\*\*

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

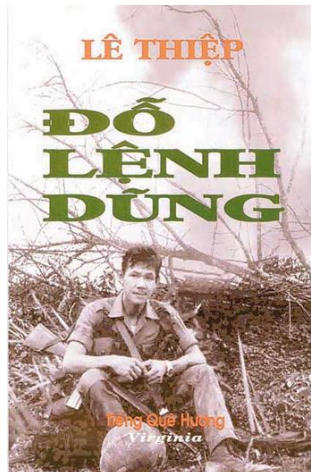
### **Lê Thiệp (I)**

#### **Tiểu sử**

Tên thật : Lê Văn Thiệp.

#### **Tác phẩm**

Đỗ Lệnh Dũng.



## **Mục Lục**

**Đường ra xứ Bắc – Vũ Ánh - 2**

**Chiến tranh: Hiện thực và ký ức trong truyện Lê Thiệp – Nguyễn Mạnh Trinh - 16**

**Tác phẩm Đỗ Lệnh Dũng của Lê Thiệp – Vũ Ánh – 20**

**Chiến hữu - Tường Năng Tiến - 22**

**Đỗ Lệnh Dũng: người không muốn làm anh hùng – Vũ Ánh - 26**

### **Phụ đính trích đoạn.**

**Đỗ Lệnh Dũng (I)**

**&**

**Đỗ Lệnh Dũng (II)**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Đường ra xứ Bắc (trích “Đỗ Lộ” của Lê Thiệp) Vũ Ánh

Đã có bao nhiêu người bỏ mạng trên con đường mang tên ông Hồ Chí Minh? Câu hỏi này không có câu trả lời giống như câu hỏi đã có bao nhiêu người chết trong chiến tranh do ông Hồ khởi xướng. Hà Nội chỉ nói đến vinh quang, đến thành tích và bỏ qua những thống kê khác. Tiêu chuẩn “đi ba đến một” đôi khi không đạt nổi vì bom đạn, vì bệnh tật. Những thanh thiếu niên miền Bắc không bao giờ được biết những gì chờ đợi họ trên đường đi Nam ngoài các hình ảnh hào hùng thần thánh. Khi khởi bước cuộc trường chinh từ đèo Mụ Giạ ở cực Bắc mỗi người được phát một ký đường Cuba, một lọ kí ninh, một ít lương khô và được hứa hẹn đi đến trạm là có đủ thứ cần dùng. Họ không bao giờ hình dung nổi mức hung hiểm của núi rừng, của muỗi, của sốt rét, của đói khát. Đây là chuyện của phía bên kia.

Phía bên này, hai trăm con người bị xích từng chùm ba một cũng không bao giờ tưởng tượng nổi những gì đang chờ đợi họ những ngày tháng tới.

Gọi là Đường Mòn Hồ Chí Minh, gọi là Đường Dây Ông Cụ, gọi là Đường Trường Sơn nhưng thực sự đây là một hệ thống giao thông chằng chịt như mắt lưới bắt đầu từ đèo Mụ Giạ, Thanh Hóa ăn dọc theo rặng Trường Sơn, lúc băng sông, băng rừng già qua đất Lào, đất Miên, lúc phải lội ngược núi ngút ngàn.

Theo ước tính tổng cộng hệ thống giao thông này kể cả các nhánh và phụ lưu dài trên 5000 cây số. Có đoạn đường rộng như quốc lộ, xe có thể tránh nhau, có đoạn hiểm hóc chỉ một người men theo, một bên là vách núi dựng đứng một bên là vực sâu ngút ngàn.

Thiếu úy Nguyễn Bá Quyền xuất thân Võ Bị Đà Lạt được đào luyện chu đáo hơn thứ lính bị động viên, thứ lính trừ bị như tôi nên có một kiến thức rộng và vững chắc về cuộc chiến. Trong khi chờ ở khu rừng thưa để sửa soạn lên đường, ông tỉ tê kể về con đường sắp tới cho tôi nghe. Nó hiện hữu từ cuộc chiến tranh Việt Pháp.

Ông Quyền hỏi tôi có biết bài thơ Tây Tiến không? Tất nhiên là không. Ông lầm nhảm đọc: “Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm. Heo hút cồn mây súng ngửi trời. Nghìn thước lên cao nghìn thước xuống...” Ông bảo đoàn quân tây tiến sở dĩ trực đầu không phải để “nêu quyết tâm” mà chẳng qua đa số bị sốt rét rụng hết tóc nên ông Quang Dũng mới viết “Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc.” Đến đây thì tôi hơi biết một chút vì có nghe bài Đồi Mất Người Sơn Tây và làn nào nghe Thái Thanh hát bài này tôi cũng có cái cảm giác tê tê lạnh lạnh.

Ông thiếu úy Quyền cười cười bảo “Khi ông Quang Dũng viết: Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy. Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi. chẳng qua là để mô tả bộ đội anh hùng vượt Trường Sơn sang Lào chết như sung rụng.” Tôi nói:

- Thơ ông Quang Dũng hay thật. Thế sau này có bài thơ nào về đường mòn không?

- Theo chỗ tôi biết thì không. Bài Tây Tiến được sáng tác hồi đầu cuộc chiến tranh Việt Pháp, lúc đó tinh thần kháng chiến hừng hực và Cộng Sản chưa lộ diện một trăm phần trăm. Nghe nói sau này ông Quang Dũng bị phê là tiểu tư sản, là ủy mị và đội lên đầu cả chục thứ tội khác vì bài thơ Tây Tiến. Bây giờ là khẩu hiệu, là về làm gì có thơ. Thơ muốn hay phải có tự do, ông ơi.

Đó là bài học vỡ lòng của tôi về con đường mòn nổi tiếng này. Ông Quyền bảo khi quyết định mở cuộc xâm chiếm miền Nam, Hà Nội có hai việc phải làm cho bằng được. Một là lập ra Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam, hai là mở đường dây xâm nhập.

Tháng 5/1959, Hà Nội tung toán tiên thám đầu tiên lần mò tìm cách nối lại con đường mòn hiện hữu từ cuộc chiến Việt Pháp. Chính vì vậy nó còn có tên Đường 559. Mặt Trận Giải Phóng ra đòi ít lâu sau đó.

Đại úy Bình vốn ít nói đã hỏi câu hỏi mà hai đứa tôi đều không biết phải trả lời thế nào:

- Đi bộ đường rừng đường núi từ đây ra Bắc mà xích thế này thì làm sao đi và đi bao giờ mới tới?

Tôi nhớ rất rõ sáng hôm đó chúng tôi bị khua dậy từ lúc trời còn tối, chưa nhìn rõ mặt nhau. Cái lạnh ẩm của rừng trĩu nặng như lôi tôi xuống, như muốn xúi tôi nằm lì ra đó. Nhưng lính và cán bộ Bắc Việt vừa hối thúc vừa luôn mồm nhắc: "Nhanh lên kéo không kịp." Đây là câu nói chúng tôi sẽ nghe dài dài trên lộ trình đàng đẵng.

Sợi dây xích khóa chúng tôi lại thành chùm ba khiến mọi di động trở thành khó khăn. Từng người một, chúng tôi chia nhau ra ôm chỗ cái khóa ở giữa để nâng ba sợi xích lên mới có thể bước được. Nói thì giản dị nhưng thực tế không dễ dàng. Tôi xung phong đầu tiên nhưng chỉ độ nửa tiếng sau là cánh tay như muốn rụng xuống. Rồi đến ông Quyền, ông Bình cũng không hơn gì tôi.

Nhiều giải pháp được áp dụng trong đó hữu hiệu nhất là tìm cách đeo cái khóa lên bằng một sợi dây choàng qua vai. Nhưng dây ở đâu ra bây giờ? Ông Quyền xoắn tấm ni lông lại luồn xuống phía dưới chỗ khóa, sau đó buộc vòng qua cổ. Sợi xích sắt thông lọng buộc cuộc đời chúng tôi lại một cách rất hiện thực. Ba đứa tôi không rời nhau quá ba thước. Khi ăn, khi ngủ, khi đi, khi đứng, lúc ốm lúc đau và cả lúc đi cầu! Đừng nghĩ đến chuyện lì mặc cho sợi xích kéo lê trên mặt đất. Thứ nhất là sẽ đi rất khó khăn. Thứ nhì là nếu sợi xích vướng vào đá, vướng vào gốc cây thì có khi cả ba người ngã chổng gọng. Đây là trong thời tiết lý tưởng, khô ráo. Nếu bị mưa dầm, lỡ bước vào những quãng bùn lầy thì chỉ có nước khóc. Tóm lại óc sáng tạo của người cộng sản quả đã đạt tới mức tận cùng. Với cảnh xích chùm ba, lũ tù chúng tôi không một ai nghĩ đến chuyện trốn.

Vì bị xích chùm như nô lệ thời Trung Cổ, chúng tôi không thể đi nhanh được. Hệ thống "xa lộ" chằng chịt này đã được bố trí rất hợp lý. Chúng tôi nghiệm ra rằng cứ đi đúng một ngày đường là thể nào cũng đến trạm hoặc đến một nơi có thể nghỉ ngơi, có nguồn nước để nấu nướng.

Mãi đến khi vượt hết đường mòn tôi mới rõ trên con đường đó có cả một đội ngũ giao liên phục vụ và nói theo ngôn ngữ văn minh mà chúng tôi đang làm quen, họ là "chuyên ngành." Mỗi người giao liên chỉ biết rõ khúc đường mình phụ trách từ trạm này đến trạm khác, biết rõ từ gốc cây đến hòn đá, biết rõ là nếu trời mưa thì nên đi kiểu nào, trời nắng ráo thì đi kiểu nào.

Tôi đã có dịp nói chuyện với một người giao liên trong dịp khuôn gạo ở hầm. Điều anh ta thuật lại làm tôi rùng mình. Trông không thể đoán tuổi nhưng sau một lúc anh ta xưng "em" thì tôi biết anh ta còn trẻ lắm mới hai mươi bốn. Anh ta tên Bằng, xung phong vào bộ đội giải phóng lúc mười tám tuổi nhưng trên con đường Sinh Bắc Tử Nam, Bằng không chết mà chỉ bị ốm, bị sốt rét, kiết lỵ và có thể cả chục thứ bệnh khác. Không hiểu sao và nhờ đâu, Bằng vẫn sống và khỏe trở lại nhưng đã lậm quá sâu trên đường dây nên không thể trở về Bắc được. Khi nằm dưỡng bệnh ở trạm, Bằng trở thành giao liên và ở lì đó suốt sáu năm, ngày ngày lo dẫn đường từ trạm này sang trạm kế, đi đi về về suốt từ lúc khỏi bệnh tới giờ này.

Ngồi bên bờ suối, Bằng bảo:

- Các anh là đoàn tù lớn nhất từ trước tới nay qua trạm này. Trước cũng có nhưng chỉ độ ba bốn anh. Tương đối hơn một năm nay an ninh hơn nhiều chứ trước đây...

Bằng ngồi trên tảng đá thõng chân dưới dòng suối nhìn tụi tôi tòng ngồng tắm rửa. Được tháo xích để đi khuôn vác và sau đó được tắm rửa là hạnh phúc vô bờ. Nhưng khi nhìn Bằng tôi thấy một nỗi buồn vô cớ tràn đầy. Người thanh niên Hà Nội hai mươi bốn tuổi đó tóc trắng như

bông, khuôn mặt gầy guộc do dần thân với những lý tưởng được tô vẽ hào nhoáng để trở thành giao liên, suốt sáu năm trường chỉ biết có mỗi khúc đường rừng heo hút giữa Trường Sơn. Bằng đăm chiêu nhìn mấy đứa tôi bỗng thở dài:

- Thà như các anh, đời cũng còn có lúc sung sướng, ăn ngon mặc đẹp, gần bố mẹ anh em...

Tôi hỏi:

- Anh nói bây giờ an ninh?

- Chứ gì nữa. Mấy năm trước căng lắm. Bom Mỹ thả ngày đêm, lại còn pháo từ Đệ Thất Hạm Đội. Nhiều lúc đang đi thì nổ sập trời, chết như rạ. B52 bay cao tít mù có nghe có thấy gì đâu mà lo nấp lo trốn. Các anh có biết bom tinh khôn không?

Ông Quyền buột miệng:

- Hàng rào McNamara. Smart Bomb.

- Anh nói gì?

- Không. Thế bây giờ an ninh hơn nhiều?

- Từ ngày có hiệp định Pa-ri và tụi Mỹ lo rút chạy, không có B52, phi pháo gì nữa.

Đây có lẽ là lần duy nhất tôi được nói chuyện cởi mở với một người đích thực của Trường Sơn, phải nói là cởi mở, nhất là so với ông láng giềng điền khùng.

Nội qui của tù binh rất nhiều điều trong đó cấm liên hệ với bộ đội. Ngược lại, chắc họ cũng bị nghiêm cấm, không được “linh tinh” với chúng tôi. Tù binh đi ở giữa, chia ra độ vài chòm lại có vài bộ đội đi xen vào. Dẫn đầu có lẽ là bộ chỉ huy bộ phận áp giải, đoạn hậu là bộ phận bảo vệ. Chúng tôi không rõ quân số của hai toán này nhưng xem ra khá hùng hậu, có thể lẩn quân số tù. Phía bộ chỉ huy hầu như không bao giờ tiếp xúc với tù và những người lính bảo vệ thì chỉ là kẻ bàng quan kháo nhau “đi xem tù” vào những lúc nghỉ ở trạm.

Thông thường, tù được tập trung biệt lập cách chỗ đóng quân của lính Bắc Việt một quãng và lúc nào chúng tôi cũng ở bãi trống để dễ bề kiểm soát. Thịnh thoảng vào những buổi chiều khi trời còn sáng, tù nằm ngời la liệt trên bãi đất, bãi cỏ thì bộ đội Bắc Việt ngồi chòm hóm phía xa xung quanh chỉ trở. Ông Quyền bảo tôi:

- Ha, tụi mình giống như khỉ trong sở thú đang làm trò cho bọn ngợm xem.

Và những lúc đó, Quyền lại gân cổ lên hát vọng cổ: “Em Hai ôi, anh có tội tình chi mà phải đọa... đày...”

Không ngờ một sĩ quan trẻ tốt nghiệp Võ Bị Đà Lạt lại thuộc và hát vọng cổ hay như vậy.

Những người lính ngồi chòm hóm phía ngoài đôi khi nổi hứng quăng thuốc lá cho tụi tôi và có lần một người xông vào giữa đám tù vừa đi vừa chia bao thuốc quăn queo mời. Anh ta nghênh ngang vừa đi vừa nói:

- Sợ đéo gì. Kỹ luật thì kỹ luật, ông đéo sợ.

Tại sao anh ta dám đưa thuốc lá cho từng người tù và nghênh ngang thách đố là chuyện khó hiểu.

Gần gũi với tù nhất là toán đi chen ở giữa. Dần dà tụi tôi hiểu đây là những lính Bắc Việt được hồi hương về Bắc, có thể vì bị thương, có thể vì chiến trận lâu ngày, có thể vì có gốc lớn. Đây là thành phần tò mò nhất, luôn miệng hỏi chúng tôi về đủ thứ linh tinh. Tôi nhớ có một anh bộ đội tên Nguyễn Minh Hồ khi biết tôi sinh ở Hà Nội than thở:

- Quê tôi ở một làng cách Hà Nội hai mươi cây số mà chưa bao giờ biết Hà Nội ra sao. Đi thẳng một lều từ làng vào đánh ở Nam bộ bảy năm nay mới được phục viên. Bị thương bốn lần, lần nào cũng tưởng chết đến nơi kỳ này về thế nào tôi cũng lên Hà Nội chơi một lần.

Tôi nghiệm ra chỉ những người lính Bắc trẻ tuổi mới tìm cách “gần gũi” với tù và hỏi những câu hỏi đôi khi rất ngây thơ. Một tháng Mỹ nó phát bao nhiêu lương? Nghe nói Sài Gòn toàn đi điếm phải không? Lính ngự thích ăn gan người, hễ bắt được Việt Cộng là mổ ăn gan tươi phải không? Lính ngự đi hành quân toàn lưng gái để hiếp?

Từ khi bị bắt thỉnh thoảng tôi vẫn để ý thấy có những người lính Bắc đeo toòng teng một miếng sắt mỏng ở dây lưng quần. Đến bây giờ tôi mới rõ công dụng của nó là để nhét trở lại sợi dây cao su của đôi săng đan làm bằng lớp ô tô. Đôi săng đan có cái tên là dép râu vì phần thừa của những sợi dây cao su khi được nhét xuyên qua phần đế lòi ra như những sợi râu. Dép râu rất khó đi, chỉ cần đạp lên một vũng lầy, nhấc lên có khi tuột phăng một hai sợi. Đạp phải một cục đá nhỏ, trật chân là nó cũng tuột. Anh nào vợ phải đôi dép có cái đế dày dày gập nhiều rắc rối nhất vì khó nhét sợi dây trở lại. Tù binh chúng tôi vốn quen đi giày, khi phải đổi phỏ với đôi dép nổi tiếng thì quả lúng túng. Đoàn tù phần vì bị xiềng chùm, phần chưa quen với đôi dép nổi tiếng này nên đi chuyển rất chậm.

Bây giờ đang là mùa mưa. Những cơn mưa Trường Sơn thật muôn hình muôn vẻ. Trời đang trong bỗng mưa xối xả, mưa như trút, hạt mưa rất to. Nhưng chỉ độ mười mười lăm phút là tạnh hẳn. Đôi khi mưa như một cơn bão tới tấp xối xả, kéo dài hàng giờ, có khi mưa rá rích cả ngày trời. Nhưng không có chuyện nghỉ tránh mưa mà chúng tôi vẫn phải lầm lì bì bõm tiến tới! Lạnh, ướt, chúng tôi chỉ có một miếng ni lông quấn vào người. Nước mưa thấm áo quần, nước từ đầu từ cổ ròng rọc xuống. Chúng tôi lạnh run lạnh cóng.

Thiên nhiên không phân biệt đâu là tù, đâu là cán bộ. Ngụy hay bộ đội thì cũng ướt, cũng lạnh như nhau. Trên con đường thiên lý đó chúng tôi đã gặp nhiều đơn vị cộng sản đi ngược đường. Họ cũng thảm thương chẳng khác gì tù, chỉ thiếu cái xích. Trông những toán quân cộng sản lủ lợt và ngang nhiên di chuyển không lén lút, không sợ sệt đó, tôi nhớ đến lời của giao liên Bằng “Bây giờ an ninh hơn nhiều ...”

Khi người Mỹ ồ ạt tung quân vào Việt Nam, mục tiêu quân sự hàng đầu là tìm cách chặn đứng con đường chuyển quân và tiếp liệu của Hà Nội. Toán Mầu tôi từng phục vụ và những đơn vị biệt kích Việt cũng như Mỹ, những toán biên phòng được trang bị hùng hậu chỉ cố chặn con đường xâm nhập này. Nhưng có lẽ được cả thế giới chú ý biết đến là hàng rào điện tử McNamara. Đây là kiểu đánh của Hoa Kỳ. Họ thả xuống dọc theo con đường mòn những vũ khí, khí cụ điện tử mà cứ theo báo chí tôi được đọc thì hết sức là khoa học và tinh vi. Chẳng hạn phi cơ Mỹ thả xuống những trái bom, có gắn thêm bộ phận “nghe ngóng” hoặc “tầm nhiệt.” Bom thả xuống nằm im đó phục kích. Hễ có một toán người đi gần, dụng cụ điện tử sẽ phát hiện, trái bom nổ tung. Hoặc nữa các dụng cụ điện tử này sẽ báo lên B52 đang ứng trực trên trời hay các chiến hạm đang chờ ngoài khơi.

Khi đọc những bài báo trên tờ Stars and Stripes của quân đội Mỹ về vũ khí loại này tôi vẫn có cảm tưởng như đọc truyện khoa học giả tưởng. Tôi còn nhớ có một bài mô tả cảnh phi cơ Mỹ đánh cầu Hàm Rồng. Cây cầu này nằm giữa hai vách núi hẹp nên rất khó oanh tạc, chưa kể đến phòng không có lợi thế phòng thủ vì vách núi cheo leo. Sau nhiều lần Mỹ đã phải xài tới bom tinh khôn mới hạ được cầu Hàm Rồng.

Lê từng bước gập ghềnh trên con đường khét tiếng này, ký ức khiến tôi càng tò mò quan sát. Ít nhất là hai lần tôi thấy rừng bị sạt, đen thui cả một khoảng lớn. Có thể vì lâu ngày nên cánh cây cối ngã nghiêng không còn nữa mà chỉ là một vạt rừng lớn đen thui. B52 trải thảm chăng? Bộ đội Bắc Việt luôn mồm cảnh cáo chúng tôi phải đi trong hàng, trên đường đã chỉ định vì loạng quạng là có thể chết vì bom đạn của đế quốc Mỹ bỏ lại.

Một lần khác, tôi thấy một chiếc võng đan bằng sợi dây dù đứt nát chỉ còn toong teng một khúc phất phơ trước gió. Khi chú ý kỹ thì thấy có một chiếc xương xọ và vài cái xương khác trắng hếu ở dưới đất gần đó. Tôi “bá cáo” với những người áp tải thì một người bảo:

- Các anh thấy chưa, vì nguy quyền Sài Gòn ngoan cố, vì đế quốc Mỹ ương ngạnh biết bao nhiêu xương máu đã bị phí phạm.

Mấy hôm sau một anh lính Bắc khác tỉ tê cho hay bị bỏ rơi, bị lạc trên đường xâm nhập là chuyện thường. Bị bỏ rơi vì ốm, vì bị thương kể như sẽ chết đập chết vùi giữa rừng núi. Bị lạc hoặc đôi khi mệt quá ngủ quên cũng chỉ có nước chết. Anh lính này nói là ngay khi vừa đặt chân trên đường mòn, họ đã cảnh giác về chuyện này vì “không ai có thể lo cho ai được.” Đói rét bệnh tật, yếu đuối, lo cho mình chưa xong, còn lo cho ai?

Nghe vậy, tôi và hai ông tù nhìn nhau. Chắc chắn tụi tôi không thể chết cô đơn trên đường mòn vì nay chúng tôi đang bị cột dính lại với nhau.

Suốt cuộc hành trình, ba đứa tôi có cái may là được tháo xích ra một lần. Mỗi khi dừng chân, lính canh tù lại gọi độ bốn năm nhóm ra, mở khóa cho họ để đi tạp dịch. Họ sẽ phải lo cơm nước, lo khuôn vác...

Tôi nói là may vì chính ra ba người khác được chỉ định nhưng người lính giữ khóa tìm mãi vẫn không thấy chìa khóa đúng để mở xích. Loay hoay một hồi không xong, anh ta cúi bèn chỉ ba đứa tụi tôi đang ngồi bên cạnh đó. Hẳn nhiên là đời tù tội của cả đám chúng tôi chỉ mới bắt đầu, còn mới quá, còn tươi quá. Thứ nữa chúng tôi luôn nhắc nhau rằng dầu sao thì chúng tôi cũng là sĩ quan của quân đội miền Nam. Một điểm nữa không ai nói ra nhưng nó bàng bạc trong lối nhìn, cách xử sự của lính canh và tù. Chúng tôi thấy rõ sự cách biệt giữa chúng tôi và những người lính Bắc về đủ mọi phương diện. Tuổi tác cũng có. Kiến thức cũng có. Ngồi rỉ rả, ông Quyền vẫn bực bội vì sao mình thua còn ông Bình thì lác đầu tội nghiệp cho bộ đội, cho những người trẻ tuổi miền Bắc bị ném không thương tiếc vào cuộc chiến.

Ngược lại lính Bắc Việt lúc nào cũng nhìn chúng tôi bằng con mắt e dè, và hễ sếnh ra là họ tìm cách thân cận với chúng tôi. Tò mò chẳng? Mặc cảm chẳng? Tôi chỉ nghĩ họ cố tìm hiểu để so sánh cuộc sống của hai miền Nam Bắc. Thế thôi.

Chính vì những điểm trên, tù chúng tôi khá kỷ luật, không kèn cựa mà còn lo lắng, bảo vệ nhau. Khi ba người bạn bị xích không mở được, họ nhìn tụi tôi cười:

- Ê bon chen được gì nhớ chia nhe.

Ông Quyền vui tính:

- Yên tâm, ông thày.

Lần đó chúng tôi nghỉ ở trạm lớn. Ba đứa tụi tôi được lệnh đi theo một người lính khoảng một trăm thước thì họ bịt mắt chúng tôi lại rồi mới dẫn đi tiếp.

Mò mẫm leo dốc một khoảng chúng tôi được dắt đi xuống một cầu thang. Khi được mở khăn bịt mắt, tụi tôi thấy mình đang ở trong một căn hầm tranh tối tranh sáng tù mù. Hầm có nhiều ngách hàng ngang dãy dọc là kệ gỗ lớn chất những bao gạo.

Tụi tôi hiểu đây là hầm chứa lương thực nhưng không ngờ nó lớn đến như vậy. Cái bất ngờ nữa là thịt. Thịt heo muối từng nĩa con khá lớn được bọc trong lớp vải thưa treo toong teng cả một gian hầm lớn. Khi khiêng, vác được nửa con heo ra khỏi hầm, tôi thấy một lô chữ Tàu màu phảm xanh hẳn nhiên là thịt heo muối Trung Quốc. Chỉ đến giai đoạn này của cuộc chiến, khi mà người Mỹ đã rút hẳn chân ra và con đường mòn chuyển quân an ninh hơn, quân đội Bắc Việt mới có thể thiết lập những trạm với hầm lương thực đồ sộ cỡ này hay những nơi như thế đã có từ lâu? Tôi thì thâm với hai ông bạn tù. Đại úy Bình bảo cứ theo kiểu xây cất thì có lẽ hầm đã được xây cất từ lâu và được tu bổ nhiều lần. Tôi nhớ là vất vả lắm ba đứa tôi mới

khênh được bốn bao gạo và hai thớt thịt heo muối lên mặt đất vì hầm khá sâu. Điều tức cười là đến thì bị mất nhưng lúc lên khỏi hầm vì phải khênh vác nên họ đành để chúng tôi thành “người trần mắt thịt.” Tôi nhìn thấy phía trước có mấy căn nhà thì hiểu bộ phận chỉ huy áp giải tù binh sinh hoạt ở đó.

Mãi về sau khi đã trải mùi tù tôi mới thấm hai chữ sinh hoạt, nhưng lúc đó ngay giữa Trường Sơn ngút ngàn, mỗi khi dừng lại, chỉ thấy bộ đội Bắc đều phải sinh hoạt. Những lúc đó số lính canh bớt hẳn đi và đôi khi từ chỗ ngồi, chúng tôi có thể thấy lính Bắc ngồi thành cụm, thành nhóm. Ông Bình bảo tôi:

- Tụi nó kiểm thảo rút ưu khuyết điểm liên miên, chẳng bù với quân đội mình...

Ông bỏ dở câu nói và chúng tôi hiểu rất rõ ông muốn nói gì. Trước đây trong quân đội, chúng tôi ít học tập nhưng nay thì chúng tôi trở thành tổ tam tam, ba người một, chia xẻ nhau từng giờ từng phút. Chúng tôi nói với nhau trên đường đi, lúc nghỉ, lúc sáng sớm dậy, lúc đêm khuya. Ông đại úy Bình tuy to con hẳn so với hai đứa tôi nhưng lại là người gục đầu tiên.

Sau cỡ một tuần trên con đường hung hiểm này, buổi tối sau khi ăn xong, ông Bình kêu “khó chịu quá, như muốn ói!” Nửa đêm ông ngồi dậy nôn thốc nôn tháo, gập người xuống ói. Tôi và ông Quyền mỗi đứa một bên ôm chặt ông, cố giúp ông. Mỗi khi ông ói xong, tụi tôi hai đứa lại dìu ông lê đến một chỗ khác vì mùi xông lên rất khó chịu. Sau đó, ông gần như ngất đi và đến sáng thì ông bắt đầu bị sốt rét. Người ông run bần bật như lò xo. Ông co rúm lại thờ không ra. Tôi và ông Quyền lấy hai tấm ni lông của mình quấn thêm vào nhưng ông vẫn run, co rúm. Ông Quyền bảo:

- Tôi và ông thay phiên nhau ôm ông ấy.

Tôi chưa biết đến sốt rét nên rất ngạc nhiên khi thấy cơ thể ông Bình nóng ran trong khi ông vẫn run như cày sậy. Người ông vã mồ hôi như tắm. Ông Quyền hô hoán và một người lính Bắc Việt cầm đèn pin rọi xuống. Anh ta nhìn chưa đầy một phút đã kết luận:

- Ói, có gì đâu. Sốt rét ấy mà.

Anh ta quàng quã bỏ đi và một hồi quay lại đưa cho tụi tôi một gói:

- Ký ninh đấy. Ai mà chả bị sốt rét, bị ngã nước. Thường thôi, vài hôm là khỏi ngay ấy mà.

Đối với lính Bắc thì thường thôi nhưng đối với lính Ngụy thì không có gì là bình thường cả, nhất là chân lại bị xích. Buổi sáng, tôi cố ép ông Bình ăn hết bát cơm. Ông rũ ra như tàu lá úớt, đứng lên là lão đảo. Nhưng chúng tôi vẫn phải lên đường để vượt một đoạn đường tôi nhớ đời vì trước khi khởi hành, tù được tập hợp lại để nghe huấn thị.

- Từ đây đến trạm kè, đường dốc hơi nhiều. Lệnh trên rất rõ ràng. Các anh phải tuyệt đối kỷ luật, phải rất cẩn thận đừng để ngã, không ai cứu được đâu...

Để tăng sự chú ý của tù, lính Bắc Việt chặt chúng tôi thành từng toán nhỏ cỡ mười mười lăm người một, mỗi toán đều có “bảo vệ” đi kèm. Quãng gần trưa, chúng tôi bắt đầu tiến vào một vùng thưa cây, và cây không cao vì địa thế toàn là đá. Chúng tôi bắt đầu leo dốc, mới đầu là những dốc xoai xoải nhưng rất khó đi vì đá rậm lờm chờm, hễ trật chân là có thể bị xước, bị cắt chảy máu. Càng lúc càng lên cao tới một đoạn chúng tôi bắt đầu đi men theo sườn núi. Lối đi có quãng rất hẹp, gần như chỉ có thể đi men, vừa đi vừa bám vào vách núi đá. Tôi thấy rõ những vết đục lam nham ăn sâu vào sườn núi, có lẽ đã được phá bằng xà beng. Những thanh thiếu niên miền Bắc khi đi tới đoạn này, chắc đã phải vừa đi vừa phá núi bằng xà beng. Hình ảnh của họ thoáng trong trí tưởng tượng làm tôi rùng mình. Một bên núi dựng ngược, một bên là vực sâu thẳm, nhìn xuống chỉ thấy ngút ngàn phía dưới sương mù lẫn khuất nơi đọt cây. May mà trời khô ráo, nếu tới khúc này mà trời đổ mưa thì hẳn có người chết. Chúng tôi có lúc gần như bò vì dốc ngược quá, chân lại bị xích. Mặt mũi ai cũng phờ ra, ông Bình thờ phì phò,

mặt đỏ gay. Vừa dìu nhau, ông Quyền vừa luôn mồm đùa cợt. Hai đứa tôi đều hiểu chỉ cần một chút lơ là, yếu đuối là chúng tôi có thể chết, và chết chùng.

Giữa lúc đang cố leo bồng ông Quyền hỏi:

- Ông thầy có đọc Hán Sở Tranh Hùng không?

Đại úy Bình nhăn nhó:

- Lại dở tích Tàu nữa.

- Ấy, có ông Lý Bạch làm bài Thục Đạo Nan để tôi đọc cho hai ông nghe.

Và ông đọc thật. Tôi không rõ tích Lưu Bang, Hạng Võ cũng không thuộc một câu thơ Đường nhưng nghe ông Quyền đọc thơ trong cảnh này bỗng thấy thấm vô cùng. Lời thơ trúc trắc trúc trắc nghe như vừa đi vừa vấp, vừa trèo vừa thở, câu thì ngắn câu thì dài. Sau này tôi bắt ông Quyền chép và giảng bài Thục Đạo Nan. Tôi cố học mãi mà không bao giờ thuộc hết, cứ thuộc rồi lại quên. Nhưng lúc đó cái giọng đọc của ông và bài thơ khúc khuỷu đó đã giúp ba đứa tôi rất nhiều.

Y! Hu! Hi! Nguy hồ cao tai!

Thục địa chi nan, nan ư hướng thanh thiên

Tàm tùng cập Ngự Phù

Khai quốc mang nhiên!

...

Thượng, hữu lực long, hồi nhật chi cao tiêu

Hạ, hữu xung ba nghịch chiết chi hồi xuyên

Hoàng hạc chi phi thượng bất đắc quá

Viên nhiều dục độ sàu phan viên

...

Kỳ hiểm dã nhược thử.

Ta nghĩ viễn đạo chi nhân

Hồ vi hồ lai tai.

Đường hiểm trở là như thế - thương thay những kẻ đi đường xa - sao lại léo hánh đến nơi đây.

Con đường đất Thục có ghê gớm hơn cảnh chúng tôi đang trải qua chăng? Kẻ đi đường xa của ông Lý Bạch dù cô đơn lữ thứ chắc không hề bị xích bằng lời tói sất như tụi tôi. Liệu sau cuộc chiến có ông thi sĩ nào nhỏ nước mắt cho những kẻ lao đao trên đường Trường Sơn?

Đúng là suy nghĩ dấm dớ như kiểu suy nghĩ này vẫn hay lóe trong đầu tôi vào những lúc cùng túng nhất. Nghĩ lại cũng buồn cười.

Lên đã vậy, lúc xuống còn gay go hơn nhiều. Một cụm tù đã té, ba người ôm trùm nhau lăn lông lốc xuống con dốc đá. Hai người tù bị sây sát khắp người. Người thứ ba bị gãy một chân. Họ vẫn không được mở khóa tháo xích. Tôi đã rơm rớm nước mắt nhìn cảnh hai người đồng đội dìu người bị què lê từng bước chậm trên con đường sỏi đá, những sợi xích quấn vào nhau kêu leng keng theo từng bước đi chập choạng.



Giữa lúc đó, đại úy Bình lên cơn sốt rét. Người ông nóng bừng nhưng ông run như cây sậy, hai hàm răng đánh vào nhau lập cập. Sợ ông cắn vào lưỡi, tôi xé một miếng vải cuộn lại bắt ông ngậm chặt. Mặt ông đỏ gay, mồ hôi tươm ra, cả người nhũn xuống mềm oặt.

Tôi một bên, ông Quyền một bên, hai đứa vừa khênh vừa dìu ông đi. Ông Quyền đã lớn tiếng báo cáo nhưng tới lui một hồi, một người có lẽ là cán bộ đến nhìn chúng tôi rồi nói với giọng rất nghiêm trang:

- Các anh phải phấn đấu, không có chuyện cả đoàn ngừng lại vì một anh bị sốt. Nếu các anh không quyết tâm lo cho nhau, tôi sẽ để ba anh ở lại đi sau.

Đây không phải lời dọa suông. Chúng tôi đã nghe chính những người lính Bắc còn bị bỏ rơi hướng hồ tù ngục. Ông Quyền lâu lâu lại pha trò, lâu lâu lại vỗ vỗ vào vai người huynh trưởng thiết giáp như muốn tăng thêm sức cho người ốm. Mỗi lần như vậy, đại úy Bình lại gật gật cái đầu. Cuối cùng cơn sốt rét dịu dần, nhưng ông Bình thì lả đi. Sức khỏe của tôi và nhất là ông Quyền không hiểu từ đâu ra nhưng rốt cuộc chúng tôi vẫn cùng lỏi được ông Bình đến trạm nghỉ.

Buổi tối đó tù xôn xao bàn tán. Không chỉ có mình ông Bình mà còn có hai người khác cũng sốt rét, vài người khác bị kiết lỵ và còn người tù bị què nữa.

Khi cơn nước xong, chúng tôi lại nghe những lời huấn thị rất rõ ràng của một viên cán bộ:

- Đói ăn rau, đau khắc phục. Các anh phải phấn đấu để cùng đi đến nơi an toàn. Các anh phải tự lo cho nhau...

Viên cán bộ nói dài, nói dai và dùng rất nhiều chữ đao to búa lớn, chữ Hán Việt nhưng rốt cuộc cái thông điệp rất rõ ràng. Hễ không đi thì bị bỏ lại giữa rừng. Không đi thì chỉ có chết. Tuy nhiên có hai trường hợp được giải quyết. Họ đồng ý tháo xích cho người bị què để người tù này có thể chống gậy đi một mình. Họ đồng ý để chúng tôi làm cáng khiêng một người bị kiết lỵ vì sức đã quá kiệt.

Anh em mượn một cái dao đẽo gọt làm được một cây nạng cho anh bạn bị què và cái cáng để khiêng anh bạn bị kiết lỵ. Trông anh như một que củi, chỉ còn da bọc xương, hai mắt sâu hoắm trên gương mặt gầy guộc. Tóc anh như đa số tù dài phủ gáy, râu rìa lờm chờm. Anh đi đứng không vững, hễ đứng lên là lão đảo chác vì trong người đã hết nước. Người anh xông lên mùi xú ối, quần áo thì bê bết khô cứng. Bạn tù đã lấy nhiều tấm ni lông cột chằng cột đụp cuối cùng cũng có được chiếc cáng. Vì tù bị xích chùm nên khi khiêng anh có đến mười hai người, ba người một đầu cáng. Một đám người quần áo tả tơi, đầu tóc rũ rượi bù xù xúm khênh một người bệnh tạo một hình ảnh khó xóa nhòa trong trí nhớ. Hai hôm sau anh kiệt hẳn, đứt hơi vào quăng giữa trưa.

Đoàn tù xôn xao khựng lại nhưng chỉ một lát sau thì có lệnh đi tiếp, đến trạm mới được "giải quyết". Đến chỗ nghỉ, chúng tôi xin mượn xẻng để đào huyệt thì bị từ chối và được nói chính họ sẽ giải quyết. Hai người lính Bắc Việt đã khênh xác anh đi chôn với lời giải thích:

- Chúng tôi sẽ chôn và đánh dấu ngôi mộ để sau này khi hòa bình cách mạng sẽ báo cho gia đình người chết.

Anh em ngơ ngác nhìn nhau đầy nghi ngờ nhưng nói năng gì bây giờ. Rất nhanh chỉ một lúc sau hai người lính Bắc đã đem trả mấy miếng ni lông làm cáng khiến ông Quyền thì thào:

- Tụi nó quăng xác vào rừng cho điều tha quạ mổ rồi, hơi đâu mà đào hố cho một xác.

Sau biến cố đó mọi người ít nói hẳn đi.

Vào buổi tối đại úy Bình sau cơn sốt quặn người đã nói với tôi bằng một giọng rất bình tĩnh:

- Tôi chắc không sống sót được để đi đến đất Bắc. Tôi biết tôi không chịu đựng được lâu nữa. Nếu tôi có mệnh hệ nào, và nếu các ông còn sống trở về, nhớ nhắn với vợ con tôi là tôi không hối hận gì, không xấu hổ gì vì đã cầm súng chiến đấu.

Tôi hơi ngạc nhiên, trước là giọng nói thản nhiên của ông, sau đó là lời trắng trối. Hối hận? Xấu hổ? Nhất là câu “cầm súng chiến đấu.” Nó mang về cái lương nhưng đầy thành thật phản ánh suy nghĩ của ngay chính tôi. Ông Bình không nói đến lý tưởng, không nói đến chính nghĩa quốc gia. Ông chỉ nói đến cầm súng chiến đấu. Thiếu úy Quyền nghe lời trối trăn trở nên nghiêm trang hơn:

- Tôi và trung úy Dũng sẽ không bao giờ bỏ rơi đại úy. Nếu phải một mình cũng hai ông đi Bắc, tôi cũng cũng. Nếu cần thì ba đứa chôn chung một hố.

Không ai nói gì thêm. Có nói cũng bằng thừa. Trời cuối năm đen thẫm. Ba đứa nằm ngửa nhìn bầu trời thăm thẳm không một vì sao, nghĩ đến cái hố vùi nông ở đâu đó giữa Trường Sơn với dải xích còn lồi trên ngôi mộ tập thể.

Chúng tôi không hề thiếu ăn. Hình như họ đã tính trước nên khi nào không gặp trạm nghỉ có gạo có cơm thì sáng hôm khởi hành chúng tôi được phát lương khô. So với Ration C của Mỹ hoặc gạo sấu của Việt Nam Cộng Hòa, lương khô Trung Quốc gọn hơn nhiều, đáng nhớ nhất có lẽ là thịt heo chà bông và đậu xanh đóng thành bánh. Thịt chà bông hoặc như người Bắc gọi là ruốc của Trung Quốc ngọt lừ, đôi khi hơi ẩm và vụn quá. Bánh đậu xanh được đóng nén lại thành từng khối cứng có lẽ vì có trộn thêm vitamin nên mùi là lạ nhưng ăn vào rồi uống nước no cả buổi. Đòi hỏi gì nữa. Thân phận tù nhưng chúng tôi vẫn được chia khẩu phần giống như bộ đội anh hùng của xã hội chủ nghĩa miền Bắc.

Khi đã thực sự sống đời tù, thực sự chui vào cái xã hội đó, tôi mới hiểu riêng về phương diện ăn uống, chúng tôi được biệt đãi trên đường Trường Sơn. Hay như đại úy Bình nhận xét họ phải cho tù ăn no, ăn đủ may ra mới đủ sức để lê tới đích. Nhưng muỗi mòng và vắt lại là chuyện khác. Khi thối mác tại sao mới đi có hơn một tuần mà đã bị sốt rét, đại úy Bình ngẫm nghĩ rồi thở dài:

- Muỗi nó đốt tôi từ hơn ba tháng chứ đâu phải mới.

Muỗi Trường Sơn có con to hai chân sau rất dài. Với cái vốn vật học hồi Trung Học, tôi biết là Anophène chuyên chở vi trùng sốt rét Plasmodium, nhưng con muỗi này đốt không đau như những con muỗi khác - chẳng biết tên là con gì - đốt đau hơn nhiều. Có con muỗi bé tí nhưng đốt nhói cả người và để lại nốt đỏ đôi khi to bằng hạt đậu. Có con nữa giống như con ruồi nhưng nhỏ hơn cũng đáng sợ. Rồi còn vắt. Con này đen thui dài cỡ nửa cây tăm có thể búng người tung lên. Mới đầu tù còn la oai oái nhưng rồi ai nấy thây kệ vì không có cách gì đối phó. Nhìn cánh tay lúc nào cũng mẩn đỏ, tôi nhớ những lọ thuốc xoa chống muỗi của bố mẹ gửi cho. Liệu ông cụ bà cụ có biết tôi đang lê cùm vượt núi? Dung nữa. Giờ này Dung đang làm gì? Những người thân yêu của tôi hẳn đều yên trí tôi đã bỏ mạng trong trận Đồng Xoài.

Tôi không có đầu óc nào để nghĩ ngợi. Thề xác tôi rã rời. Tinh thần chỉ còn lo đối phó với những gì đang xảy ra. Sợ xích sắt oan nghiệt khiến chúng tôi không có lấy một phút riêng tư. Khi đại úy Bình thấy một người từng cùng đơn vị ở Sư Đoàn 5, ông muốn đến hỏi han thì hai

đưa tôi cũng phải ôm xích đi theo và ngồi chầu rìa nghe hai ông bạn cũ hỏi thăm í ới xem ai còn ai mất.

Rút kinh nghiệm, chúng tôi đồng ý là ráng cùng tiểu và đại tiện một lúc và lo việc quan trọng này vào lúc trời còn sáng. Sở dĩ như vậy vì có lần nửa đêm tôi quận bụng quá đành lôi hai ông bạn đi ra một chỗ khuất. Có lẽ vì mệt mỏi, và buồn ngủ, ba đưa tôi kéo lê sợi xích và nó vướng vào một bãi của ông bạn tù nào đó vừa phóng uest trước. Suốt đêm đó mùi phân xộc lên thật khó chịu.

Sốt rét chỉ lên từng cơn và thường là cách nhật. Đại úy Bình sa sút thấy rõ, mắt vàng hẩn, hai má xẹp xuống nhưng ông không hề than nửa lời. Chúng tôi cứ thế vừa lê vừa bước nhưng rõ ràng chúng tôi di chuyển quá chậm so với dự trù của cán bộ. Họ hối, họ thúc nhưng không chửi tụi tôi. Phải chăng có một cái gì đó giữa những người lính với nhau cho dù lính ở hai chiến tuyến đối nghịch khiến họ còn giữ lời ăn tiếng nói với chúng tôi chăng?

Cứ thế chúng tôi lê bước kéo xiềng trên đường rừng núi có lẽ cả tháng trời. Lúc đầu chúng tôi ở Miên, sau đó chúng tôi đến Lào. Ngó lên là trời, ngoảnh sang bên là rừng già, là sườn núi, chúng tôi chỉ còn biết cúi đầu đi tới. Đám sĩ quan ngục nay đâu còn bản đồ, còn PRC, còn địa bản gì nữa để định vị trí, tọa độ như trước đây. Nhưng ít nhất hai lần đoàn tù đã hạ trại ở gần bản của người Lào. Một lần chúng tôi thấy bộ đội Bắc Việt hí hửng kháo với nhau họ được ăn cơm nếp, khiến đại úy Bình chép miệng:

- Giá mà có cơm nếp chấm muối vừng thì có khi khỏi cả sốt rét.

Tôi nhớ một hôm đám cai tù có vẻ nhộn nhịp hẳn và tù cũng lao xao vì tin sắp rời khỏi đường mòn. Quả nhiên sau một buổi sáng gần như toàn đi đường xuống dốc, quang cảnh dần dần xem ra có khác. Rừng thưa hẳn đi và không khí như thoáng hơn, thơm hơn, dịu hơn. Đến quá trưa vào quãng hai giờ, chúng tôi thấy mình đang ở trên quốc lộ số 1. Không nhìn thấy nhưng chúng tôi biết phía tay mặt là biển vì cạnh quốc lộ rất nhiều rặng phi lao và đụn cát. Đại úy Bình quay sang hỏi ông Quyền:

- Ông binh thư lâu thông có biết Dãy Phố Buồn Thiu

Ông Quyền cười:

- Ông thầy ơi, vụ đó xảy ra từ xưa rồi, chiến tranh Việt Pháp lận. Bây giờ là Đại Lộ Kinh Hoàng. Cả chục ngàn người chết trong vụ rút lui khỏi Quảng Trị vào mùa hè đỏ lửa, ông thầy nhớ không?

Gió từ Lào thổi xuống mang cái lạnh núi rừng theo tụi tôi. Những cây phi lao như nghiêng về phía biển rung rinh. Quốc Lộ không bóng người. Thỉnh thoảng chúng tôi còn thấy một chiếc T54 cháy rụi nằm nghiêng bên lộ. Trong cái âm vang của quá khứ còn tươi rói của cuộc chiến, vắng đâu đây như có lời thơ của Đoàn Thị Điểm:

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi

Mặt chinh phu trăng rõi rõi soi.

Đang là xế chiều, mặt trời đã bị những rặng núi che khuất và những kẻ chinh phu như đám tù ngục chúng tôi thì đang thất thểu trên con đường nhựa lổ chỗ bom đạn.

Tối hôm đó chúng tôi được dẫn vào một khoảng trống khá rộng ở dưới một quả đồi. Trời tối rất mau và không trăng nhưng từ phía xa nghe như có tiếng sóng biển vọng về. Lâu lắm cho tới tối nay tôi mới ngủ một lèo mà không bật dậy nửa đêm vì muỗi mòng Trường Sơn.

Chúng tôi bị khua dây cõ hai ba giờ sáng. Trời lạnh vô cùng và những cơn gió như luồn vào da thịt, thấu đến xương tủy. Trời còn tối nhưng chúng tôi vẫn phải mò mẫm để lên đường. Quốc lộ 1 còn nguyên tuy thỉnh thoảng mặt đường bị cày lên có lẽ vì xe tăng thiết giáp hoặc lồm xướng vì bom đạn. Phía bên phải toàn là đụn cát và phi lao nhưng phía trái bắt đầu thấy có ruộng ngập nước. Mùa gặt hình như đã qua vì chỉ thấy gốc rạ bị cắt còn nhô lên.

Làm lụi như những con ma chơi, đoàn tù di chuyển chậm chạp trên quốc lộ cho đến lúc sáng hẳn. Khi vài tia nắng lóe lên từ phía đông, sự sống mới xuất hiện.

Tiếng động cơ quen thuộc nghe rõ dần và đó là một chiếc xe lam ba bánh. Xe đầy người, có hai người gần như đánh đu ở phía sau. Những người nông dân này đi đâu? Hẳn chỉ ít lâu trước đây họ là nạn nhân nhưng trong cảnh tranh tối tranh sáng này, họ nhìn và nghĩ gì về những người lính chúng tôi?

Ông Quyền thì thào hát nhỏ: “Cờ bay cờ bay trên thành phố thân yêu. Vừa chiếm lại đêm qua bằng máu... Ta ôm nhau mắt lệ nghẹn ngào, quỳ hôn đất thân yêu...”

Thành phố Quảng Trị thân yêu hẳn nằm đâu đó gần đây nhưng dân thì không thấy. Họ đâu rồi? Vào quãng trưa trời bắt đầu mưa nhỏ hạt, loại mưa phùn. Những hạt nước li ti như bụi đọng vào quần áo, vào râu tóc và dần dần thấm vào da thịt khiến ai nấy lạnh run.

Tôi và ông Quyền lo đỡ đại úy Bình lết đệt ở phía sau đoàn người thì nghe ở phía trước lao xao:

- Bến Hải. Bến Hải.

Đại úy Bình lúc nào cũng nhỏ nhẹ, nói:

- Vậy là mình sắp đặt chân lên đất Bắc.

Suốt đời tôi, tôi chỉ quanh quẩn ở Vùng Ba Chiến Thuật và nơi xa Sài Gòn nhất mà tôi từng đặt chân tới là Đà Lạt và Nha Trang. Những địa danh như Đà Nẵng, Huế, hay xa hơn như Đông Hà, Quảng Trị là những ý niệm mờ mờ, những hình ảnh của phim thời sự, của báo chí, của những người dân lữ mễ chạy loạn. Hiệp định Genève 1954 đã chặt Việt Nam ra làm hai khúc ở vĩ tuyến 17 và đẩy tôi xa Hà Nội từ tấm bé. Tôi chỉ biết Bến Hải qua một bài hát được nghe hoài hủi trên radio: “Đây Bến Hải là nơi chia cách đôi đường... Những ai lạc hướng mau quay về đây...”

Hồi mới lớn tôi nghe đã có nhiều người vượt tuyến bằng cách bơi qua sông Bến Hải. Nhưng không hiểu vì sao lòng tôi rộn hẳn lên, cùng với hai ông Quyền, Bình bước có vẻ nhanh hơn. Bầu trời trong cơn mưa phùn mờ mờ ảo ảo tạo một không khí như có như không, như mơ như thật.

Ông Quyền reo lên:

- Cái cột cờ kia!

Chúng tôi đang ở phía Nam của vĩ tuyến. Ngày xưa - ngày xưa của thời tổng thống Ngô Đình Diệm - có một vùng được gọi là Phi Quân Sự ở ngay vĩ tuyến 17 được ghi trong hiệp định

Genève. Không được đánh nhau bằng súng đạn bằng xe tăng đại pháo thì chúng tôi đánh nhau bằng mìn. Hai bên bờ của sông Bến Hải, mỗi bên đặt loa và thi nhau phát thanh. Mỗi bên cố dựng cột cờ cao hơn bên kia. Không rõ cái cột cờ ông Quyền chỉ trở có phải là cột cờ còn lại từ xưa từ xưa? Bom đạn suốt bao nhiêu năm liệu nó còn đứng vững đến giờ này chăng?

Cột cờ khá cao và lá cờ đỏ sao vàng rũ xuống ảm đạm trong cơn mưa trông thật buồn. Khi bước chân lên chiếc cầu sắt long lở, đã được hàn gắn đôi chỗ bằng những tấm bưng sắt có lỗ, loại thấy nhan nhản ở các phi trường quân sự lòng tôi băng khuâng. Cái tên nghe thật hiền, nghe như muốn gọi lên lòng yêu thương đó đã là chứng tích của bao nhiêu đổ vỡ. Đang đi trên cầu, đại úy Bình nhỏ nhẹ:

- Các ông đang đi trên lịch sử. Nhớ để mai một nếu còn sống về kể cho con cháu nghe.

Chỉ có điều đáng tiếc là ông đại úy Thiết Giáp đã không có dịp để thực hiện cái ước muốn nhỏ nhoi đó.

Tôi đứng giữa cầu ngoảnh lại nhìn về phía Nam. Giã từ nửa mảnh giang sơn đã áp ủ tôi, nuôi nấng tôi. Giã từ Dung bởi trong đáy lòng tôi, tôi biết kiếp này khó gặp lại nhau. Tôi thấy nước mắt mình tự nhiên trào ra và trong cảnh mưa phùn gió bắc này, hai người bạn có chú ý thì cũng chẳng thể thấy đâu là nước mắt, đâu là nước mưa. Hay trời cũng đang khóc cùng tôi.

Qua khỏi cầu Hiền Lương, chúng tôi nhìn rõ cái cột cờ của phía Bắc. Nó cao hơn thật và lá cờ lớn hơn nhiều nhưng cũng như lá cờ ở phía Nam, nó rũ xuống thành dải trong cơn mưa phùn.

Quang cảnh đìu hiu tê lạnh của đất Bắc khiến đoàn tù như chùng xuống. Nổi hơn hờ được đặt chân lên phần đất đã bị cắt lìa của quê hương chỉ thoáng lên trong chốc lát và sau đó là tò mò quan sát. Đường đi vốn tráng nhựa nhưng đã lở lói, nhiều khúc bị sạt lở, không còn đá xanh lót và lớp nhựa đã long đi đâu mất.

Một đoàn công voa nhà binh chở đầy lính đi ngược về phía Nam. Vài người bộ đội nhô ra khỏi xe. Dăm ba tiếng ê, a vang lên cùng với vài cánh tay đưa ra vẫy vẫy. Chiến trường miền Nam đang cần thêm tay súng. Nhưng điều làm tôi sửng sốt nhất là hình ảnh của ba người dân xã hội chủ nghĩa miền Bắc chúng tôi gặp lần đầu. Hai người đẩy một người kéo, họ đẩy một chiếc xe mà sau này tôi mới biết là xe cải tiến chất đầy những bó củi. Họ mặc áo tơi lá, nón đội sụp xuống, chân đi đất. Họ cong người trong cơn mưa đẩy chiếc xe khiến tôi như bị lôi trở về quá khứ của bao nhiêu năm trước.

Tôi nhắm mắt lại, nhớ đến bố tôi trong những buổi tối ngồi với lũ con kể chuyện miền Bắc dưới thời Pháp thuộc. Tôi là đứa lớn nhất trong nhà, còn loáng thoáng trong đầu những kỷ niệm của Hà Nội và cũng đủ lớn để hiểu bố chỉ muốn những đứa con hiểu cảnh đọa đày của người dân khi sống dưới ách đô hộ của người Pháp. Một cách gián tiếp, bố cố nuôi dưỡng tinh thần yêu nước trong đầu óc non nớt của lũ con. Những hình ảnh bố cố vẽ ra nay đang sờ sờ trước mắt tôi. Nó hiện thực đến tận lòng và tôi nhớ đến chiếc xe lam ba bánh ở bên kia bờ phía Nam. Bao lâu nữa thì người dân miền Nam sẽ biết đến xe cải tiến?

Đêm đầu tiên trên đất Bắc, chúng tôi được dọn vào căn nhà khá lớn ở ven một ngôi làng nhưng không hề thấy bóng dáng một người dân nào. Tôi nghĩ là họ đã cố tình không để dân chúng nhìn thấy chúng tôi. Trời vẫn mưa không ngớt hạt, lũ tù loi ngoi lóp ngóp, quần áo ướt sũng ngồi chịu trận cho đến sáng thì có xe tới. Tôi đếm tổng cộng tám nhưng chúng tôi chỉ được dành cho ba chiếc. So với lúc đầu thì rộng rãi chán, có lẽ vì chúng tôi đã quen với xiềng xích, vì bớt đồ đạc linh kinh hay vì chúng tôi đã gây đi chăng?

Xe chạy trên quốc lộ nhưng khá chậm vì nhiều ổ gà và đôi chỗ khi gặp sông phải đi phà. Cầu Đa số đã bị bom Mỹ đánh sập từ lâu. Dọc đường chúng tôi gặp toàn xe nhà binh chở lính đi ngược chiều và không hề thấy một chiếc xe dân sự nào, kiểu xe đồ của miền Nam.

Lắc lư cho đến gần nửa đêm, đoàn xe rẽ vào thị trấn Vinh để từ đi xe lửa. Họ tránh không để từ lên xe ngay tại ga mà lùa vào ba toa ở một chỗ trống khá vắng vẻ. Trong đêm, những toa xe thẫm màu lù lù đầy đe dọa và khi đã ở trong toa mùi khai nồng nặc. Toa xe hẹp vì đường rầy vẫn là loại 80 centimetre hồi tiền chiến nhưng có ghé hẳn hoi, dù là ghé gỗ. Từ ngòi thoải mái không phải chen chúc như khi di chuyển bằng xe Molotova.

Xe chạy độ nửa tiếng thì đậu lại ở Vinh. Toa chờ từ nằm cuối đoàn tàu nhưng từ cửa sổ chúng tôi cũng thấy cảnh chen lấn xô đẩy cửa đám đông ló nhỏ với quang gánh, hòm xiềng. Đa số đều đội mũ hay đội nón và tiếng gọi, tiếng chửi vang lên rõ mồn một. Đón khách ở Vinh độ hơn một giờ sau, tàu lại lăn bánh.

Ngoài kia trời bắt đầu hừng nắng. Những tia nắng từ phía đông soi nghiêng xuyên qua cửa kính mờ đục.

Tôi nhìn bạn bè ủ rũ, hốc hác sau hơn hai ngày bị nhồi xóc. Ai nấy bơ phờ, ngủ gà ngủ gật, chẳng còn hơi sức nào để quan sát đất Bắc hay bàn tán gì nữa. Xe lửa thỉnh thoảng lại hú còi và mỗi lần như vậy tôi để ý thấy xe đi qua xóm làng hay thị trấn gì đó. Nhà cửa đa số lợp tranh, lợp lá và đôi khi lợp tôn nhưng thấp lụ xụ.

Đây là xe tốc hành vì chúng tôi chỉ thấy ngưng một lần ở Hải Phòng. Cũng như ở Vinh, bộ đội đứng chặn ba toa cuối không để dân chúng đến gần. Có ai trong đám dân lao xao ở ga biết ba toa cuối chở toàn lính ngự?

Khi tàu sắp chuyển bánh, một cán bộ xuất hiện:

- Chúng tôi đã cố tránh không để các anh lộ diện vì e ngại phản ứng của dân chúng. Các anh là tội đồ, các anh đã phản bội tổ quốc, các anh là tay sai của đế quốc...

Anh ta nói thao thao nhưng tóm gọn lại là nếu dân đất xã hội chủ nghĩa nhìn thấy là chúng tôi lãnh đủ. Anh ta không nói trắng ra nhưng ngụ ý dân chúng sẽ xông vào đánh đập, ném đá và có thể xé xác lính ngự. Lòng căm thù của quần chúng đối với ngự đã khiến Đảng phải tìm cách bố trí cho họ không thấy chúng tôi. Nhưng như lời anh ta, chúng tôi sẽ phải chuyển xe ở Hà Nội và dân chúng Hà Nội đã biết và đang tụ tập, mít tinh ở ga Hàng Cỏ chờ đợi. Từ nhìn nhau không nói gì, nhưng tận đáy lòng, niềm lo sợ khiến ai nấy dăm chiêu. Hình ảnh của phi công Mỹ bị trói giạt cánh khuỷu, bị dẫn đi diễu giữa phố phường Hà Nội làm tôi lạnh gáy. Viên cán bộ hạ lời cuối:

- Các anh liệu thần hồn...

Thuở nhỏ tôi ở Hà Nội nhưng chưa bao giờ đến ga Hàng Cỏ vì bố mẹ tôi bảo chỗ đó toàn du côn du kê, toàn thứ trèo me trèo sấu, du thủ du thực. Đám con nít tụi tôi đều xanh lè mắt khi nhắc đến du côn ga Hàng Cỏ. Do đó tôi không biết ga này có khác xưa không.

Khi tàu đậu lại, cả một rừng người tụ tập. Rất nhiều lính áo vàng nón cối dép râu đeo AK mà mãi sau này tôi mới biết đó không phải là lính mà là công an. Họ đứng thành hai ba lớp chặn ngang đám đông ló nhỏ. Rất nhiều biểu ngữ hoan hô đã đảo và điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là hình ông Hồ, rất nhiều, được trưng lên trong đám đông. Ít nhất tôi cũng đã đủ lớn để nhìn thấy cảnh biểu tình nhưng dù dưới thời vua Bảo Đạo, thời Ngô tổng thống và sau này các ông

Thiệu - Kỳ, chưa bao giờ tôi thấy hình ảnh của họ xuất hiện như hình của ông Hồ Chí Minh. Tôi huých ông Quyền:

- Nó bảo là cuộc mít tinh tự phát, dân chúng tự ý đến “dàn chào” tụi mình ...

Ông Quyền cười tủm tỉm:

- Ôi, ông ơi, nó nói gì kệ nó. Ông ráng mà lấy tay che đầu. Đá xanh trúng là bể gáo.

Rồi cũng đến lúc phải đương đầu với hiện trạng. Tù được dẫn xuống để đổi toa. Những tiếng hò hét được điều khiển bởi hai cái loa vang lên vang rền. Dăm ba viên đá ném về phía tụi tôi nhưng có lẽ vì xa quá nên không tới.

Tôi căng mắt nhìn người dân Hà Nội. Đa số đều mặc áo màu xám tro. Mấy em nhỏ co ro vì lạnh ngồi xỏm ở hàng đầu chỉ tỏ cười nói. Tôi nhìn lại anh em đồng đội. Họ như người rừng, rừ rượi tả tơi xơ xác hoặc như lời giễu cợt của ông Quyền “Trông chúng mình không giống con giáp nào.” Những người đứng phía dưới đường kia nhìn tụi tôi dám nghĩ là những đứa kỳ hình dị dạng này đúng là hình ảnh tiêu biểu của quân đội Việt Nam Cộng Hòa của ngụy quân, những tên lính chuyên moi gan người ăn sống và cắt tai Việt Cộng xâu thành chuỗi đeo ở cổ. Họ có thể nghĩ như vậy lắm chứ.

Việc chuyển tàu ở ga Hàng Cỏ nếu làm nhanh gọn có lẽ chỉ kéo dài độ một giờ nhưng đã được tính toán cho trở thành dềnh dàng hơn để dân Hà Nội có dịp nhìn kỹ hơn lũ ngụy ác ôn tụi tôi. Nói gì thì nói, chúng tôi không ai bị trúng đá xanh hoặc bị con nít dùng súng cao su bắn cả. Họ chỉ tỏ cười nói nhiều hơn và “lòng căm thù” như lời đe dọa của viên cán bộ không thấy lộ ra.

Rời Hà Nội, tụi tôi xuống xe lửa ở trạm cuối Việt Trì và ở đó may quá dân chúng không tự phát đi tới ga chào đón chúng tôi.

Đoàn tù được đưa về một nơi tôi thấy đề biển màu vàng chữ đỏ Hợp Tác Xã Quyết Tiến 1. Đó là một dãy nhà khá rộng, trống lổng, chông trơ hai bàn gỗ dài và một lô ghé cũ kỹ đôi cái đã long đinh. Không có nhân viên nào của hợp tác xã xuất hiện. Nhưng sáng hôm sau trước khi được chất lên xe để đi tiếp thì có chừng hai ba chục người đứng bên lề đường góc, nhìn tù chỉ trở.

Tôi nhớ mãi khi vừa lên xe sắp sửa chạy thì có một người tắt tưởi chạy tới, vừa đi vừa nói oang oang:

- Có anh nào ở Tiểu Đoàn 9 Dù không?

Anh ta xồng xộc chạy tới bám vào xe hỏi đi hỏi lại:

- Có anh nào ở Tiểu Đoàn 9 Dù không?

Khi biết không có 9 Dù, anh ta toe toét:

- Mấy bố khiếp lắm, đánh giỏi lắm. Hễ gặp ai ở Tiểu Đoàn 9 Dù cho thằng này gửi lời thăm. Mấy bố bắn khiếp.

Một người lính áp tải đến can thiệp thì anh ta văng tục liền:

- Địt mẹ, làm đéo gì thế. Ông mày đi B đánh nhau với Dù thừa sống thiếu chết, chưa sợ thằng nào đâu !

Không hiểu sao tôi vẫn nhớ người bộ đội phục viên đó và câu chuyện trên sau bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời. Có thể vì cái giọng oang oang hoặc cũng có thể yếu tố bất ngờ của câu chuyện chăng?

Ì ạch, lúc nghiêng lúc ngả rồi chúng tôi cũng tới nơi họ muốn chúng tôi tới. Lúc đó vào quãng xế trưa nhưng cuộc đời tù tội của tôi mới chỉ ở cửa trại.

Họ bắt đầu mở khóa tháo xiềng cho tù và công việc dễ dàng này bỗng trở nên vô cùng linh kính do khóa được thu mua từ nhiều nguồn khác nhau, cái lớn cái nhỏ, cái dày cái mỏng, không cái nào giống cái nào. Những cái khóa đó sau một thời gian mưa gió dãi dầu đã có cái rỉ sét, có cái lỗ khóa tắc tịt vì bùn đất. Ngay cả khi tìm đúng chìa thì mở được khóa cũng khá gay go. Đôi khi có chùm tù phải tự loay hoay cố tìm cho đúng cái chìa định mệnh.

Kết quả là có sáu chùm không tháo được khóa.

Phải hai ngày sau trại mới triệu được ông thợ rèn đến chặt mấy sợi xích oan nghiệt để giải phóng cho họ.

Tù được sắp thành hàng ngang đối diện với một dãy bàn dài trên đó từng chồng quần áo màu đỏ. Từng người một tiến tới và được lệnh cởi hết quần áo. Trần trường, tông ngồng, tù trút bỏ lớp y nhung cũ kỹ sương gió của miền Nam, của núi rừng để trông vào người bộ quần áo màu đỏ. Ông đại úy thiết giáp Bình nay không còn dây mơ rễ má gì với ông thiếu úy Quyền và trung úy Dũng nhưng vẫn đứng sát tụi tôi nhỏ nhẹ:

- Chính ra tụi tôi nói phải xịt DDT mới đúng sách vở.

Chỉ một điều chúng tôi biết là thân phận tù binh trong đệ nhị thế chiến thỉnh thoảng thấy trên màn ảnh ciné không thể so với tù binh dưới xã hội chủ nghĩa được. Mục tiêu lớn nhất của vụ vất bỏ quần áo không phải vì sợ sốt chấy rận, không phải vì vấn đề vệ sinh. Những cái đó ăn thua quái gì. Vấn đề chủ yếu là an ninh, là không để bất cứ tù nhân nào có dịp giấu giếm bất cứ thứ gì trước khi nhập trại. Tôi nhớ đến lượt tôi trong bộ quần áo thuở lọt lòng mẹ đưa tay ra thì có tiếng hô:

- Đố Lệnh Dũng, H6347.

Đó là số tù của tôi.

Tôi lẩm nhẩm “số bù” và ngạc nhiên với chính tôi. Hời ơi trong cảnh này sao tôi lại nghĩ như vậy hay linh tính cho thấy cuộc đời tù tội của tôi đã xui ngay từ ngoài cửa trại tù với con số bù 6347 và cái chữ H có thể đọc là Hốc Hác, là Hồng, là Hết?

Dẫu sao thì lúc này tôi cũng giàu có hơn khi nằm trong cái hố giữa chiến khu D vì đã được hữu sản hóa với hai bộ quần áo màu đỏ có in số ở sau lưng, một manh chiếu cói và một cái chăn. Với gia tài đó tôi bước vào một cuộc đời khác.

Thế là tôi đã đổi xác thêm một lần nữa.

Lần trước tôi trút bỏ bộ quần áo thư sinh trông vào người bộ đồ trận, ba lô mũ sắt để từ anh sinh viên Luật mơ mộng thành người lính dầu sương dãi gió trong mười năm chinh chiến.

Nay một lần nữa tôi lại trông vào người bộ quần áo có chữ ở phía sau lưng để bước vào quãng đời khác dài không kém.

**Chiến tranh: Hiện thực và ký ức trong truyện Lê Thiệp  
Nguyễn Mạnh Trinh**



Cầm cuốn sách trên tay nhưng tôi đã có những ý niệm. “Tôi đọc Đỗ Lệnh Dũng” nhiều đoạn trên Hoa Thịnh Đốn Việt Báo và quả thật đã có nhiều ấn tượng từ những trang viết ấy. Một trận đánh được kể lại bằng chính người trong cuộc, mà nhân vật xưng tôi, hình như có nhiều chi tiết tương tự giống như những cảnh ngộ khác của nhiều người, tuy có một nét gì quen thuộc nhưng lại mở ra những cảm giác xa lạ nhưng gần gũi.

Tại sao? Bởi vì, qua những dòng chữ, thấy được cái mẫu số chung của một thế hệ, lớn lên và trưởng thành ở miền Nam, tham dự vào chiến tranh với một thái độ vô tư, của một điều tự nhiên, sống ở nơi chốn này thì phải bảo vệ quốc gia này. Họ đi học, đi lính, đi trận rồi bị đi tù, rồi đi Mỹ, rồi đi lập lại cuộc đời ở xứ sở định cư. Cái mẫu số chung ấy nhiều người chung mang, giống về đại thể, nhưng chi tiết thì khác. Có khi là những bản trường ca của hăm hiu, khổ nạn. Nhưng có khi, lại là những thiên hùng ca, của những người hùng sinh làm thế kỷ. Cái chuyện chung mà riêng, riêng mà chung ấy, có lẽ là của nhiều người trong chúng ta, như chúng tôi, hay như Lê Thiệp, hay như Đỗ Lệnh Dũng...

Đã có rất nhiều tác giả và tác phẩm về chiến tranh Việt Nam, từ những góc độ khác nhau, vị trí khác nhau. Ở một vài trường hợp, nó đã là một thành phần của văn học đương đại. Phần đông các tác giả đều là những người đã tham dự vào cuộc chiến. Họ có thể là một GI, hoặc là một người lính vượt Trường Sơn với khẩu hiệu sinh Bắc tử Nam, hay là một người lính Việt Nam Cộng Hòa. Họ cầm súng với tâm tư, thái độ khác nhau và vị trí địch bạn đã được xác nhận dù mơ hồ hay thực tế, dù gián tiếp hay trực tiếp. Với Bắc quân, cái nhìn địch bạn rõ rệt hơn và hầu như, nếu có chút gì suy nghĩ trệch hướng, cũng là những công thức có sẵn từ những người chỉ đạo cuộc chiến. Với người GI Hoa Kỳ, cái nhìn khá nhiều phức tạp, nhìn ngấm thực tại với nhiều góc độ có khi đối nghịch và mâu thuẫn với nhau. Còn với người lính miền Nam, cái hành động cầm súng có khi đắm chất lãng mạn. Họ vào quân đội không một chọn lựa. Nhiều khi họ chẳng muốn làm người hùng nhưng họ cũng chẳng muốn làm kẻ hèn...

Có người nói viết về chiến tranh mà đứng ở một góc độ, một vị trí thì chỉ nhìn thấy được một phần sự thực. Nhưng, nhiều khi mục đích của văn chương không chỉ vồn vện trong mục đích nêu lên được sự trung thực. Nhiều khi, cần phải có tính thẩm mỹ cao và lời cuốn được độc giả. Cùng một sự kiện, nhưng với một nhà văn miền Nam thì nhận thức khác, mà người cầm bút miền Bắc lại có cảm nhận khác, và đến người lính GI thì lại càng khác biệt, cả từ người lính tình nguyện chuyên nghiệp đến người lính bị động viên. Do đó, sự trung thực cũng được nhận thức ở nhiều khía cạnh. Và, một tuyệt tác văn chương về chiến tranh hình thành từ nhiều yếu tố, mà trong đó có cả những hư cấu bên cạnh những sự kiện hiện thực. Trong chiến tranh có nhiều “sự thực” chứ không phải chỉ có một. Và, những “sự thực” này nhiều khi lại tương phản, lại đối nghịch nhau.

Có phải như Tim O'Brien, tác giả của tác phẩm khá nổi tiếng viết về chiến tranh Việt Nam “The things they carried” khi nhận xét về những giới hạn của các tác giả khi khai triển đề tài này trong khi cầm bút vì “bị giam hãm trong chính những kinh nghiệm của mình. Và kết quả là trí tưởng tượng bị phong kín lại, cũng như độc giả dễ tiên đoán được cốt truyện từ kiểu cách kể chuyện kiểu melodrama, hay đề tài bị thu hẹp và phong cách không tận dụng những điều hư cấu để làm cho văn chương bay bổng hơn”? Viết văn. có phải là đơn thuần làm người kể chuyện và sử dụng bút pháp hiện thực chủ nghĩa truyền thống hay làm một người tạo dựng ra riêng một thế giới mà ở đó trộn lẫn giữa hư cấu và thực tại?

Với Lê Thiệp trong “Đỗ Lệnh Dũng”, thực tại ngồn ngộn những sức sống và theo cảm quan của người đọc như tôi, những thực tại ấy lời cuốn và có tính thuyết phục nhiều hơn. Diễn tả một cuộc chiến, là phô diễn được những nét trung thực của hoàn cảnh khốc liệt, của những tình tiết có nét tự riêng nhưng phản ánh được tâm tư chung của một thời thế thật nhiều biến cố. Mô tả biến cố, có phải là làm độc giả tưởng tượng thấy được hoàn cảnh lúc đó và bị lôi kéo vào, tham dự vào. Nếu có hư cấu, nhiều khi chất trung thực bị giảm bớt. Nhưng, tác phẩm văn chương khác với những trang nhật ký được ghi chép. Tác phẩm văn chương phải có sự chọn lựa từ mô tả đến suy tư, từ nhận định đến liên tưởng.

“Đỗ Lệnh Dũng” là một truyện ký. Và ở thể tự thuật này, một cuộc đời được kể lại, bắt đầu từ một trận đánh ở quận Đôn Luân (tức chi khu Đồng Xoài) vào năm 1974. Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng bị bắt sau khi quận lỵ này bị thất thủ. Và từ đó là một quãng đời kéo dài mấy chục năm đầy những gian truân đầy những khổ ải. Nhưng, chiến binh ấy, vẫn trong thái độ chấp nhận gian nan để đợi chờ những ngày tươi sáng. Cuộc đời ấy, đầy những biến cố nghiệt ngã. Từ lúc mặc quần áo lính đến khi qua Mỹ đoàn tụ gia đình, thời gian ấy là của chia ly xa cách, của những trận đánh dữ dội, của những ngày tù binh vượt Trường Sơn ra Bắc, là những ngày tháng mỗi mòn bị hành hạ đói khát trong các trại tù Cộng Sản.

Tác giả Lê Thiệp đã mang cái chất sống động của thời thế để kể lại một trong muôn ngàn những góc cạnh của “sự thực” với một chân dung người lính đầy chất nhân bản. Mỗi một sự kiện đều chuyên chở theo những thông điệp. Dù có khi chỉ là những ý tưởng vụn vặt nhưng nhiều lý thú.

Từ một viên kẹo mà người lính nghĩa quân và người sĩ quan chia sẻ với nhau trong khi mặt trận vẫn còn sôi lửa, là một nhận thức bất ngờ, là một cảm nhận trung thực của một người lính miền Nam:

“Chính lúc đang cố dùng lưỡi đẩy cái giấy kẹo nhẹ ra khỏi miệng, tôi chợt thấy sự hiện diện ở nơi đây có lý do của nó.

Tôi là sĩ quan-Trung Úy Dũng - nhưng suốt bao nhiêu năm trong quân ngũ, chưa bao giờ tôi để tâm tới khía cạnh vẫn thường được nói tới như lý tưởng bảo vệ tự do, như chiến tranh ý thức hệ, như tiền đồn của thế giới... Tôi bị động viên thì đi. Được huấn luyện thành sĩ quan. Giáo dục của gia đình và học đường khiến tôi thấy những bổn phận đó là đương nhiên. Chưa bao giờ tôi đặt câu hỏi bới tôi về ý nghĩa của cuộc chiến cả.

Nhưng tôi yêu quân đội và có lẽ đã được sống và đã được chia sẻ với những người như anh nghĩa quân chia cho tôi cục kẹo. Trong cái ý nghĩ luẩn quẩn đó, tôi im lặng quan sát người lính dưới quyền. Anh ta khoảng hai mươi. Quá trẻ. Dáng dấp cho thấy giống như bất cứ thanh niên quê mùa nào, anh đăng nghĩa quân để được gần gia đình...”

Hay, sau khi thất thủ quận, phải rút lui ra khỏi chiến trường, bị đuổi đánh và truy kích, nhưng vẫn không muốn làm người bỏ chạy một mình:

“...lên tới đội, bố trí toán binh sĩ vào đám cây lớn nhưng thừa thớt tôi bàn với Trung Úy Hùng tìm cách đối phó.

Ông Hùng trầm ngâm:

- Cách duy nhất là tan hàng, tôi, ông đi với vài đứa may ra thoát. Lẽ mà thế này thì chỉ tới sáng mai tụi nó tóm cả lũ.

Cái chữ lẽ mà mô tả linh động cảnh đang diễn ra quanh tôi. Giải pháp thoát một mình không bao giờ là giải pháp tôi nghĩ tới. Không phải vì lý tưởng quốc gia. Không phải vì những danh từ đao to búa lớn của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị. Tôi chỉ nghĩ giản dị đã là sĩ quan chỉ huy thì không thể bỏ rơi binh sĩ dưới quyền. Thế thôi. Và lại dù ô hợp, dù đám chúng tôi là một đơn vị không đồng nhất với lính nghĩa quân, địa phương quân, lính sư đoàn 5, lính thám báo, nhưng chúng tôi là quân nhân. Cho đến giờ phút này, họ vẫn tôn trọng chúng tôi vì tôi là sĩ quan cao cấp nhất của họ tôi là người chỉ huy. Họ tin ở tôi. Họ chờ ở tôi...”

Trên đường đào thoát, rơi rớt dần dần, người thì bỏ đi lối thoát khác, người thì bị thương gục ngã ven rừng. Nhưng, không hề là sự bỏ rơi. Trong hoàn cảnh cùng khổ nhất, vẫn cư xử với nhau tình nghĩa. Tình nghĩa của những người lính chia sẻ sống chết với nhau. Một người lính, vết thương đã làm độc có mùi, nhất định không chịu đi, đòi nằm lại để không làm quần chân những người chiến hữu:

“Tui không đi nữa.

Tôi nhỏ nhẹ:

Anh cố lên. Nếu anh chậm lại thì cả đoàn phải chậm lại.

Tui nói tui không đi.

Tôi ra lệnh cho anh đứng dậy.

Đù mẹ mày trung úy. Đù mẹ, không đi là không đi.

Tôi sững người, và có lẽ do phản ứng của người chỉ huy, tôi rút khẩu Colt, cầm tay:

Tôi có thể bắn anh vì tội bất tuân thượng lệnh

Anh lính nhòm người, dứt tung cúc áo vạch ngực:

Đù... mẹ... mày, ngon thì bắn đi. Ngon thì bắn đi..."

Và kết cuộc là:

"Tôi ra lệnh mọi người tiến về phía trước. Chừng mười phút sau tôi quay trở lại chỗ người lính sư đoàn 5. Trông anh ta đã có vẻ dịu cơn thịnh nộ. Tôi nói:

Anh cố được không? Tôi không đành lòng bỏ anh ở lại.

Trung úy cố đưa anh em về. Tui chịu không nổi, trước sau gì cũng chết. Cố đi chỉ làm vương bạn anh em thôi.

Anh cố tụi tôi dìu.

Anh lắc đầu, cởi chiếc đồng hồ đưa tôi cùng với chiếc bóp giấy tờ:

Mai mốt về được đưa cho vợ con tôi mấy cái này. Nói xong anh nhắm mắt, lắc đầu ra kiểu không còn gì để nói. Tôi đứng lên lòng tê tái ra đi, không dám ngoảnh lại nhìn. Chúng tôi di chuyển độ nửa giờ thì nghe tiếng lựu đạn nổ phía sau..."

Câu chuyện kể như một thiên hùng ca bi thảm. Trong hoàn cảnh ấy, mới tỏ lộ được cái tình của con người với nhau. Trong cái sống và cái chết cận kề, con người là con người, không phải là con thú... Những thông điệp như thế, có rất nhiều trong truyện ký "Đỗ Lệnh Dũng".

Một cuộc chiến tranh, mà khi chấm dứt, đã hơn ba chục năm sau mà vẫn còn hằn dấu. Người Việt Nam nhiều khi còn khó hòa giải với nhau hơn là với người Mỹ.

Hãy coi trường hợp Bảo Ninh, được coi là một người ít cuồng tín nhất trong chiến tranh và từ tác phẩm đã có những suy nghĩ chệch khỏi hướng của nền văn nghệ được chỉ đạo bởi chính trị. Với "Nỗi Buồn Chiến Tranh" một tâm lý của những người đi tìm lại những gì gọi là chân lý khi đi chém giết nhưng vô vọng. Nó nhắc nhở tới những người đã chết, đến bạt ngàn những ngôi mộ dọc Trường Sơn, đến những người "Bê Quay" đào ngũ trở về để trốn lánh những trạng thái vô vọng đen tối. Nhưng Bảo Ninh trong khi viết vẫn bị ảnh hưởng của lối viết cường điệu, mô tả địch nhất định phải là quỷ mà ta nhất định phải là tiên, là anh hùng. Cái đoạn mô tả người lính thám báo Việt Nam Cộng Hòa đã hăm hiếp tàn sát dã man ba cô gái thanh niên xung phong khi bị bắt thì hèn hạ van xin để tránh khỏi cái chết là một ví dụ. Dù trong phong cách dựng truyện vẫn bàng bạc những nỗi niềm, dù chiến tranh đã được nhìn khác đi với một cuộc chiến tranh ái quốc thần thánh, nhưng những đoạn như trên chỉ minh chứng một điều. Cái tâm tư của người chưa quên được nỗi căm thù với người bên kia chiến tuyến. Đó là chuyện của mười mấy năm trước. Bây giờ thì phải đổi khác chứ! Đã qua rồi sự phân biệt địch ta, đã đến rồi sự hòa giải dân tộc, có phải?

Thế mà, trong tập truyện mới nhất của Bảo Ninh "Lan man trong khi kẹt xe" xuất bản năm nay, vẫn là những tâm tư cũ, những âm điệu cũ. Vẫn, ta là đẹp, là thiên thần. Địch là xấu, là quỷ dữ. Trong truyện "Ba lẻ một" được đăng trong tạp chí Văn Nghệ Quân Đội Xuân Mậu Dần năm 1988 sau được tuyển lại và in trong tập truyện kể trên, Bảo Ninh nhắc lại một thời kỳ hoảng loạn năm 1975 ở miền Nam. Sự cường điệu rõ rệt khi ông mô tả một nhân vật (cô chủ quán) sống ở miền Nam gặp gỡ một nhóm bộ đội trên chiếc xe tăng mang số hiệu "ba lẻ một" và trong đó mơ hồ một cái hẹn hò về sau. Trong khi người cha, người chồng, những người thân thiết nhất của cô lần lượt bỏ đi thì cô vẫn ở lại để chờ đón một ngày gặp gỡ lại người bộ đội mà cô cho rằng dễ thương và rất đẹp. Bảo Ninh muốn nói gì trong truyện ấy? Có phải là gây một ấn tượng tuyên truyền về chân dung người bộ đội đầy tình người cao đẹp chứ không phải là hình tượng dã man của chế độ cũ đã tuyên truyền. Và, tình cảm sự kính phục ấy còn mạnh hơn cả tình nghĩa cha con, tình nghĩa vợ chồng. Những người ấy trốn chạy quê hương trong khi cô ở lại để chờ mong một cái gặp gỡ cực kỳ mong manh.

Trong khi cả triệu người vượt biển tìm tự do, và cả triệu người xác vùi ở biển Đông, thì Bảo Ninh lại viết như thế, ở thời điểm này, thời điểm của đổi mới, của hàn gắn để xây dựng đất nước? Đã ba mươi năm rồi, đã chẳng còn tiếng súng... Đối tượng địch thù của Bảo Ninh không chỉ là những người lính bên kia chiến tuyến. Mà, còn là những người dân miền Nam được mô

tả tàn tệ như người cha, người chồng của cô gái trong truyện. Họ “quyết lòng trốn chạy quê hương vì nuôi tiếc kiếp xưa”, bỏ lại người thân không thương xót. Chứ không như anh bộ đội lịch sự tình nghĩa và có lúc cao hứng hẹn sẽ về thăm lại trong tương lai...

Với Lê Thiệp và “Đỗ Lệnh Dũng”, từ những ghi nhận trong cuộc sống cũng như trong cách diễn tả, chủ ý là để làm nổi bật được người và việc của một thời đại đầy biến cố bi thảm của dân tộc. Đọc, ít thấy những ý nghĩ căm thù, dù là mô tả một phiên tòa xử kiểu tòa án nhân dân của Cộng Sản từ hình một người trung sĩ phát ngôn viên cho chi khu. Kể, như một chứng liệu chiến tranh. Trong những tháng ngày bị đày ải từ lúc bị bắt đến cuộc di chuyển khốn khổ vượt Trường Sơn rồi những ngày tháng lao động khốn khổ đói khát, bao nhiêu là chi tiết lý thú, bao nhiêu là dữ kiện đặc biệt. Những nhân vật xuất hiện bên cạnh, ở bên này hay bên kia, đều có tính biểu tượng. Như ông lán trưởng coi người tù như “một món hàng giải trí để phát tiết chín năm ần ứ”: “Ông thí cho mỗi đứa một viên là xong đời nhà chúng mày. Vì chúng mày mà ông ở cái số này chín năm chưa gần đàn bà. Ngươi chúng mày chỉ có đoàng một cái giống như ông giết con gà con chó vậy.”

Hay hình ảnh của một người tù binh già cao cấp nhất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Đại Tá Nguyễn Văn Thọ, lữ đoàn trưởng nhảy dù. Đàng hoàng, tư cách, nhẩn nhục nhưng khí phách. Và, nhất là tấm lòng của một người chỉ huy lúc nào cũng thương yêu và nghĩ đến những người thuộc quyền: “Cuối cuộc trình diện, ông trầm ngâm bảo tôi: Cám ơn anh vẫn còn nghĩ đến tình đồng đội để đến thăm tôi - Ông không dùng chữ trình diện - Điều duy nhất tôi mong mỗi ở tất cả anh em là phải thương yêu đùm bọc nhau, cố giữ lấy tinh thần của người lính quốc gia. Chỉ có thể anh em mình mới chứng minh được rằng mình khác họ và chỉ có thể mới mình giải những điều anh em mình đeo đuổi là đúng. Anh cho tôi gửi lời thăm tới tất cả anh em mới tới và bảo họ không cần tới thăm tôi nữa. Anh nói giùm với anh em là tôi luôn luôn cầu Trời Phật để mọi người mạnh khỏe.”

Nhưng, nhân vật Đỗ Lệnh Dũng lại là một người may mắn. Ông có một gia đình thương yêu đùm bọc. Ông có những mối tình đẹp, có một đời sống lứa đôi hạnh phúc. Ông có nhiều người thương mến mình. Như những người dân người Stieng ở Bồ Đức, mà hai mẹ con cô gái Thượng đi cả ngày đường để mang bắp trả lại cho ông “Hai Dũng”. Hay là người cố vấn Hoa Kỳ năm xưa, Sam Graves, nay là đại tá đã nhớ ơn cứu tử và hết lòng giúp đỡ khi gia đình Đỗ Lệnh Dũng vừa mới tới định cư ở xứ người. Cái kết cuộc “happy ending” ấy có phải là cũng là chung cuộc tốt đẹp của hàng triệu người tị nạn chúng ta?

Viết về nhân vật Đỗ Lệnh Dũng, tác giả Lê Thiệp phóng chiếu cái nhìn của mình vào một thời thế đầy những điều đáng ghi chép lại cho lịch sử dân tộc. Dù, chỉ là một góc cạnh của một người, một cá nhân trong muôn vạn khía cạnh khác nhưng vẫn là một bằng chứng hùng hồn về một thời đại bi thảm của những người phải bắt buộc lao vào lò lửa chiến tranh. Những người ấy, trong những hoàn cảnh nghiệt ngã vẫn can đảm sống, vẫn vượt qua những bão táp của cuộc đời với một tâm tư không oán thù không hờn căm. Họ hiện ngang đứng dậy giữa những hoang tàn đổ nát của một đất nước điêu linh thống khổ như một nối tiếp cho truyền thống dân tộc Việt Nam tiềm tàng...

## Tác phẩm Đỗ Lệnh Dũng của Lê Thiệp Vũ Ánh

Ít có một cuốn hồi ký nào lấy tên chính mình làm đầu đề cho cuốn sách, ngoại trừ tác phẩm “Đỗ Lệnh Dũng” của Lê Thiệp do nhà xuất bản Tiếng Quê Hương mới ấn hành. Đỗ Lệnh Dũng là một người lính, một sĩ quan thuộc Lực Lượng Đặc Biệt của B-14, một tù binh chiến tranh. Anh không nhận mình là anh hùng và cũng không thích người ta gọi mình là anh hùng. Đọc hết trên 400 trang sách, người ta có thể thấy người thanh niên Đỗ Lệnh Dũng là một trong hàng vạn

người lính bình thường khác, nhưng cuộc chiến mà anh phải đương đầu là một cuộc chiến khốc liệt, khốc liệt đến nỗi họ nói chuyện chết chóc cũng như nói chuyện cơm gạo hàng ngày. Khi mới nghe nói đến tác phẩm viết về chiến tranh, cũng sẽ có người nói: “Lại chiến tranh, chuyện xưa rồi, lại từ chiến thắng này đến chiến thắng khác chứ gì?” Tôi hiểu lý do tại sao có người sẵn sàng lạnh nhạt với những tác phẩm viết về chiến tranh như vậy. Nhưng trong tác phẩm “Đỗ Lệnh Dũng” không có những chiến thắng đó. Những ai đón đợi tác phẩm “Đỗ Lệnh Dũng” với những trang giấy bừng sáng lên nhân dáng của những anh hùng với một ý thức hệ quốc cộng rõ ràng sẽ thất vọng. Không, hồi ký này, Đỗ Lệnh Dũng kể chuyện chiến tranh với một giọng bình thường, không hề giận dữ và người thuật lại, nhà báo Lê Thiệp cũng cố gắng gạt ra ngoài mọi cảm tính để cuộc chiến hiện nguyên hình với tính chất đặc thù của nó, không bị ý thức hệ bóp méo.

Dũng, cậu con trai trưởng của một gia đình dòng dõi, học trường tây, có gốc gác và những điều kiện có thể từ chối lệnh động viên. Nhưng lệnh gọi thì anh đi bởi vì anh quan niệm “tuổi anh là thuộc tài nguyên quốc gia” và chịu ảnh hưởng của lệnh tổng động viên của Việt Nam Cộng Hòa. “Ai sao thì tôi như thế, không dùng ảnh hưởng gia đình, không chạy chọt để khỏi phải xếp bút nghiên theo việc đao binh”, Đỗ Lệnh Dũng nghĩ như vậy và anh làm đúng như vậy, như hàng trăm ngàn thanh niên khác. Tốt nghiệp khóa 3/68 trường Bộ Binh Thủ Đức, thêm 6 tháng thực tập, Dũng chính thức lao vào cuộc chiến. Anh làm bổn phận của một công dân, trách nhiệm với chính mình và các đồng đội. Trận mạc thì có thắng có bại, nhưng mặt khác trận mạc cũng giống như một cơn lốc cuốn hút những người như Dũng vào cuộc. Anh đối phó với chiến tranh, khói lửa, chết chóc với một trái tim của một người đang yêu. Bối cảnh anh sống và chiến đấu là Đồng Xoài và Phước Long. Đỗ Lệnh Dũng đối diện với cuộc chiến từng giờ từng phút với những biến chuyển bất ngờ ở những khu rừng bao la và đầy dọ nạt ở đây.

Nhiều đồng đội của Dũng không hiểu được là có lần anh đã ngồi vào cái ghế tương đối nhàn nhã và mang trước ngực chữ thọ lớn, nhưng lại cảm thấy không thích, đó là làm tùy viên cho tỉnh trưởng Phước Long lúc đó là Đại Tá Lưu Yểm. Anh đã xin rời bỏ chức vụ để tình nguyện sung vào Đại Đội Quyết Tử của tỉnh, một đơn vị giống như Biệt Kích của tiểu khu này, chỉ vì anh thấy an tâm và cảm thấy trưởng thành hơn khi chiến đấu bên cạnh đồng đội. Bị thương hai lần, một lần may mắn không bị cưa tay, khiến cho bố mẹ Dũng sang làm việc ở Hoa Kỳ từ năm 1964 sốt ruột. Ông cụ bà cụ đã dùng ảnh hưởng của mình và của cố vấn Mỹ để đưa con đoàn tụ với gia đình trước biển cố 30 Tháng Tư, 1975. Lần này anh được sang “viếng thăm gia đình”, nhưng ai cũng hiểu là lần đi này là không trở về lại nữa. Trước khi lên đường qua Hoa Kỳ, anh quay lại B-14 để từ giã đồng đội và các cấp chỉ huy. Và cuối cùng do nhận chỉ huy thay cho một người bạn đi phép nên đã là chứng nhân màn khởi đầu của một biến cố khiến miền Nam Việt Nam sụp đổ. Bị bắt làm tù binh ở Phước Long, bị đưa ra Bắc và trải qua những năm tháng dài trong các trại cải tạo của Cộng Sản.

Trong suốt đoạn đầu của tác phẩm, Đỗ Lệnh Dũng dưới ngòi bút thuật sự của Lê Thiệp, nếu chiến tranh được hiện nguyên hình đúng với thực chất của nó, thì trong phần hai, Dũng cũng vẽ lại gần như nguyên bản thực những ngày lưu đày trong các trại tù Cộng Sản. Đói khổ, bị hành hạ, bị đày ải là điều đương nhiên. Nhưng hàng ngũ cán binh Cộng Sản mà anh gặp cũng có người xấu người tốt, cũng có người còn giữ được lương tri và cũng nhiều người trở thành phi nhân, lạnh lùng, tàn độc. Nhưng trong suốt những trang sách của phần hai, Đỗ Lệnh Dũng đã kể lại bi hùng ca của những người lính bại trận, bị lưu đày với một giọng bình tĩnh lạ lùng. Sự bình tĩnh ấy sẽ là một cái nền vững chắc cho một đời sống khác hạnh phúc hơn, bình an hơn khi anh được đoàn tụ với gia đình tại miền Đông Hoa Kỳ, nơi mà người Mỹ đón anh và gọi anh là một anh hùng theo cách nhìn của họ. Trên hết, chính cái cách thể đối phó với những bất hạnh của chính mình mà tác phẩm “Đỗ Lệnh Dũng” của Lê Thiệp đã chuyên chở được một thông điệp quan trọng cho cả một thế hệ vào độ tuổi của Dũng lúc chiến tranh kết thúc.

Bản thân Đỗ Lệnh Dũng thì không muốn bất cứ ai gọi anh là anh hùng. Anh không muốn làm anh hùng mà chỉ muốn làm người lính bình thường, sống và chiến đấu như mọi đồng đội của mình. Chỉ nội cái ý muốn giản dị của anh như thế đã đủ để gọi Đỗ Lệnh Dũng là anh hùng rồi.

Friday, June 05, 2009



## Chiến hữu Tướng Năng Tiến

*“Tôi nhân danh sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà xin hứa sẽ trở lại với đồng bào.”*

Trung úy Đỗ Lệnh Dũng



*Trung úy Đỗ Lệnh Dũng thời còn trẻ.*

*Ảnh: photobucket*

Tướng gì chứ sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà, cấp bậc làng nhàng, như ông Dũng, tôi quen cả đồng. Bạn cùng khoá độ vài trăm, cùng đơn vị khoảng vài chục, và cùng trại (tù) chắc ... vài ngàn!

Tôi đã nghe vô số thằng kể lại những giờ phút cuối cùng của đơn vị mình, nhưng chưa thấy ai bị lâm vào hoàn cảnh bi đát – và giữa lúc thập tử nhất sinh – vẫn “tuyên bố” một câu (ngon lành) dữ vậy. Cỡ Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu (vào giờ phút chót) cũng chỉ âm thầm ... đào ngũ thôi, chứ chả hề có mở miệng nói năng gì ráo trọi – với bất cứ ai. Còn Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ thì ồn ào hơn chút đỉnh, cho nó đã miệng, rồi cũng chuồn êm – không lâu – sau đó.

Trường hợp của Đỗ Lệnh Dũng thì hơi khác. Cách hành xử của ông cũng khác. Bảnh hơn thấy rõ. Coi:

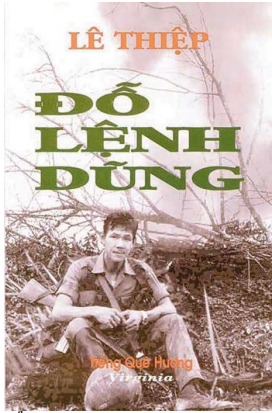
Đúng nửa đêm 24/11/1974, trái đạn 82 ly đầu tiên rớt vào trong vòng đai Đồng Xoài. Với đại pháo và T-54 yểm trợ, hai trung đoàn của Sư Đoàn 7 của Bắc Quân – sử dụng chiến thuật tiền pháo hậu xung – đã chiếm được chi khu này, vào rạng sáng 7/12/1974.

Buổi chiều cùng ngày, trong khi đang cùng những quân nhân còn sống sót tìm cách thoát khỏi vòng vây, trung úy Đỗ Lệnh Dũng (bỗng) thấy một đoàn người – toàn là đàn bà và trẻ con nhếch nhác, với tay nải hòm xiềng, lồi thối, lếch thếch – nặng nề đòi đi theo toán quân của ông, để trốn ra khỏi vùng đất (sắp) được ... hoàn toàn giải phóng.

Trước nguy cơ dân chúng có thể bị thiệt mạng oan uổng trong lúc giao tranh, và để thuyết phục mọi người nên ở lại nhà cho được an toàn, trung úy Dũng đã đồng dục nói với mọi người:

- *Tôi nhân danh sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà xin hứa sẽ trở lại với đồng bào.*

Và Đỗ Lệnh Dũng đã trở lại thực, chỉ vài ngày sau, như là một ... tù binh! Ngay sau đó, ông bị đấu tố trước Toà Án Nhân Dân Huyện Đôn Luân (một tên gọi khác, mỹ miều hơn, của Đồng Xoài) rồi bị đưa từ Nam ra Bắc – theo đường mòn Hồ Chí Minh – để ... học tập cải tạo. Gần mười năm sau, năm 1982, Đỗ Lệnh Dũng lại được chuyển trại từ Bắc vào Nam (chắc) cho dễ thăm nuôi.



Anh: photobucket

Cuộc đời rõ ràng (và hoàn toàn) không may của trung úy Đỗ Lệnh Dũng đã được ghi lại bởi nhà văn Lê Thiệp bằng một cuốn sách, dày đến bốn trăm trang, lấy tên của chính ông làm tựa.

Tác phẩm này được nhà xuất bản Tiếng Quê Hương viết lời giới thiệu như sau:

*“Đỗ Lệnh Dũng không chỉ là câu chuyện về chiến tranh, dù nhân vật chính là một chiến binh mất tích giữa chiến khu D sau một trận đánh dữ dội. Đây là câu chuyện về những oan khiên khắc nghiệt mà người dân Việt Nam phải trải gần trọn thế kỷ qua cho đến ngày nay.”*

*“Nhân vật chính già từ cha mẹ khi tròn 18 tuổi và lúc được gặp lại cha mẹ thì đã gần tới tuổi ngũ tuần. Thời gian xa cách là lửa đạn, là những ngày lê gót trên con đường mòn vượt rừng núi Trường Sơn từ Nam ra Bắc, là những năm tháng đoạ đầy tại những trại tù ...”*

*“Dù chỉ là một góc cạnh giữa muôn ngàn góc cạnh của một thời bão táp, câu chuyện vẫn là bằng cứ vô giá về thảm trạng con người bị tước đoạt trọn vẹn tuổi trẻ, tình yêu gia đình và mọi điều kiện an bình của cuộc sống.”*

Cuốn Đỗ Lệnh Dũng đã được ra mắt tại thành phố San Jose, California. Hôm đó, tôi được hân hạnh nhìn thấy Trung Úy Dũng và Thiếu Tá Đặng Vũ Khoái – chỉ huy trưởng Chi Khu Đôn Luân – người mà không mấy ai tin là còn có thể sống sót, sau khi đơn vị này bị tràn ngập bởi địch quân.

Thiếu tá Khoái cho biết nhờ tác phẩm này mà trong thời gian qua, một số những người lính năm xưa – đang tản mát khắp năm Châu – đã tìm lại được nhau. Và ông nghẹn ngào khi giới thiệu với mọi người, vài quân nhân khác của đơn vị hiện (cũng) đang có mặt trong buổi ra mắt sách.

Tôi ngồi ở cuối hội trường, không nhìn được rõ nét mặt của những nhân vật này nhưng có thể đoán được rằng mắt họ đều ngấn lệ. Tôi cũng là một cựu chiến binh, cũng có cái may mắn lớn lao còn sống sót sau cuộc chiến vừa qua, và thoát thân được đến một nơi an bình nên cảm thông (thấm thía) tình cảm xúc động này.

Trong giây phút đó chắc chắn mọi người đều cảm thấy an ủi và ấm lòng, trước cảnh trùng phùng bất ngờ (và khó ngờ) đến thế. Cái cảm giác sung sướng vì sự may mắn (hiếm hoi) của mình đã theo tôi suốt cả buổi chiều hôm ấy, và đã cùng với tôi đi vào giấc ngủ.

Nửa khuya, tôi thức giấc. Tôi vẫn luôn thức giấc vào giấc đó. Và đó cũng là lúc mà tôi hay lò dò trở về ... chốn cũ! Như một công dân “part – time” của nước Hoa Kỳ, tôi chưa bao giờ sống hết mình và hết tình nơi quê hương mới. Hơn nữa đời lưu lạc, tôi vẫn cứ sống mộng mị – theo kiểu “ngày ở / đêm về” – như thế.

Tôi thường trở về Đà Lạt. Đây là nơi mà tôi đã lớn lên, và đã ướp đẫm tuổi thơ (cũng như tuổi trẻ của mình) bằng rất nhiều đặc sản của núi rừng: nước hồ Xuân Hương, sương mù, phấn thông vàng, mùi cỏ khô của Đồi Cù, cùng với hàng trăm loại hương hoa man dại.

Có dạo, tôi hay trở về những đồi trà, đồi bắp, đồi khoai mì – bao quanh trại cải tạo Tân Rai – ở Blao. Tôi cùng lũ bạn tù cứ đi trong nắng sớm, trên những con đường mịn màng (thơm nồng mùi đất) sau một đêm mưa. Cũng có khi tôi về lại Sài Gòn, ghé thăm một người bạn đồng đội, chỉ vừa mới biết sơ, qua một bài báo ngắn – của ký giả Bùi Bảo Trúc:

*“ Sáng nay mở e-mail ra đọc, tôi nhận được từ một người không hề quen biết, không kèm theo một dòng chữ nào, bức hình một người đàn ông mà tôi cũng chưa gặp bao giờ. Hình chụp người đàn ông đang ngồi trên giường có trải chiếu, đằng sau là bức tường loang lổ, hoen ố những vết đen mốc. Ông có một bộ ria, tóc dày và đen, một mắt to, một mắt nhỏ mà tôi nghĩ là bị hư, chỉ còn một con. Ông không còn chân tay. Hai chân bị cụt trên đầu gối. Và hai tay cụt ở trên khuỷu tay, gần nách.”*

*“Trong hình có ghi tên ông. Ông tên là Thìn, Nguyễn Văn Thìn. Năm sinh được ghi là 1952. Hàng chữ phía dưới cho biết ông là thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Đơn vị cuối của ông là Trung Đoàn 49, Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Cấp bậc của ông là Trung Sĩ Nhất. Ông sinh năm 1952, tuổi Thìn nên tên cũng là Thìn. Ông không còn chân tay. Từ 30 năm nay, ông không có chân, cũng không có tay.”*

*“Ông làm sao sống nổi qua bằng ấy năm không có hai chân mà cũng không có cả hai tay. Tôi tưởng tượng, không khó khăn lắm, cũng vẫn thấy ra được những khó khăn của ông. Trong một chế độ thân thiện với ông, ông cũng đã vô cùng bất hạnh vì thiếu con mắt, thiếu hai tay, lại thiếu luôn cả hai chân. Huống chi trong một khung cảnh không thân thiện nếu không muốn nói là thù nghịch, thì ông còn khổ biết là bao nhiêu nữa. Tôi không dám tưởng tượng thêm ra những chuyện khác trong đời sống hàng ngày của ông, nếu đó có thể gọi được là một đời sống.”*

Người bạn đồng đội luôn luôn nhìn tôi với đôi mắt u buồn và lắc đầu ra dấu, như có ý nói là đừng đến thăm nhau nữa: “muộn mắt rồi.” Mãi sau này tôi mới biết là ... muộn thật! Trong những trang sổ tay cũ, khi viết về trung sĩ Nguyễn Văn Thìn, cách đây khá lâu, tôi đã có dịp phổ biến địa chỉ của ông: nhà số 9/8 đường Bông Sao, phường 5, quận 8, Sài Gòn.



Anh: photobucket



Độ một tháng sau, có độc giả báo cho tôi biết là họ đã gửi quà về biếu ông Thìn nhưng không còn ... kịp nữa. Ông bạn của tôi đã qua đời, vài tuần, trước đó!

Có đêm thì tôi về miền Trung, phần quê hương khôn khó mà trước đây tôi chưa bao giờ có dịp ghé qua, để thăm một đồng đội khác:

*“Tôi phải vượt đường xa tít tắp từ Huế tìm đến nơi 1 anh Thương Bình mù hai mắt, cụt 2 tay lẫn 2 chân gần Lăng Cô ... Tôi nhìn thấy anh Dương Quang Thương nằm xấp ngay ngạch cửa. Tôi lên tiếng chào, anh bật ngồi dậy hỏi tôi là ai?”*

*“Qua những phút giây trao đổi, tôi thấy anh khóc, những dòng nước mắt lăn ra từ hai hố mắt sâu thẳm ấy làm tôi phải khóc theo. Nghe tiếng người lạ, vợ anh từ sau hè chạy lên trên tay còn cầm nắm rau dền hoang vừa mới ngắt về để lo bữa ăn chiều, chị chào hỏi tôi rồi rót nước mời tôi uống ...”*

*“Thoạt đầu tôi chỉ nói tôi là người mang tiền và thuốc tây đến cho anh do bà con từ bên Úc đóng góp gửi về. Tôi gửi anh 100 đô Úc và 5 hộp thuốc tây. Anh đã rưng rưng khóc lẫn nữa và cảm ơn nhiều lắm đến bà con ở Úc và Hội. Sau một hồi tâm sự anh nhắn gửi lời cảm ơn đến người điều hành Hội mà gia đình anh thường thư từ qua lại nhiều năm nay.*

*Tôi xúc động quá và cho biết là: Thừa anh chị chính tôi đây... Nghe đến đó anh quờ quạng hai cái cùi tay còn lại lét thật nhanh về hướng tôi và ôm lấy tôi mà khóc.”*

*“Vợ anh cũng khóc. Tôi cũng khóc. Người chạy xe ôm cũng khóc theo... Sự hy sinh của anh quá lớn, hai mắt, hai tay và hai chân cho tổ quốc còn cá nhân chị đã hy sinh cả cuộc đời cho những người mà cả tổ quốc phải tri ân. Chị đã khóc nhiều lắm vì những khó khăn đè nặng thân phận của người phụ nữ ốm o gầy còm cố vươn vai suốt hơn ¼ thế kỷ gánh gồng, ẵm bồng tắm rửa, đút ăn và những cơn lũ lụt khủng khiếp phải cõng chồng chạy tìm sinh lộ... Ra tới đầu ngõ, tôi và anh xe ôm vẫn còn khóc...” (Nguyễn Cảnh Tân, “Nỗi Sầu Riêng Hay Cái Đau Chung,” Việt Luận, 27 Oct. 2006).*



*Ông Nguyễn Cảnh Tân và thương phế binh Dương Quang Thương mù 2 mắt, cụt 2 tay và 2 chân*

*TPB Dương Quang Thương và*

*ông Nguyễn Cảnh Tân.*

*Nguồn: Báo Việt Luận*

Những giọt nước mắt của ông Nguyễn Cảnh Tân (2) tuy muộn màng nhưng vẫn hơn không. Chả hiểu còn có bao nhiêu ông Dương Quang Thương, và bao nhiêu bà vợ (đã hy sinh cả cuộc đời cho những người mà cả tổ quốc phải tri ân) nhưng hơn một phần tư thế kỷ qua chưa bao giờ có ai nhớ đến họ – nói chi đến chuyện khóc thương, dù muộn!

2-2—7

Ghi chú:

(1) – Cuốn *Đỗ Lệnh Dũng* giá 28 Mỹ Kim, kể cả cước phí, có thể đặt mua tại Tủ Sách Tiếng Quê Hương, P.O. Box 4653, Falls Church, VA 22044, USA.

(2) – Địa chỉ liên lạc của ông Nguyễn Cảnh Tân:

Hội Thiện Nguyên Cứu Trợ Thương Phế Binh Bị Lãng Quên Ở Việt Nam 42 Cardwell St – Canley Vale. NSW, Australia. Điện thoại: (02) 9728 3640. Điện thư: VASFIVV@yahoo.com.au.

## Họp mặt và giới thiệu tác phẩm *Đỗ Lệnh Dũng* của Lê Thiệp

*Nhóm thân hữu của nhà văn, nhà báo Lê Thiệp sẽ tổ chức một buổi sinh hoạt giới thiệu một truyện ký thuật lại cuộc đời trận mạc của một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa: Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng, do Lê Thiệp viết, nhà xuất bản Tiếng Quê Hương ấn hành.*

*Buổi sinh hoạt sẽ diễn ra:*

- *Tại: Hội quán Little Saigon Radio số 15781 đường Brookhurst St, thành phố Westminster (góc đường Margo).*

- *Ngày giờ: Lúc 2 giờ chiều ngày Chủ Nhật 14 Tháng Giêng, 2007.*

*Chương trình sẽ có phần giới thiệu tác phẩm *Đỗ Lệnh Dũng*, tác giả Lê Thiệp và tiếp xúc với cựu Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng, nhân vật chính trong truyện ký*

## *Đỗ Lệnh Dũng: người không muốn làm anh hùng* *Vũ Ánh*

“Tôi hôm đó, khi đã khép cánh cửa phòng lại, tôi nhìn vào tấm bảng tuyên dương với chữ ký của nhiều vị chức sắc trong quân đội Mỹ lòng băng khuâng.

Tôi nhìn Thu buột miệng:

- Anh đâu có muốn làm anh hùng.

Vợ tôi cười:

- Thế anh muốn làm anh gì?

- Anh chỉ muốn làm anh hiền. Anh chỉ muốn một đời sống giản dị, bình thường, không bắn giết, không súng đạn. Ước ao đó từ hồi nhỏ, nhưng rồi cả đời anh là chiến trận, là tù đày, là khổ nhục. Làm anh hùng để làm gì?

Vợ tôi ôm tôi, ghé tai nói rất khẽ:

- Anh là anh hùng của riêng em”.

(Trích trang 387 - “*Đỗ Lệnh Dũng*” của Lê Thiệp)

Tôi trích đoạn kết thúc truyện ký “*Đỗ Lệnh Dũng*” của Lê Thiệp, do nhà xuất bản Tiếng Quê Hương mới ấn hành ở miền Đông Hoa Kỳ. Nói cho ngay đây chẳng phải là một câu chuyện viết về chiến tranh Việt Nam với những hư cấu được đặt vào trong những năm cuối của cuộc chiến này. Không, đây là câu chuyện thật, hoàn toàn thật cả người lẫn cảnh, một hồi ký của cựu Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng, người lính đã từng trải qua trận đánh khốc liệt nhất ở Đồng Xoài, trận

mở màn dẫn tới thảm kịch ngày 30 Tháng Tư, 1975.

Dĩ nhiên, trận Đồng Xoài cũng phải là một khúc quanh đầy người lính này vào một đoạn đời dài hun hút những tù đầy và khổ nhục. Đỗ Lệnh Dũng chấp nhận đoạn đời đó không một chút than van. Có lẽ sự thanh thản giữa khổ đau giúp anh không bị nhận chìm bởi cơn lốc chiến tranh, đổi thay và lưu đầy. Những ai hy vọng đọc tác phẩm “Đỗ Lệnh Dũng” của Lê Thiệp để tìm thấy nhân dáng của một cầm súng gào thét bắn giết, một người cầm súng với ý thức hệ Quốc-Cộng rõ rệt, một người cầm súng biểu hiện được ý thức hệ phe mình chắc chắn sẽ thất vọng. Ở trong truyện ký “Đỗ Lệnh Dũng” của Lê Thiệp, người đọc chỉ tìm thấy nhân vật chính là một quân nhân hồn nhiên với ước mơ giản dị, nhưng lại đầy bản lĩnh giữa sóng gió của chiến tranh, ngay cả lúc thất bại và trong đời tù khắc nghiệt từ trước khi chiến tranh kết thúc. Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng đã chiến đấu dũng mãnh vào những ngày cuối cùng của Đồng Xoài, đã sống hết lòng với những đồng đội trên đường rút lui và bị cộng quân chặn đánh, rĩa rói. Trong hoàn cảnh khốn cùng nhất trước khi ngã ngựa, ông vẫn là một người chỉ huy bao dung, đầy tình người và tình đồng đội.

Đối với cá nhân Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng và một số đồng đội của ông, chiến tranh không kết thúc vào ngày 30 Tháng Tư 1975 mà đã kết thúc ngay vào lúc ông bị bắt làm tù binh khi cố gắng chỉ huy nhóm tàn quân theo ông tìm đường về Phú Giáo, nơi ông hy vọng còn có những đơn vị Việt Nam Cộng Hòa. Rồi ông trở thành tù binh chiến tranh, bị đưa ra Bắc, gặp lại những đồng đội cũ trong nghịch cảnh: các trại tù cải tạo mọc lên như nấm ở miền Bắc lúc bấy giờ để đầy nhốt hầu như toàn bộ những cấp chỉ huy của quân đội, chính quyền miền Nam. Sống trong các trại tù ở miền Bắc, có lúc Đỗ Lệnh Dũng bị trả thù, bị đối xử tàn tệ, nhưng ông đã chấp nhận với sự bình thản. Chiến tranh đã chấm dứt, chúng tôi ở phe thua, người thắng muốn đối xử với chúng tôi ra sao thì tùy. Cách nhìn kết quả của một cuộc chiến như vậy giúp tù binh Đỗ Lệnh Dũng vượt lên trên được những khắc nghiệt và giữ được cho trái tim mình luôn luôn còn biết rung động. Khi trái tim còn biết rung động, Dũng nhìn những gì xảy ra trong các trại tù một cách công bằng hơn, bao dung hơn. Trên hết, sự công bằng và bao dung của người tù binh này đã làm cho những kẻ dùng đòn thù để đối xử với ông và những người khác trở thành những người thật yếu hèn vì rõ ràng, họ không còn niềm tin vào con người nữa...

Vì sao mà Đỗ Lệnh Dũng có được cái bản lĩnh đó? Khi đọc hết 387 trang hồi ký được Lê Thiệp dùng ngòi bút thuật sự để vẽ lại cho đúng nhân dáng của nhân vật chính và bối cảnh lúc đương thời, người ta có thể tìm ra câu giải đáp: “Anh không muốn làm anh hùng. Làm anh hùng để làm gì?” Nhưng chính trong cách sống khi chàng thanh niên này phải ở lính, cách sống khi chàng thanh niên này ở tù, cách sống khi anh được thả ra từ trại tù về một xã hội đang tan nát và nhầy nhụa của Sài Gòn... đã giúp Đỗ Lệnh Dũng tìm lại cho mình một ốc đảo của hạnh phúc riêng tư, vẫn nhìn đời bằng trái tim mở rộng, vẫn thấy tình cảm quyến luyến Việt Nam ngày càng sống dậy mãnh liệt trong ông, dù rằng những người đang cầm quyền vẫn còn những hành động vui dập Việt Nam một cách không thương tiếc.

Trong truyện ký, Đỗ Lệnh Dũng không phủ nhận gốc gác của ông là từ một gia đình có thể lực, bố mẹ đều làm việc với người Mỹ trên đất Mỹ từ năm 1964. Ông có rất nhiều điều kiện và hậu thuẫn để hưởng những ân huệ là thoát khỏi cuộc chiến. Học trường tây và đúng vào lúc chiến tranh đang lan rộng sau cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân của Việt Cộng là lúc ông đang học luật thì bị gọi vào quân ngũ theo tổng động viên. Dù chưa bao giờ Dũng nghĩ đến chuyện chọn con đường binh nghiệp, nhưng một khi đã là “tài nguyên quốc gia” ông không chống lệnh gọi đi phục vụ dưới cờ. Tốt nghiệp khóa 3/68 trường Bộ Binh Thủ Đức, ông cũng chẳng chạy chọt vào các đơn vị chuyên môn hay vào những vị trí phi tác chiến ở hậu phương. Ai sao mình vậy, Dũng không đòi bất cứ ưu quyền nào. Thế rồi cũng như hàng trăm ngàn thanh niên khác trên khắp nẻo đường đất nước, Đỗ Lệnh Dũng lao vào chiến trận, bị thương hai lần. Khi ở lính cũng

vậy, với ảnh hưởng của gia đình, Dũng có thể xin ngồi vào một nơi nào đó mà súng đạn không đụng tới được. Nhưng ông đã không làm thế. Ngay cả khi ông được gọi về làm tùy viên cho tỉnh trưởng Phước Long, Dũng chỉ chỉ huy một thời gian ngắn ở chức vụ này rồi lại xin ra tác chiến, trở lại súng đạn cùng các đồng đội của mình.

Đúng vào lúc Dũng đang yên ổn mọi bề với súng đạn và chiến trận thì ông bị gọi về Sài Gòn để chuẩn bị lên đường viếng thăm gia đình ở Hoa Kỳ do cuộc vận động của Sam Graves, một cố vấn Mỹ của Đại Đội Quyết Tử tỉnh Phước Long. Người sĩ quan Mỹ này đã được Dũng cứu mạng một lần trong cuộc đụng độ với Việt Cộng tại Phước Lộc, tỉnh Phước Long và sau đó hai người trở thành bạn thân. Hết nhiệm kỳ Sam Graves trở về Mỹ. Đầu 1975, Sam Graves đã vận động ở một cấp rất cao trong quân đội Hoa Kỳ để Dũng được sang Mỹ thăm gia đình coi như hành động biểu lộ tình bạn. Do nỗi nhớ gia đình dày vò, lần này Dũng chấp nhận sang Hoa Kỳ gặp bố mẹ. Ông có linh cảm lần ra đi này, sẽ không trở lại Việt Nam nữa. Nhưng tình đồng đội khiến ông trở lại Đồng Xoài để từ giã cấp chỉ huy và những bạn lính trong đơn vị. Dũng ở lại Đồng Xoài mấy ngày trong lúc tình hình quân sự đã bắt đầu có dấu hiệu nguy khốn. Một người bạn về phép nhờ Dũng chỉ huy đơn vị vài ngày. Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng, người sắp rời khỏi Việt Nam lại nhận lời và đây chính là một khúc quanh đầy giông bão của ông. Cộng Sản Bắc Việt đánh Đồng Xoài, mở màn cho cuộc tổng công kích và cũng mở màn cho tấn bi kịch cho dân tộc Việt Nam, trong đó có Đỗ Lệnh Dũng.

Tôi có may mắn là được Lê Thiệp đưa cho đọc bản thảo cuốn truyện ký Đỗ Lệnh Dũng và biết được rằng Lê Thiệp đã rất thận trọng khi viết truyện ký này. Khi viết truyện ký bằng lối văn thuật sự có nghĩa là khi viết phải hết sức bình tĩnh, cân nhắc để gạt bỏ mọi loại cảm tính có thể làm ảnh hưởng không tốt hay làm méo mó những gì mà nhân vật chính mô tả lại. Bức tranh của ngòi bút thuật sự phải giữ được nguyên bản những gì đã từng xảy ra, không bóp méo, không cường điệu, không vẽ rắn thêm chân. Là một nhà báo tiếng tăm từ thời còn rất trẻ ở Việt Nam giữa thập niên 1960, Lê Thiệp cũng trải qua nhiều biến cố chính trị trong đời viết báo của mình. Vượt biên sang Hoa Kỳ, cầm bút một thời gian ngắn rồi nhảy vào kinh doanh và thành công. Nay Lê Thiệp đã về hưu và trở lại với viết lách. Ông viết lại những gì do Dũng kể lại như một bổn phận và nhu cầu phải ghi lại cuộc đời của người lính này một cách chân thực và không vướng một chút thù hận nào. Dũng cũng muốn như thế bởi vì trái tim ông cho đến nay vẫn là trái tim chân thực và hào phóng tình người.

Quân đội Hoa Kỳ đã tuyên dương ông như là anh hùng của họ. Dũng cảm động nhưng ông đón nhận bằng tuyên dương chỉ như một cử chỉ đẹp đối với Sam Graves và những người bạn Mỹ khác nay đã lên tới hàng ngũ tướng tá quan trọng trong quân lực Hoa Kỳ. Đỗ Lệnh Dũng chỉ muốn là người lính bình thường, hết chiến tranh trở về, lập gia đình sống hạnh phúc với Thu, kết quả của một mối tình thật đẹp ngay trong thời gian Dũng còn trong tù đày. Chiến tranh đã chấm dứt, bây giờ người cựu binh này, cựu Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng đang được sống riêng với cái thế giới yên bình và hạnh phúc mà ông từng mơ ước.

Truyện ký Đỗ Lệnh Dũng của Lê Thiệp là một câu chuyện có hậu, phần thưởng cho tất cả những ai vượt qua và vượt lên trên được cơn lốc của thời đại chúng ta. Liệu có thể gọi đây là một thông điệp cho thế hệ đồng trang lứa với Đỗ Lệnh Dũng khi chiến tranh chấm dứt? (V.A.)

\*\*\*

**Phụ đính:**  
**Đỗ Lệnh Dũng**

(...trích *Đỗ Lệnh Dũng* chương đầu)

*Đây là một trích đoạn từ truyện ký “Đỗ Lệnh Dũng” của nhà văn nhà báo Lê Thiệp do nhà xuất bản Tiếng Quê Hương mới ấn hành và sẽ ra mắt vào giữa Tháng Giêng năm 2007. Trần Đồng Xoài chỉ chiếm một phần nhỏ trong truyện ký về một người lính, nhưng câu chuyện thực mà Trung Úy Đỗ Lệnh Dũng đã trải qua và đã kể lại qua ngòi bút của Lê Thiệp là đáng chú ý nhất. Nó cho thấy thế hệ thanh niên vào những năm 60, 70 sống và chiến đấu như thế nào.*

## Trần Đồng Xoài

... Cuộc công đồn xảy ra rất sớm, ngay từ lúc mặt trời chưa lặn hẳn. Người chỉ huy đồn là trung úy Hùng cầm cự đến phút chót. Ông yêu cầu pháo binh Đồng Xoài và căn cứ Bunnard bắn thẳng vào đồn vì đã bị tràn ngập. Qua PRC, tôi được nghe ông báo cáo đã hủy hai khẩu 155 không để lọt vào tay địch. Thiếu tá Khoái quyết định cử nguyên đại đội thám báo và hai đội ĐPQ phối hợp mở đường đón tàn binh đồn Rạch Rạch. Trung úy Hùng quả là một sĩ quan đầy kinh nghiệm. Ông đã đem gần như toàn bộ sĩ quan và quân sĩ rút lui về đến chi khu. Khá nhiều thương binh. Đặc biệt có một chuẩn úy mới ra trường vừa khóc vừa cười, đôi khi lại rú lên những tiếng hoảng loạn. Trung úy Hùng mặt phờ phạc bắt tay tôi, hát hàm về phía viên chuẩn úy:

- Vừa ra trường thì về với tôi, chắc lần đầu lại đụng quá lớn nên phát hoảng. Dám dứt mẹ nó dây thần kinh rồi. Chúng nó pháo như mưa, nhất là 122 ly. Anh chàng nghe chịu không thấu.

Tôi nhìn khuôn mặt trẻ măng của người chuẩn úy, một khuôn mặt ngỡ ngác, thất thần. Ông ta được đưa sang cho bác sĩ Nam. Không ai nói năng gì về ông chuẩn úy ngoài những ánh mắt thông cảm. Mười mấy tuổi đầu bị vấp vào chồn binh đao lửa đạn ai không sợ?

Thiếu tá Khoái bố trí cho đám tàn quân của Rạch Rạch “dưỡng quân” ở ngay trung tâm chi khu gần bệnh xá và căn cứ pháo binh. Ông cũng giữ trung úy Hùng ở lại bản doanh. Thấy tôi đứng lơ ngơ quan sát đám binh sĩ từ đồn Rạch Rạch lo lui cui thu xếp, ông gọi:

- Trung úy Dũng.

Tôi quay lại và tiến về phía ông.

Ông trở lại giọng hòa nhã:

- Cậu đừng lo. Chuyển tải thương hay tiếp tế đầu tiên tôi sẽ cho cậu về Sài Gòn liền lập tức.

Trung úy Lễ đã liên lạc. Ông ta đã có mặt ở Phước Long, đang sốt ruột, cổ mò xuống đây.

- Tôi biết, ông thầy. Tôi nghe tin trung úy Lễ nằm lý ở sân bay để chờ xuống đây từ đêm qua.

- OK. Hễ có trực thăng hay tải thương tiếp tế là cậu có quyền dọt. Có hay không có trung úy Lễ, tôi cũng để cậu đi. Bây giờ cậu đi một vòng thăm hỏi anh em với tôi.

Đầu tiên ông tạt vào bệnh xá. Các giường đều kín người. Bảy tám binh sĩ của chi khu bị miểng đạn 82 ly. Khoảng mười mấy người khác từ các chốt và hơn một chục mạng từ đồn Rạch Rạch.

Đại úy bác sĩ Nam đang lui cui băng cho một binh sĩ. Thiếu tá quận trưởng hỏi:

- Cái ông chuẩn úy mới ra trường em chưa bác sĩ?

- Bị chấn động thần kinh. Tôi đã chích thuốc an thần, hiện ngủ rồi. Có tỉnh lại như xưa hay không là vấn đề khác, từ từ mới biết.

Mọi người im lặng. Những thực tế phũ phàng của chiến tranh được nói đến bằng giọng bình thản, đôi khi giễu cợt, nhưng tận đáy lòng, chúng tôi đều thông cảm và hiểu những điều không cần nói ra.

Chúng tôi vòng qua nơi đại úy Tố. Ông ta tinh tảo, quần áo vẫn thẳng nếp, mũ sắt chòm hụp trên đầu. Đại úy Tố dáng người to lớn, nhưng gọn gàng và nhanh nhẹn. Ông nói với ông quận:

- Thiếu tá yên tâm, mặt này có tôi, nó muốn thì cũng trả giá đắt lắm.

Ông ta ngẫm nghĩ rồi lập lại:

- Đắt lắm!

Điều mà chúng tôi không hiểu là giá có thể đắt so với thang giá biểu của tôi, của đại úy Tố, hay lớn hơn, của cả quân đội miền Nam. Nhưng với Hà Nội thì giá đó có khi quá rẻ. Suốt những năm tháng còn lại trong đời, lúc nào tôi cũng nhớ hai tiếng “đắt lắm” của đại úy Tố.

Tôi leo đèo đi theo thiếu tá Khoái thăm hỏi các sĩ quan, binh sĩ. Ông lấy cả hai bao Lucky của tôi đem mời tứ tung, gặp nghĩa quân nào cũng “làm một điều cho thơm râu bồ phôi”. Ông bắt tôi dẫn về phòng tuyến và ân cần nói chuyện với các sĩ quan, binh sĩ.

Ông vỗ vai chuẩn úy Tài:

- Chuẩn úy như ông này mới đúng là tương lai của quân đội.

Tôi nghĩ đến người chuẩn úy đang thiêm thiếp ở bệnh xá. Trước khi rời tuyến của tôi, thiếu tá Khoái lập lại:

- Hễ có tiếp tế tài thương là cậu dọt.

Tôi im lặng tiễn ông. Vào giờ phút này, quả thực tôi không nghĩ đến chuyện ở hay đi. Nó nằm ngoài quyết định của tôi và lơ mờ trong tâm khảm, tôi thấy khó xảy ra cho đến khi chi khu được giải tỏa. Phòng không địch dày đặc, làm sao trực thăng xuống được. Chỉ có đường duy nhất là tỉnh và quân đoàn phối hợp hành quân lớn, có Dù, Biệt Động, TQLC thì mới hy vọng. Nhưng cái tiểu khu bé tí teo này có là ưu tiên số một chăng?

Mấy hôm trước còn ở Sài Gòn, tôi đọc thấy áp lực đè nặng nhiều vùng từ Quảng Trị xuống Ban Mê Thuột của Quân Đoàn 2 và phía Bình Long cũng đang đung lớn, chưa kể dưới đồng bằng. Tôi không có thì giờ suy nghĩ lâu là liệu có giải tỏa chăng. Địch khai hỏa rất sớm, pháo dày hơn thường lệ. Tôi cũng nghe được tiếng pháo đáp lễ của ta từ căn cứ Bunnard. Nơi đây có một pháo đội 155 ly bắn xa đủ để yểm trợ cho Đồng Xoài. Nhưng hai khẩu thì ăn thua gì? Pháo cơ hữu cũng bắn nhưng cầm chừng, có thể vì không có mục tiêu rõ ràng hoặc có thể hà tiện đạn. Nửa đêm thì địch đánh đặc công vào phòng tuyến của tôi. Đây là ngạc nhiên lớn vì địa hình không có lợi nếu địch chọn lối đánh này. Địa thế trống trơn khiến tầm quan sát của chúng tôi khá xa. Tổ chức quân đội của ta được rập khuôn theo Hoa Kỳ và có rất nhiều đơn vị với phù hiệu trang bị và quân phục rất khác nhau như Dù, Biệt Kích, TQLC, Biệt Động Quân... Việt Cộng chỉ có chính quy và du kích. Du kích tương đương với Địa Phương Quân hoặc Nghĩa Quân, là những đơn vị bản địa. Họ biết rõ địa hình địa vật, cả dân tình lẫn quân tình của vùng hoạt động và thường là những nguồn tin cần thiết cho bộ đội chính quy và các đại đơn vị. Trong thành phần du kích có một đoàn được đặt tên là Đặc Công – hiểu như cảm tử quân hay ở một khía cạnh khác giống như Biệt Kích Dù, hoặc Thám Báo của ta. Đặc công trang bị súng rất ngắn, rất nhiều lựu đạn và có thêm một con dao găm để đánh xáp lá cà. Bọn họ ở trần, chỉ mặc xà lỏn, cả người bôi dầu hoặc lọ nghe đen thui, và thường là mũi công phá để đánh các chốt, các đồn lẻ. Theo sự hiểu biết, tôi tin rằng địch dùng đặc công để phá bãi mìn và hàng rào kẽm gai phòng thủ tuyến.

Chúng tôi chỉ thấy lơ mờ những vật di động ở phía ngoài nơi gần bãi cỏ lác. Khẩu đại liên khạc đạn liên hồi. M16 góp tiếng. Tôi đứng sau tường bao cát quan sát. Thịnh thoảng một tiếng nổ vọng vào và một đóm lửa tóe lên từ các lùm cây lùm cỏ. Hoặc là các đặc công ném lựu đạn để phá kẽm gai và mìn. Hoặc là họ trúng đạn và lựu đạn nổ theo. Đợt đầu độ 15 phút.

Khoảng một giờ sau địch tung đợt hai nhưng không kết quả. Hai giờ sau lại có những bóng đen động đậy, những lùm cây di động. Tôi cho bắn hỏa châu sáng một khoảng trời. Đạn nhả như mưa mùi thuốc súng nồng nặc trong tuyến. Tôi sai hai binh sĩ lo thu quét vỏ đạn dồn về một xó. Đúng lúc đó, đạn phòng không của địch nổ đờ trời. Suốt đời lính tráng tôi chưa hề thấy phòng không cỡ này. Như lưới đan, đạn kẻ những vệt sáng đỏ. Chúng tôi nghe thấy tiếng phi cơ khu trục âm ì trên cao và sau đó là hàng chục tiếng bom. Đêm đó phi cơ đánh hai lần, tuy khó kiến hiệu vì bom thả từ khá cao và trời tối thui. Nhưng binh sĩ thì yên tâm thấy rõ. Họ tin họ không bị bỏ rơi. Như vậy là đủ đối với chúng tôi. Số tiền đồn và chốt ở sát chi khu không còn lại bao nhiêu. Tới gần sáng qua máy truyền tin tôi nghe tiếng chuẩn úy Tư la inh ỏi. Tôi biết rõ ông chuẩn úy dễ thương dường như người miệt Vĩnh Long, đang học Dược thì bị gọi vào Thủ Đức. Tư vui tính hay giễu và nhậu khá giỏi, thích uống đế pha xá xí con cọp. Tôi không chơi nổi cái

món cocktail kinh hoàng này, uống vào là đầu nhưc như búa bổ. Có lần tôi hỏi Tư sao lại uống đế pha xá xí, Tư cười bảo:

- Lương chuẩn úy nhiều trung úy biết hông? Đế pha xá xí còn chưa đủ tiền trả, làm gì dám chơi 33 đều đều?

Nhưng qua máy truyền tin, giọng Tư lạc hẳn đi.

Chín giờ hơn, chốt bị nhỏ, bị đặc công đánh bật khỏi vị trí. Chuẩn úy Tư vừa đánh vừa rút đem về chi khu được gần một trung đội nhưng hơn nửa là thương binh. Cái tin Tư đem về làm chúng tôi rúng động. Tư cho hay chính anh thấy và đếm được 13 chiếc T54 càn lên khiến mình và kềm gai không thể chặn nổi.

Hôm đó hai chiếc C123 quần trên cao thả dù tiếp tế.

Tôi không rõ những kiện hàng thả xuống là gì – đạn dược, thuốc men hay cả lương thực – nhưng dù bị gió đẩy lạc mất hút vào các cánh rừng bên ngoài. Tiếp tế cho ta trở thành tiếp tế cho địch. Phòng không bắn ran trời, phi công không thể nào xuống thấp hơn được. Nhìn những chiếc dù bọc gió căng phồng với kiện hàng lơ lửng trên cao từ từ dạt ra khỏi vòng đai, chúng tôi tiếc hùi hụi.

Đến đêm, ngoài ánh hỏa châu lập lòe, mọi sự êm tĩnh lạ thường. Địch không chơi 82 ly vào chi khu nữa. Chúng chơi trò gì đây? Pháo hay không, tôi vẫn phải thức. Khoảng hai giờ sáng, một nghĩa quân bưng đến cho tôi một ca nhuôm.

- Trung úy, làm tô mì cho đỡ xót ruột.

Đời sống lính tráng có nhiều điều nếu rời khỏi sẽ gây nhớ nhưng đến lạ lùng. Phải chăng chính vì những thứ như ca nhuôm nóng bỏng mì gói Đại Hàn này đã khiến tôi trở lại Đồng Xoài thay vì lặn luôn để đi Mỹ? Tôi vốn khản ăn và dễ ăn. Ăn gì cũng được, chỉ tội ăn không được nhiều. Dung vẫn nhăn nhò vì mỗi lần hai đứa đi ăn bíp téch, tôi chỉ ăn hết non nửa, dù miếng bíp téch của Tài Nam chẳng to lớn gì, mà lại mỏng tanh.

Bỗng, ông Thái đến cạnh tôi bảo:

- Trung úy ăn xong, đi ngủ đi, để tôi lo. Nó chơi lớn ông thức cũng vừa.

Ông Thái ngồi bệt xuống cạnh tôi, hai người dựa vào vách tường bao cát hơi ẩm lạnh. Vừa húp mì, vừa gặt gù, tôi hỏi:

- Vợ con ông ra sao?

- Hà, đứa nhỏ mới sáu tháng, ở Nha Trang với ông bà nội. Ba tháng rồi chưa thấy mặt.

- Bà ấy có than thở gì không?

- Trung úy độc thân vui tính, lương bao nhiêu cứ xài cho hết, và lại gia đình trung úy còn tiếp tế thêm nữa. Sĩ quan vợ một con cả tháng lương chỉ đủ mua gạo với cá khô. Vợ tôi phải buôn bán thêm mới đủ sống.

Câu chuyện đến đây tắt nghẽn. Tôi không biết nói gì với người sĩ quan xấp xỉ tuổi tôi. Chúng tôi sinh ra vào thời loạn, đâu có quyền chọn lựa? Tôi đánh trống lảng:

- Vậy ông trông coi anh em, tôi nhắm mắt một lát.

Tôi chui vào căn hầm ở giữa tuyến, nơi bố trí khẩu đại liên. Căn hầm vuông vức có sẵn mấy chiếc ghế bố. Lột mũ sắt, tụt bỏ áo giáp và dây TAB, tôi ngả người trên ghế bố và chìm vào giấc ngủ lúc nào không rõ.

Khoảng nửa trưa, thiếu tá Khoái triệu tập tất cả sĩ quan chi khu Đôn Luân để nghe ông thuyết trình. Chũ thuyết trình có lẽ quá to, đúng hơn là những lời trấn an:

- Tôi đã nói chuyện trực tiếp với đại tá tỉnh trưởng và trên quân đoàn. Một kế hoạch hành quân lớn đang được ráo riết chuẩn bị và sẽ có nhiều chuyển thả dù tiếp tế hơn. Nhân danh chi khu trưởng, tôi đã đoan chắc tinh thần của sĩ quan và binh sĩ Đồng Xoài là quyết giữ chi khu bằng mọi giá. Tôi và đại úy Tố hiện đang dự trù nếu có hành quân giải tỏa, chúng ta có thể mở đường để tiếp tay với lực lượng bạn từ phía ngoài.

Các sĩ quan chi khu không ai lên tiếng. Nói gì bây giờ. Chúng tôi đều biết rõ các tiền đồn đã bị đánh tan. Chốt cuối của chuẩn úy Tư đã vỡ. Phòng không địch dày đặc quanh chi khu chứng tỏ địch đang bố trí cho một trận đánh lớn. Hoặc là nuốt gọn chúng tôi. Hoặc là dùng Đồng Xoài

như mỗi nhữ giảng cái bầy chờ sẵn để nghênh chiến với các đơn vị giải tỏa do tỉnh và quân đoàn gửi xuống. Cách nào thì chúng tôi cũng là kẻ bị động, không thể nhúc nhích gì được. Hai ngày sau đó, địch chỉ pháo cầm chừng. Nhưng thỉnh thoảng có cả hỏa tiễn 122 ly. Lại thêm một dấu hiệu đáng ngại. Có cái gì căng thẳng lơ lửng trong suy nghĩ của tất cả anh em sĩ quan. Chúng chơi trò gì đây? Giống như khí hậu oi nồng báo trước trận bão, tôi linh cảm địch sẽ tấn công bất cứ lúc nào.

Đến đêm thứ chín thì tình hình khác hẳn.

Địch pháo liên tu bất tận. 82 ly rồi 122 ly. Có lẽ đề lô địch đã chỉ điểm rõ và cự ly pháo cũng đã điều chỉnh, đạn địch rơi ì ầm vào chi khu, đôi khi sát ngay bên các giao thông hào. Pháo không ngơi nghỉ. Những tiếng rít của 122 ly nghe lạnh xương sống. 122 nổ ròn hơn 82 ly. Suốt bao năm cầm súng đến nay, tôi mới nhận biết điều này. Chỉ nghe tiếng đạn rít là tôi có thể phân biệt có đúng 122 ly không. Bốn khẩu cơ hữu của chi khu lúc này cũng hoạt động liên tục hơn nhưng so về cường độ thì chẳng thấm vào đâu. Chúng tôi chịu trận đến sáng thì có tin mừng vào ngày thứ 10 của cuộc tử thủ.

Chúng tôi được tiếp viện. Trên truyền tin mã số 25, chúng tôi nhận được một câu ngắn ngủi "Chúng tôi yêu thương các anh". Yêu thương là yếm trợ theo ngôn ngữ truyền tin Y-T. Mã số 25 có lẽ là của cấp chỉ huy quan trọng vì rất nhiều đài liên lạc làm việc với 25. 25 yêu cầu chúng tôi cho hay pháo và phòng không địch nặng nhất về hướng nào. Tinh thần mọi người lên như diều. Tôi dán tai vào máy vừa nghe vừa lượng định.

Chắc chắn 25 phải là thẩm quyền quan trọng và chắc chắn lực lượng tiếp viện phải là Dù hoặc Lực Lượng Đặc Biệt. Có thể là hành quân trực thăng vận vì với địa thế này khó mà nhảy dù. Và lại theo trí nhớ lơ mơ của một anh trung úy, tôi nghĩ đã lâu lắm quân đội không còn hành quân nhảy dù nữa. Tại sao thì không rõ. Hoặc giả vì địa hình địa vật không thuận lợi. Hoặc là chúng ta quen đánh kiểu Mỹ, trực thăng vận chẳng?

Tôi và các sĩ quan xúm lại chăm chú.

Tiếng PRC nghe rõ rõ.

- 25 đây. 25 đây. Nghe rõ trả lời.

- Năm trên năm. Năm trên năm.

- Cho biết tọa độ nặng. Tọa độ nặng

- Mười bảy hai tám tám ba hai. Lập lại mười bảy hai tám tám ba hai.

- Đà điều. Đà điều. Nghe rõ trả lời.

- 25 nghe năm trên năm. An toàn bãi đáp. An toàn bãi đáp.

- Chi Lăng. Chi Lăng. Lập lại mười bảy hai tám tám ba hai.

Chúng tôi đều hiểu thẩm quyền 25 muốn phi pháo đánh vào mục tiêu chỉ điểm để có thể mở một khoảng trống làm bãi đáp cho trực thăng. Không khí trong tuyến như bừng lên chờ đợi.

Khoảng mười lăm phút sau hai phi cơ xuất hiện. Binh sĩ hớn hở ra mặt, mọi người đều nhô lên khỏi các bao cát quan sát. Hai chiếc F5 đảo trên cao hai vòng và chúi xuống hướng phía tuyến của đại úy Tố. Phòng không địch dày như lưới đan. Tiếng bom nổ ì ầm. Hai chiếc F5 nữa xuất hiện lao xuống. Tôi chăm chú ước lượng. Cao quá. Kinh nghiệm hành quân với Toán Màu của lực lượng không kỵ Hoa Kỳ cho tôi thấy đánh bom kiểu này không kiến hiệu. Ngày xưa còn đánh giặc theo kiểu Hoa Kỳ, mỗi lần sửa soạn bãi đáp trực thăng, bom đạn xài thả cửa. Pháo xong là cả chục phi tuần của Đệ Thất Hạm Đội lao tới. Sau đó trực thăng UH1 võ trang đại liên và hỏa tiễn rà. Tôi đã ngồi nhiều năm trên những phi cơ quan sát để "clear" bãi đáp. Hồi đó tôi vẫn có ý nghĩ không còn cái gì nhúc nhích được sau những đợt phi pháo kinh hồn như vậy. Đó là những cuộc hành quân của thời chưa Việt Nam Hóa chiến tranh. Phòng không địch lưa thưa và thường rất yếu. Lúc đó Hà Nội chưa thể chuyển vào Nam vũ khí cơ giới và phòng không cỡ này vì đường mòn Hồ Chí Minh bị bom đánh liên tu bất tận.

Từ cái tuyến lép nhép âm ướm nhìn ra, tôi thấy khó mà đổ bộ trực thăng nổi trong tình huống hiện nay. Một anh trung úy quen như tôi còn nhìn ra thì thẩm quyền 25 phải thấy. Quả nhiên sau bốn phi tuần, có tiếng 25:



- Rất yêu thương các anh. Trời lại sáng. Lập lại: Yêu thương các anh. Trời lại sáng. Lập lại: Trời lại sáng.

Lúc đó đã là quá chiều. Chúng tôi hiểu rõ. 25 hẹn ngày mai sẽ trở lại. Tôi cười băng quơ. Ngày mai trời có thật sáng sửa chăng?

Chưa biết ngày mai thế nào nhưng tối hôm đó êm ả lạ kỳ. Sau mười ngày căng thẳng, tôi thấy cơ thể rã rời. Binh sĩ trông nhếch nhác, dựa lưng vào tường ngủ gà ngủ gật. Tôi và các sĩ quan vẫn phải chia phiên đồn đốc cất gác, thượng phiên trực. Địch có thể mở cuộc tấn công bất cứ lúc nào nhưng hôm đó chỉ pháo lai rai. Tôi được một nghĩa quân đưa cho hai cục kẹo the màu xanh gói trong giấy bóng. Rõ ràng là kẹo nội địa, kẹo Chợ Lớn và là loại rẻ tiền. Tôi nhớ rõ vì quả không bao giờ tôi lại nghĩ được ăn kẹo vào lúc đó. Kẹo đã nhão ra, dính vào giấy bóng rất khó bóc, nên tôi bỏ cả hai cục vào miệng rồi nhần dần.

Chính lúc đang cố dùng lưỡi đẩy cái giấy bọc nhẹp ra khỏi miệng, tôi chợt thấy sự hiện diện của tôi nơi đây có lý do của nó.

Tôi là sĩ quan – trung úy Dũng – nhưng suốt bao nhiêu năm trong quân ngũ, chưa bao giờ tôi để tâm tới khía cạnh vẫn thường được nói tới như lý tưởng bảo vệ tự do, như chiến tranh ý thức hệ, như tiền đồn của thế giới... Tôi bị động viên thì đi. Được huấn luyện thành sĩ quan.

Giáo dục của gia đình và học đường khiến tôi thấy những bổn phận đó là đương nhiên. Chưa bao giờ tôi đặt câu hỏi với tôi về ý nghĩa cuộc chiến cả.

Nhưng tôi yêu quân đội có lẽ vì đã được sống và đã được chia xẻ với những người như anh nghĩa quân chia cho tôi cục kẹo. Trong cái ý nghĩ luẩn quẩn đó, tôi im lặng quan sát người lính dưới quyền. Anh ta khoảng hai mươi. Quá trẻ. Dáng dấp cho thấy giống như bất cứ thanh niên quê mùa nào, anh đăng nghĩa quân để được gần gia đình.

Tôi vốn học trường Tây, mặc dù cố gắng tự học lịch sử Việt Nam nhưng vẫn rất mù mờ. Tuy nhiên tôi nhớ tổ tiên ta đã có thời sử dụng lực lượng bán quân sự gọi là Nông Binh. Không có giặc thì làm ruộng là Nông. Có giặc thì đánh, thành Binh. Người nghĩa quân ngày nay, có lẽ được xây dựng trên ý niệm đó. Tôi hỏi:

- Sao, Tú, vợ con gì chưa?

- Chưa, trung úy ơi. Nghèo chết mẹ có đứa nào thương đâu?

- Đẹp trai thế thiếu gì đào.

- Ôi, con gái thời nay chỉ có tiền không, trung úy ơi.

Và anh ta nhìn tôi:

- Nghe nói trung úy sắp lấy vợ, đi Mỹ?

A ha, chuyện của tôi đồn đại đến nỗi người nghĩa quân này cũng biết. Tôi đánh trống lảng:

- Ờ, chưa biết ra sao, vì giờ này mình đang bị pháo lia chia ở đây.

- Lạy trời cho có giải tỏa.

Tôi rùng mình. Hóa ra tất cả binh sĩ ở đây đều thấy ngổ cụt của chúng tôi. Niềm hy vọng duy nhất là một cuộc hành quân lớn từ ngoài đánh vào và chúng tôi sẽ từ trong đánh ra. Đánh ra thì chúng tôi sẵn sàng, nhưng phải có lực lượng bạn từ ngoài đánh vào. Tôi trấn an người thuộc hạ:

- Đương nhiên là sắp có hành quân giải tỏa.

Suốt ngày không có biến cố gì. Chúng tôi ngắm 25 nhưng biệt tăm. Tin tức từ máy cho hay có đụng lớn nhiều nơi khác. Quận Phước Bình cũng bị pháo kích và tấn công. Tình thế xem ra không có gì lạc quan.

Tôi thiếp đi được một hồi. Tỉnh dậy trời đã tối sập xuống. Đêm tới êm ả, không có 82, không có 122 ly, chỉ có tiếng pháo cầm chừng của ta, có lẽ từ Bunnard bắn tới. Khoảng quá nửa đêm, qua PRC, thiếu tá Khoái gọi tôi sang bên ông. Giờ hàng rào kẽm gai vòng, tôi đi len lỏi giữa các giao thông hào. Sau 10 ngày chịu trận, nơi đâu cũng phảng phất mùi lửa đạn, mùi khói súng. Tôi gặp thiếu tá quận trưởng đang ngồi ở bàn giấy, nơi tôi và ông cùng uống cà phê với ông Bảy mươi ngày trước.

- Tụi nó nấu xôi lạp xưởng, tôi nhớ đến cậu, nên gọi sang ăn. Lạp xưởng đào cậu mua ngon lắm.

- Dung nói lạp xưởng Mai Quế Lộ của Tàu. Tình hình tổng quát ra sao, thiếu tá.

Ông nhìn tôi im lặng một chút rồi chậm rãi trả lời:

- Đáng lẽ cậu không cần từ giã tôi và anh em. Nhưng tôi vẫn chủ tâm hể thoát ra thì cậu là người đầu tiên về Sài Gòn. Cho tới giờ phút này, tụi nó chưa lộ hẳn sẽ chơi mình thôi hay dùng mình để cầm chân rồi đánh tỉnh. Tôi đã nói rõ với đại tá Thành rằng anh em mình sẵn sàng ăn thua đủ nhưng phải có tiếp tế và tải thương, nhất là phải đánh bom nhiều nữa. Đồ ăn thức uống thì còn có thể kéo dài nhưng thuốc men chẳng còn gì. Ông bác sĩ Nam cho hay bệnh xá không còn thuốc cầm máu, hết trụ sinh. Ông ta kêu trời như bọng. Đạn thì cũng tạm tạm nhưng cứ kiểu này không khéo mình thành Tống Lê Chân cũng nên.

Tôi gõ gõ xuống bàn suy nghĩ cố nhớ. Tống Lê Chân ở trên núi, địa thế hiểm nghèo và hời đó phi pháo ê hề, cộng sản đâu đã có ưu thế về vũ khí. Đồng Xoài tứ phía là rừng và tụi tôi như nắm xôi nằm trên đĩa.

- Liệu quân đoàn có chơi mạnh, hành quân phối hợp giải tỏa không?

- Chưa biết. Cậu hiểu và tôi hiểu. Mong rằng phía trên không kẹt ở đâu, để có thể lo cho mình.

- Đại tá Thành có hứa gì không?

- Tất nhiên là hứa nhưng không có gì là khẳng định hết. Mấy đợt thả dù, lạp hết ra ngoài rồi.

- Bốn đợt. Mất bọn a, thiếu tá.

- Mẹ kiếp, tiếp tế cho mình hóa ra tiếp tế cho địch.

Nồi xôi chín và người hạ sĩ dọn cho chúng tôi hai đĩa xôi thơm phức với một đĩa lạp xưởng xắt mỏng.

Thiếu tá Khoái nói với người hạ sĩ:

- Nấu hết xôi đem chia cho anh em, đừng để họ nghĩ tôi và trung úy Dũng ăn mảnh không nghĩ đến họ.

Lạp xưởng xắt mỏng màu đỏ tươi, dai nhưng vị ngọt và có thoang thoang mùi rượu nếp - hay như mấy ông Tàu hay dọa anh em, mùi Mai Quế Lộ. Chúng tôi chậm rãi ăn, và tôi thấy thiếu tá vẫn áo giáp mũ sắt, dù đang ngồi trên ghế bành đằng sau chiếc bàn lớn.

Khoảng ba giờ, tôi tính trở lại phòng tuyến thì thiếu tá bảo:

- Đợi sáng hãy về. Ngồi đây làm ly cà phê đã.

Không bao giờ tôi được về phòng tuyến nữa.

Cỡ bốn hay năm giờ sáng địch khai hỏa, bắt đầu pháo. Không lai rai mà là pháo tập trung. Bốn phương tám hướng. Đạn 82, 122 rơi tứ tung ngũ hành. Thiếu tá quận trưởng nhanh nhẹn rời khỏi chiếc ghế, đi về phía hầm truyền tin, nơi đặt bộ chỉ huy chi khu. Tôi vò lấy cây M16 vừa lui cui chạy vừa cố định hướng. Mới đầu nghe tiếng rít, tôi còn hụp xuống tìm chướng ngại vật để núp, nhưng sau đó pháo rất quá tôi đâm liều, chạy phăng phăng và nhảy xuống giao thông hào nơi có đám thảm sát tĩnh đống trụ gần bốn khẩu pháo cơ hữu. Nơi đây là trung tâm chi khu, có lẽ bị ăn pháo nhiều hơn cả. Chúng tôi bẹp dí dưới các công sự chiến đấu. Tôi mò lại chỗ người lính truyền tin đang ôm máy PRC, tìm cách liên lạc với thiếu úy Thái:

- Tango. Đây Zulu. Nghe rõ trả lời.

Zulu là mã số của tôi. Dăm phút sau có tiếng trả lời:

- Chạm nặng.

Sau đó là tiếng rồ rồ không nghe gì được nữa. Tôi sót ruột cố giữ tàn số. Đạn nổ tứ bề đình tại nhức óc. Địch tử diện tấn công. Khoảng nửa tiếng sau tôi mới lại được lên máy với tuyến. Tôi nói rất nhanh:

- Tango. Tango. Đây Zulu.

- Nhận rõ.

- Đang kẹt bên 33. Tango ráng lo bên đó.

- Nhận rõ. Tụi nó chơi dữ quá, T54 đang tràn lên.

- Nghe rõ. Tango... ráng giữ ráng giữ...

- Zulu. Zulu. Tụi nó tràn lên, tràn lên. Xáp lá cà. Xin yêu thương. Xin yêu thương...

Đó là những lời cuối cùng của Thái.

Tuyển bị tràn ngập khoảng bảy giờ sáng. Tôi không rõ số phận của mọi người ra sao, chỉ nghe viên trung sĩ hét qua PRC:

- Thiếu úy tử trận. Địch tràn vào.

Nơi tôi đứng, chuẩn úy Kiệt thủ khẩu 81 ly đã dựng súng gần như thẳng đứng. Thế có nghĩa là đạn chỉ nổ cách đó vài trăm thước. Tôi chạy ra tiếp đạn. Khói mù mịt tạo thành một màn hơi mỏng. Mùi thuốc súng làm mọi người hăng lên, khỏe ra. Tôi không còn phân biệt nổi tiếng M16 hay AK 47 nữa. Đúng lúc đó, có tiếng hét lạc giọng:

- T54.

Từ công sự chiến đấu, chúng tôi có thể nghe tiếng động cơ ầm ì nhưng lúc đó mới nhìn thấy rõ xe tăng địch. Tôi nghe tiếng chửi thề ngay bên tai.

- Đù mẹ chúng mày.

Và người lính thám báo nhảy hẳn lên khỏi hàng bao cát, quay khẩu M72 bắn. Chiếc T54 trúng đạn chao sang một bên nhưng vẫn từ từ lăn về phía hàng rào, pháo tháp với nòng đại bác 100 ly hướng về phía chúng tôi. Tôi nhìn thấy họng đại bác khắc lửa và tiếp theo là tiếng nổ. Người lính bắn M72 lãnh nguyên trái đạn, chiếc áo giáp bay như bướm bướm, trắng cả một khoảng giao thông hào.

Tôi không thấy thịt xương của anh ta, có lẽ cả người đã bị đạn 100 ly đẩy tuốt đi tận đâu. M72 không đủ sức hạ T54 vì chiến xa của địch đã cải tiến hạ thành xe tháp thoải xuống và có độ nghiêng khiến đạn M72 bị trượt đi.

Mấy khẩu đại bác được hạ nòng bắn trực xạ. Chúng tôi bắn liên hồi, có gì bắn nấy. Đột nhiên tiếng kèn nổi lên. Suốt sáu bảy năm lính tôi chưa bao giờ nghe tiếng kèn xung phong. Tôi cũng chưa được đồng đội nào cho hay Việt Cộng có kèn xung phong. Nghe như xinê nhưng thật tiếng kèn xung phong có một tác động ghê hồn. Nó không chỉ kích động phía bên kia mà nó kích động cả phía tại tôi. Những người lính vừa bắn vừa chửi thề. Mới chỉ là kèn, địch chưa tung bộ binh đánh biển người nhưng thoáng phía xa là những di động thấy rõ địch đang dàn trận để xung phong. Đúng lúc đó có tin đại úy Tổ bị trúng pháo chết và tuyển của ông đang bị tràn ngập.

Đạn bắn từ phía đủ loại súng lớn, súng nhỏ. Đầu tôi lùng bùng. Tôi loay hoay suy nghĩ và nhảy khỏi giao thông hào mò về bộ chỉ huy của chi khu. Tôi muốn biết thiếu tá Khoái quyết định ra sao. Vô đạn rơi vãi khắp nơi, bao cát tung tóe vì pháo. Sục mãi không tìm được ông quận trưởng, tôi thoáng thấy hai người lính núp sau mấy chiếc lu lớn phía sau tư dinh. Bò lại thì ra hai ông lính kiếng người Tàu Chợ Lớn làm bếp cho ông quận. Tôi hỏi:

- Thiếu tá đâu?

Hai ông lính to béo cầm M16 chắc chưa bắn phát nào, mặt mày tái mét:

- Tụi em vừa thấy ông quận và mấy người Stieng. Ông quận bảo tụi em ở đây bắn chặn.

Tôi chắc hai ông lính này không biết bắn chặn là gì. Nhìn bộ điệu họ, tôi nghĩ suốt đời lính họ chưa bao giờ bóp cò. Tôi chạy vào văn phòng. Đồ đạc vẫn y nguyên, ngó thấy dây chạc ba trên có gắn tùm lum, thứ dây chạc ba của phi công Mỹ với thuốc men, máy Beacon, tôi khoác vào vai. Tôi biết rõ cái dây chạc này nhờ hồi hành quân với người Mỹ. Cái máy Beacon lớn cỡ bao thuốc sẽ phát ra tín hiệu khiến phi cơ biết người phi công đang ở tọa độ nào để đến cứu. Thấy một tấm bản đồ hành quân, tiện tay tôi thủ luôn vào túi quần trận.

Vừa lui cui chạy dọc theo các bao cát, tôi thấy hai nghĩa quân đang đứng ôm M16 hướng ra ngoài. Một trái 122 ly nổ giữa sân, đất cát bắn tung tóe. Chiếc cột cờ gãy ngang, lá cờ vẫn vướng vào dây rách lỗ chỗ. Người nghĩa quân quay sang nói với tôi:

- Tội lá cờ, để em ra lấy.

Tôi chưa kịp căn thì anh ta đã lao ra giữa sân. Một trái 122 nữa nổ tung. Người nghĩa quân ngã gục trên lá cờ và chỉ một giây sau đó, xác anh bật tung lên vì trái lựu đạn của anh có lẽ đã tuốt kíp nổ. Người nghĩa quân nằm đó bất động, lá cờ thấm máu đỏ rách bươm quần lấy đầu anh. Mò trở lại khu trung tâm, tôi gặp trung úy Hùng. Đúng lúc đó viên trung úy Pháo Binh thủ pháo cơ hữu nhảy qua vòng concertina, quần áo tả tơi, có lẽ vì vướng dây thép gai. Giọng ông ta lạc hẳn đi:

- Tụi nó đông quá, có cả chục T54, không giữ nổi.

Rất nhanh, tôi hiểu và hỏi lại, khá gay gắt:

- Ông có hủy pháo không?

- Không kịp. Tụi nó bắn rất lắm.

- Ông trở lại nói anh em hủy ngay. Đâu có thể để mấy khẩu pháo lọt vào tay địch.

Tôi không nhớ tên người trung úy Pháo Binh nữa, nhưng suốt đời có lẽ khó quên được nét mặt ông ta. Giữa bốn phần của một người lính, hơn nữa, của một cấp chỉ huy, và sinh mạng của chính mình, ông thần người ra. Tiêu lệnh hành quân bất cứ sĩ quan nào cũng rõ là phải hủy vũ khí, không để lọt vào tay địch, nhất là loại vũ khí nặng và máy móc truyền tin. Ông ta lẳng lẳng quay trở lại vị trí của các khẩu pháo 105 và 155 ly. Tôi không biết ông ta có hủy nổi mấy khẩu đại bác không, nhưng ít ra thì ông ta cũng xứng đáng là một sĩ quan.

Tôi chúí người lao về phía trước. Vừa nhẩy xuống hào thì nghe chuẩn úy Kiệt nói rít qua kẽ răng:

- Bệnh xá bị ròi. Bác sĩ Nam tử trận.

Đúng lúc đó, người trung sĩ truyền tin la:

- Có tình liên lạc. Có tình liên lạc.

Tôi áp tai vào ống nghe:

- 72 đây. Cho gặp giới chức thẩm quyền cao nhất. Nghe rõ trả lời.

Không còn ngôn ngữ truyền tin, ám số, mã số gì ráo, y như đang nói điện thoại. Tôi nói như thét vào ống nghe:

- Đây hai mai Dũng. Trưởng Bắc Bình 3. Nghe rõ 72

- Tôi đặc cách thăng trung úy lên đại úy. Yêu cầu giữ Đồng Xoài bằng mọi giá. Sẽ có yểm trợ ngay.

- Địch đông, đại đơn vị, công trường 7 có T54. Hai phòng tuyến đã vỡ. E không kịp.

- Tôi đặt hết tin tưởng nơi đại úy, hãy cố tử thủ, giữ Đồng Xoài bằng mọi giá.

"Bằng mọi giá." Giá đó là giá nào? Và trong suốt đời lính, đó là lần duy nhất tôi được gọi là đại úy. Dù đứng sát và nghe cuộc điện đàm, ông trung úy Hùng vẫn hỏi:

- Ông quận đâu?

- Không thấy.

Hai đứa tụi tôi nhìn nhau. Đời lính của tôi đã đủ gian truân, nhưng đến mức này thì quá sức chịu đựng.

Trung úy Hùng nhìn tôi:

- Bây giờ ông là sĩ quan cao cấp nhất ở đây, ông tính sao?

Tôi chột hiểu. Hai đứa đều trung úy, nhưng tôi thâm niên hơn và hơn nữa tôi giữ trưởng ban 3 kiêm ban Hai, tức chức vụ cao hơn ông ta. Tôi là người phải quyết định. Ông Hùng chắc biết rõ cái lúng túng của tôi nên nói:

- Chơi hay không là tùy ông. Ông chơi thì tôi theo. Ông dọt thì cùng dọt.

Tôi quan sát xung quanh. Khói nghi ngút ở các nơi bốc lên, không khí sặc mùi thuốc súng. Nhìn cảnh nhếch nhác của binh sĩ, tôi quận đau. Ba tuyến thì bị tràn ngập hai, nhiều chỗ gần như đánh xấp lá cà. Đúng lúc đó hai người lính khiêng trung úy Vận tới. Ông nằm trên băng ca, máu me đầy người. Trung úy Vận lo truyền tin cho chi khu. Tôi cúi xuống thăm ông như một cử chỉ tự nhiên và nói không suy nghĩ.

- Ông bị như vậy lên đây làm gì. Tôi nói tụi nó đưa ông xuống hầm truyền tin nghỉ ngơi.

- Dũng, moa đã hủy hết máy rồi. Moa chắc sẽ chết. Ở đây hay dưới hầm cũng thế. Moa có việc nhờ toa.

Giọng ông bình tĩnh, rõ ràng khiến tôi khựng lại. Con người ta nghe nói trước khi chết rất tỉnh.

Tôi lạnh người nhìn ông Vận:

- Được. Toa nhờ gì moa cũng nhận.

- Toa lo cho thằng em moa. Nó còn nhỏ, bà già bảo moa đưa nó về truyền tin ở với moa, tưởng êm ai ngờ...

Và ông ngược nhìn lên. Tôi nhìn theo. Đó là một thanh niên trẻ, dù mũ sắt, đồ trận, vẫn không giấu nổi khuôn mặt thư sinh. Tôi nhìn bằng tên và nói rất nhanh:

- Yên chí, moa sẽ lo cho thằng Hoàng, coi nó như em moa. Bây giờ toa để tụi nó khênh toa xuống cho chắc.

Hắn là trung úy Vận không bao giờ ngờ và tôi cũng không bao giờ tưởng nổi người sống sót là ông và người chết lại là Hoàng, thằng em thư sinh của ông, nay là em tôi. Nhưng đó là chuyện về sau.

Trung úy Hùng lôi tôi trở lại thực tế.

- Ông tính sao? Ông Vận hủy máy rồi.

Chi khu có một hệ thống truyền tin gồm nhiều máy PRC di động và một hệ thống TRC46 cố định đặt ngầm dưới đất.

Ngay lúc đó địch mở một trận tấn công vào tuyến phòng thủ cuối cùng. Trung úy Hùng và các binh sĩ dưới quyền có kinh nghiệm trong trận bị tràn ngập mấy hôm trước, đã phản ứng rất kết quả. Chính trung úy Hùng nhảy lên đứng trên miệng hầm vừa la hét, vừa bắn M79 khiến tinh thần binh sĩ lên cao tột độ, cùng sát cánh bắn xối xả. Địch bị khựng lại, chưa kịp ổn định thì toàn thể trung đội thám báo của chuẩn úy Kiệt đã tràn lên xung phong đánh bật hẳn đơn vị địch ra khỏi tuyến.

- Ông lo gom hết anh em lại, nhớ dặn trang bị đầy đủ, mình mở đường ra.

Hình như trung úy Hùng chỉ chờ có thế. Ông miệng hét, tay chỉ. Tôi bảo viên hạ sĩ truyền tin.

- Liên lạc với Bà Rá.

Bà Rá là căn cứ tiếp vận truyền tin.

Khi đã lên được máy tôi nói:

- Yên Bái. Yên Bái. Đây Zulu 2. Địch tràn vào. Địch tràn vào.

- Yêu cầu cho OK vào Charlie, yêu cầu pháo lên đầu tôi... Cho pháo tối đa vào Charlie...

Họ hiểu ngay tôi muốn gì.

Tôi xin đánh bom và pháo vào chi khu. Đai tiếp vận có vẻ rất quen với những trường hợp này, hỏi ngay:

- Yêu cầu xác nhận giới chức thẩm quyền...

Tôi xưng tên, cấp bậc, vắn tắt cho hay chi khu đã bị tràn ngập. Ngay sau đó, 4 chiếc F5 xuất hiện trên vùng. Trung sĩ Châu thuộc đội thám báo của chuẩn úy Kiệt vội nhảy lên miệng hầm, ném những trái khói màu đỏ ra tứ phía. Hình như nhìn thấy pháo hiệu, mấy chiếc F5 thay phiên lao xuống, chiếc này nối đuôi chiếc kia để bảo vệ lẫn nhau theo đúng chiến thuật.

Tuy nhiên, không rõ vì lo cho số phận các chiến hữu còn kẹt trong căn cứ hay vì phòng không địch quá mạnh mà đa số bom đều rơi ngoài căn cứ. Dù vậy, một vài trái gần nhất đã phá tung hệ thống rào làm rung động toàn căn cứ. Địch quân hoảng hốt nhào xuống các hố cá nhân và giao thông hào.

Thời điểm đã đến. Không chần chừ, tôi cho rút quân.

Tôi không điểm quân số, nhưng có lẽ gồm trên dưới 30 người và tôi có 2 máy PRC với hơn mười khẩu vừa M72 vừa M79. Lợi dụng bom phá các bãi mìn, chúng tôi quyết định rút theo hướng bồn nước. Tôi phân công:

- Ông Hùng đi trước, đến tôi. Chuẩn úy Kiệt lo phía sau.

Lặng lẽ và rất nhanh, chúng tôi sắp thành đội hình lần về phía bồn nước.

Khi nhìn trở lại chi khu, tôi thấy thiết giáp đã tràn vào rất gần nơi để khẩu pháo. Tôi thấy rõ 4 khẩu pháo ở tư thế hạ nằm sát càng xuống đất. Như vậy là trung đội pháo đã có ý định tử thủ vì với tư thế hạ càng như vậy họ sẽ sử dụng một loại đạn mà tất cả các pháo đội không bao giờ muốn phải sử dụng đến. Đó là loại đạn trực xạ, mỗi viên chứa hàng ngàn mũi tên nhỏ để chống biển người. Tôi hiểu những người lính pháo binh đã quyết định đem chính mạng sống mình buộc chặt vào với những khẩu pháo.

Trung úy Hùng cho bắn M79 và M72 phá hàng rào kẽm và mìn, mở một lỗ hổng lớn. Vừa bắn, vừa lom khom chạy, từng toán chúng tôi ra khỏi chi khu.

Tiếng kèn xung trận vẫn theo gió rít lên như tiếng hú của tử thần. Bò ra được độ vài trăm thước tôi ngoảnh lại. Cờ Mặt Trận Giải Phóng đã được cắm trên nóc cao nhất của B14 hoặc chi khu Đôn Luân, từ nay có lẽ sẽ được gọi là huyện Đôn Luân.

\*\*\*

## Đỗ Lệnh Dũng

(...trích *Đỗ Lệnh Dũng* chương cuối)

Từ lúc ra khỏi tù, tôi không tơ tưởng gì đến chuyện đi Mỹ bởi đối với tôi chuyện đó trở thành định mệnh. Tôi không tin số tôi có thể xuất ngoại. Lý do hơn nữa có lẽ vì Thu. Tôi đã đưa cho Thu tờ điện tín. Nàng đọc xong, im lặng. Tôi nói với Thu.

- Anh đã xin cưới Thu ngay khi còn là 1 thằng tù. Nay anh ra khỏi trại, anh lập lại với Thu. Anh muốn cùng Thu lập gia đình.

- Thế còn ba má ở bên Mỹ. Còn chuyện bảo lãnh?

- Ở VN có Thu. Anh không đi đâu cả.

- Ai cũng muốn đi Mỹ.

- Anh chỉ muốn ở cạnh Thu. Ngày mai anh sẽ xuống thưa ba má, mình làm đám cưới càng sớm càng tốt.

- Lấy em bỏ vụ đi Mỹ à nhe.

- Không những chỉ lấy em mà mình sẽ có cả đàn con. Khởi đi đâu hết.

- Người ta bảo "*cột đèn biết đi cũng vượt biên*", em thấy đâu đâu cũng toàn nói chuyện đi nước ngoài.

- Anh là cột đèn bị chôn sâu ở đất này. Thu là cái đèn soi sáng suốt đời anh.

- Bắc Kỳ ăn nói tron tuột. - Nam Kỳ dễ thương.

Tôi viết 1 thư dài cho bố mẹ và các em, gửi kèm hình ảnh của Thu và tôi. 1 bức điện tín nữa viết: ĐỒNG Ý ĐÁM CƯỚI, CỐ GIỮ ĐỪNG CÓ CON ĐỂ BẢO LÃNH DỄ DÀNG. Tôi đọc xong vò bức điện tín vứt vào xọt rác và không nói gì với Thu.

Đúng lúc đó chú dì và Quyền em tôi có giấy tờ đi Mỹ. Vụ hộ khẩu của tôi trở nên gay go hơn. Sở nhà đất và CA phường viện đủ lý do tạo sức ép để rồi chú dì phải ký giấy hiến nhà cho nhà nước. Bà dì tôi cấu kính: - Chúng nó nhân nghĩa để bà Tú Để, bất kỳ giấy hiến nhà mà còn đạo đức giả nói Nhà Nước chỉ giữ hộ, tạm quản lý khi nào ông bà sống ở Mỹ không nổi, về đây Nhà Nước trả lại.

Mất nhà thì tôi ở đâu? Trong cái hệ thống tham nhũng công khai từ trên xuống dưới tôi trở thành khúc xương khó nuốt. Bọn chúng muốn chiếm nhà nhưng trên 1 khía cạnh nào đó, tôi

vẫn là người hợp pháp được quyền trú ngụ ở căn nhà này. Viên CA nói với tôi:- Anh nên nhớ anh vẫn thuộc quyền quản lý của địa phương.

- Thừa cán bộ tôi biết nhưng trong sổ gia đình từ xưa đến giờ vẫn có tên và giấy ra trại cũng ghi rõ tôi về địa chỉ này. - Anh thuộc thành phần ăn bám vào xã hội. Tôi đề nghị anh nên đi kinh tế mới.

Tôi im nhưng nhất định lý lợm cho đến hôm cuối thì CA nhượng bộ.

- Thôi được, Nhà Nước đồng ý cho anh ở lại địa phương này. Anh thuộc thành phần quản lý của phường. Tôi cho anh đi kiếm chỗ ở trong phường và đồng ý cho anh nhập hộ khẩu.

Khi ở tù, tôi không chú ý lắm nhưng khi ra ngoài, tôi thấy mình đối diện với 1 khuôn mặt vô hình, 1 bóng đen trùm ngợp lúc nào cũng muốn đè tôi xuống, lúc nào cũng sẵn sàng bóp nghẹt tôi. Những từ ngữ N/d, Tổ Quốc, Nhà Nước, Đảng và XHCN luôn luôn trở thành chủ từ để nói với người dân. Không ai biết những thứ đó ở đâu, là ai bởi đó là Tập Thể. 1 CA viên dấm dớ có thể nhân danh Chế Độ, nhân danh N/d để đày đọa đối tượng cần trấn áp hay để moi tiền, sang đoạt tài sản và cả những lúc cần ban ân huệ.

Viên CA đã nhân danh Nhà Nước để cho tôi nhập hộ khẩu ở SG. Tôi thu xếp ở nhờ 1 gia đình người quen. Chính thức tôi không có công ăn việc làm nhưng thực tế tôi xoay sở làm đủ thứ việc. Tôi lẩn vào giữa đời, đi buôn chợ trời, buôn từ viên thuốc trụ sinh cho tới vài thước vải, dăm hộp sữa. Tôi mua hàng ở đầu đường này bán hàng ở cuối đường kia. Tôi làm môi giới bán đồ cổ, đủ thứ từ chổi cổ đời Khang Hi, Càn Long cho đến những cửa "gia bảo" như vòng ngọc, tượng đồng đen. Xin nói rõ tôi chả biết giá trị đích thực của các món đồ nhưng trong xã hội VN lúc này, giả và thực làm sao phân biệt. Dân, nhất là cán bộ miền Bắc nhiều tiền không thể tả, hẳn là tiền thu nhật được từ Miền Nam. Cái gì họ cũng mua và cái gì càng nhỏ càng dễ giấu càng quý. 1 lần tôi được nhờ bán 1 viên ngọc Huyền Thiết. Đó là 1 miếng đá màu đen lớn cỡ hai con tem và dày cỡ nửa bao diêm. Người bán bảo nó là ngọc Huyền Thiết - nôm na là sắt đen - quý và hiếm có 1 không hai, vốn là của Vua Tự Đức. Ông Vua này bẩm sinh yếu đuối bệnh hoạn, phải đeo ngọc này để kỵ phong kỵ hàn và có đủ sức khỏe để hưởng tam cung lục viện. Tôi nghe để mà nghe nhưng rung mình khi biết giá 40 cây vàng. 1 lạng vàng lúc này là 1 gia sản. Tôi cũng đi rao tứ phía với các tay chạy hàng. Điều mà tôi không bao giờ tưởng đã xảy đến. Có người mua thật. Qua hai ba trung gian nữa, viên ngọc nghe nói được bán cho bà vợ ông Lê Duẩn với giá 50 lạng vàng. Đó là lần tôi trúng mảnh lớn nhất, huê hồng tới 1 cây vàng.

Thu thì lác đầu. Nàng không chấp nhận kiểu làm ăn này nhưng chúng tôi cũng chưa biết phải làm gì hơn.

Ngày ngày tôi đứng chờ Thu tan sở. Hai đứa lang thang đi ăn đủ chỗ. SG nay đi hai bước là có chỗ ăn. Lề đường hề có chỗ trống là có quán. Đủ thứ quán. Tạt vào đâu cũng có thể có 1 tô bún, 1 tô cháo. Quán cafe và quán nhậu còn nhiều nữa. Tôi không hiểu tại sao thiên hạ ăn nhậu dữ vậy. Thu có vẻ hiểu biết hơn:- Có ai có việc làm tử tế đâu, toàn buôn chợ trời buôn đồ ngoài. Rảnh quá chỉ ăn nhậu tối ngày. Anh không thấy ai cũng uống rượu đế à?

Cuối tuần tôi gần như ở Bà Queo suốt ngày. Gia đình Thu coi tôi như rể, như người trong gia đình.

Bốn tháng sau khi ra trại, chúng tôi thành hôn. Tôi đề nghị ông Trung và ông Vận làm phù rể. Mới đầu Thu ngần ngừ nói rằng hai ông bạn tôi đều đã có gia đình và nhất là ông Trung lại chống nạng e kỳ quá, còn ông Vận thì hom hèm dễ sợ. Không hom hèm sao được sau những

gì ông Vân trải qua. Cựu Tr/u Vân đặc trách truyền tin ở Đồng Xoài đã rớm nước mắt khi hai đứa tôi gặp lại nhau lần đầu và tôi kể rõ về cái chết của Hoàng. Ông Vân bao giờ cũng vậy, ôn tồn cam chịu:

- Bà già moa mất rồi. Đến lúc chết bà vẫn tin thằng Hoàng còn sống. Khi toa và ông Hùng rút đi chừng mười phút sau thì tụi nó tràn vào như kiến. Moa vẫn nằm trên chiếc băng ca, cả người băng bó, máu me tùm lum. Miếng 82 dính đầy người mà sao moa không bị gãy xương bẻ gáo mới là lạ. 1 tên cán bộ nhìn moa và phán "*khênh cái thằng này đi*". Tên cán bộ nhíu mày không nói gì và hai người lính cúi xuống mỗi người 1 đầu khênh moa ra khỏi tiểu khu. Lúc đó tiếng súng vẫn đi đệt nhưng chẳng ai hỏi han cản trở gì cả. Moa vẫn nhớ ơn hai người lính và liên lạc với họ đều đều. Đó là ông Tám và ông Sang, hai người nghĩa quân. Họ đem moa về nhà rồi chính họ lo lắng chăm sóc cho moa đến tận 30-4.

Ông Vân không kể nhiều hơn, nhưng tôi thấm tận tâm can. Có lẽ QG và CS chỉ khác nhau duy nhất tình người. Ông Vân bị cải tạo 4 năm nhưng may không phải ra Bắc. Tôi nói với Thu chỉ muốn những người thực sự chia sẻ cuộc đời lính tráng xa xưa nay ở cùng bên tôi trong giờ phút trọng đại của đời tôi.

Cuối cùng nàng đồng ý.

Gia đình tôi nay ở VN chỉ còn bác Chuyên và bà chị gái góa chồng nên họ nhà trai rất ít người. Đám cưới dù giản dị nhưng vui. Không ai thấy cảnh ông phũ rẻ Trung chống nạng tập tễnh là kỳ dị. Không ai thấy ông Vân hom hem là xấu cả. Bởi mọi người đều biết họ là ai, đều biết 3 đứa tôi đã cùng sát cánh vào lúc thập tử nhất sinh trong ngày cuối của Đồng Xoài.

Cô dâu tươi cười. Chú rể thì rõ ràng đang hạnh phúc. Mọi người vui tít tít. Khi lễ gia tiên, tôi nói khê với Thu: "*Fleur de Racaille*" thì nàng cười bảo nhỏ:

- Em đợi đến hôm nay mới xài.

1 cái gì dâng lên trong tôi. Tôi như người khác. Tôi nhìn đâu cũng chỉ có Thu. Tôi đi đâu, làm gì cũng chỉ nghĩ đến vợ.

Tôi đi tới đi lui trước cái tiệm bé tí bày đủ thứ máy. Phải nói ngay gần như tất cả đều là máy cũ nhưng rất tốt. Từ những thứ rẻ tiền như Kodak cho đến loại đắt vô cùng như Leica, hay Hasselblass

Tôi nhớ ngay cái phòng tối đã chiến của bố tôi ở HN. Bố quây quanh chân bàn thờ gia tiên bằng vải đen để có phòng tối nhưng mỗi lần rửa hình ông cụ còn cẩn thận đóng hết cửa lại cho thật tối, ánh sáng không lọt vào.

Lúc đó, tôi học lớp nhì thì phải, vẫn hay chui vào trong ngòai nhìn ông pha thuốc, nhìn những tấm hình từ từ hiện ra trong cái khay nông đựng nước hóa học màu nhòe nhòe. Tôi đã cầm những tấm ảnh còn ướt sũng đem trải ra nơi 1 tấm kính để chờ cho khô. Phải chăng bắt đầu từ cái găm bàn thờ tối om đó, tôi đã được bố tôi nhen nhúm nỗi đam mê nhiếp ảnh. Ông cụ ngay cả sau này vào SG vì làm việc cho USIS nên vẫn dính líu đến phim ảnh. Bố đã đóng góp rất nhiều trong các phim *Chúng Tôi Muốn Sống* và *Đất Lành* ..Cũng như nhiều phim thời sự của VNCH thời ông Diệm vẫn được chiếu trong các rạp chớp bóng trước khi đi vào tuồng chính.

Vì vậy tôi bắt đầu cầm máy sớm. Khi còn là SV, tôi theo học khóa đào tạo nhiếp ảnh viên tài tử của Hội Nhiếp Ảnh VN tổ chức ở Hội Việt Mỹ với các bậc thầy như Cao Linh, Nguyễn Ngọc



Hạnh, Cao Đàm, Mạnh Đan.. Tôi đã tí toáy gửi ảnh tham dự các cuộc thi và ảnh đã được triển lãm cũng như đôi lần được giấy khen, được giải khuyến khích.

Khi ở trong quân ngũ, lúc nào tôi cũng thủ 1 chiếc máy hình. Hơn mười năm qua tôi không to tưởng đến chuyện cầm máy nữa. Nay tôi là công nhân chuyên súc, rửa chai lọ cũ trong 1 hãng. Đây là 1 ân huệ lớn của các ông thuộc Sở Nhà Đất và CA Phường. Họ đã bố trí cho tôi làm công nhân ở đây để có thể êm xuôi vụ bắt chú Trung hiến nhà. Tôi đã trở thành 1 người gương mẫu của chế độ, có đóng góp lao động và được hộ khẩu hợp pháp để mua nhu yếu phẩm.

Sau đám cưới, và nhất là sau khi được làm việc ở công ty rửa chai lọ, tôi coi như tạm yên. Tôi đi làm để mà đi làm bởi vì lương công nhân có lẽ chỉ vừa đủ để mua gạo cho hai đứa. May là gia đình bên Mỹ vẫn chu cấp đều nên cuộc sống cũng không đến nỗi nào. Tôi có cảm giác hồi phục trở lại. Sau những năm dài cô quạnh trong tù, sau những lao đao của kiếp người, tôi đã đi tìm được bình yên. Tôi được yêu thương, được ông bà nhạc coi tôi như con đẻ, đối xử với tôi như đứa anh cả trong nhà. Lũ em Thu quán lấy tôi và nhất là tối tối tôi vẫn kèm bài vở cho tụi nó.

Thu hiền và dịu dàng. Thu trong sáng lúc nào cũng lo cho tôi. Tôi đang có 1 mái ấm gia đình.

Khi đứa con đầu biết bò, tôi muốn có hình chụp để gửi cho ông bà nội nó. Ông thợ chụp hình sau 1 hồi đắn đo, đồng ý đến tận nhà chụp nhưng đòi 1 khoản tiền lớn làm tôi khựng lại. Ông ta kể tràng giang đại hải rằng thuốc rửa rất đắt, phim khan hiếm. Ông ta cũng ra điều kiện là phải chụp nguyên cả cuộn thì mới bố công đến nhà. Tôi nhắm tính vào thấy nếu tôi có máy thì rẻ hơn nhiều. Bàn đi bàn lại, Thu đồng ý là nên có 1 chiếc máy chụp hình.

Mấy ngày qua tôi mò mẫm đi tìm 1 cái máy rẻ rẻ 1 chút. Thật ra máy ảnh bây giờ không quá đắt có lẽ vì chẳng ai có thì giờ tiền bạc để phí phạm vào nhiếp ảnh. Nó phù phiếm. Nó không thực tế. Những chỗ bán máy hình không còn nhan nhản như trước 1975 và tất cả máy bày bán đều là máy cũ nhưng còn rất tốt, nhất là so với giá ngày xưa thì rất rẻ. Tôi loay hoay. Tôi đắn đo. Mua máy loại bết quá thì không có đủ những căn bản kỹ thuật như độ nhạy độ mở..Cuối cùng tôi cắn răng mua cái Nikon F3 ống kính normal.

Thỉnh thoảng VN cũng có những cuộc thi nhiếp ảnh. 1 hôm vợ tôi về bảo tôi:

- Em vừa phải đi dự 1 vụ triển lãm nghệ thuật. Máy tám hình anh chụp đẹp hơn nhiều, sao anh không gửi dự thi.

Tôi cười ngất vì quả thật tôi không có ý định dự thi, đoạt giải. Sinh hoạt xã hội gần như xa lạ với tôi. Tôi chỉ biết cặm cụi ngày ngày rửa chai lọ, sắp vào những thùng lớn để ngày ngày công ty đem đi phân phối. Đủ thứ chai, thứ lọ được thu hồi bằng nhiều ngả, nhiều cách, từ những người lượm chai cho đến những chai lọ được đem đổi như chai bia "33" chẳng hạn. Ngày đánh nhau với chai lọ, tối về vui với gia đình. Tôi cũng gần như không có bạn bè ngoài gia đình Trung. Tôi bỏ nhậu nhẹt vì không còn thích nữa 1 phần, phần khác là tiền bạc. Chiếc máy hình là trò vui duy nhất và tôi chỉ chụp Thu, chụp con cái và cảnh chung quanh nhà. Tôi rửa hình lấy nên tốn phí chẳng đáng bao nhiêu. Khi nghe thu khuyến khích tôi cười: - Ờ để coi. Nhưng giải thưởng bằng tiền mặt mới gửi à nhe.

Hai vợ chồng tôi cùng cười về viễn ảnh kiếm tiền bằng ảnh nghệ thuật.

Vậy mà tôi đoạt giải thật, 1 lúc tới hai giải. Giải đầu là cuộc thi toàn quốc có trên 1000 ảnh gửi dự.

Bức tôi chụp hai đứa con con ngồi cạnh nhau được chấm nhất, ngoài bằng khen và huy chương tôi còn nhận được 1 triệu đồng. Bức thứ hai cũng chụp hai đứa nhỏ được giải nhất trong cuộc thi nhiếp ảnh vùng Thái Bình Dương. Tôi không dám ký tên Đỗ Linh Dũng mà dùng tên con gái. Thiên hạ bắt đầu để ý đến nhiếp ảnh gia Mai Uyên.

1 ký giả của tờ báo Tân Gia Ba đến thăm VN viết bài và cần có hình ảnh đăng kèm. Ông ta tìm tới tôi nhờ giúp. Tôi không rõ tờ báo đó đã sử dụng bao nhiêu tấm hình, chỉ biết tôi kiếm được 1 số tiền quá lớn ngoài sức tưởng tượng khi mà lợi tức trung bình của dân Việt chưa tới 300 đô, tôi chỉ tốn chưa đầy 2 đô la vốn liếng và vài ngày làm việc mà kiếm tới 250 đô la thì quả là ghê gớm.

Thành quả đầu tiên trong đời cầm máy khiến tôi chú trọng hơn đến ý nghĩ trở thành 1 nhiếp ảnh gia nhà nghề.

Tình trạng kinh tế của VN vào thời điểm những năm cuối thập niên 80 chưa có gì khả quan nếu không nói là tồi tệ. Đâu đó tôi đọc thống kê của các cơ quan như Lương Nông Quốc Tế hay Ngân Hàng Thế Giới thì VN vẫn bị liệt vào nước nghèo nhất thế giới. Lương cán bộ công nhân là lương chết đói và trong bối cảnh đó thiên hạ tìm những nguồn lợi phụ nhưng đôi khi lại lớn hơn gấp nhiều lần như tham nhũng hối lộ, như buôn lậu.

Hình như cả SG nói riêng và miền Nam nói chung thoi thóp được là nhờ những thùng quà và tiền từ ngoại quốc gửi về. Mọi thứ càng ngày càng khan hiếm sau hơn mười năm ngưng tiếng súng. Mọi thứ ngày xưa tìm đâu cũng có nay trở thành quý hiếm. Thuốc và giấy rửa hình là thí dụ. Nó biến mất nhưng chỉ là bề mặt, nếu có móc nối, có tuy-ô thì vẫn tìm ra nhưng rất đắt.

Trong cái mơ mộng trở thành nhiếp ảnh gia nhà nghề, tôi cố trang bị thêm 1 ống kính 105 mm, 1 ống kính Wide-angle và cũng lập được 1 phòng tối đã chiến tạm dùng đủ. Điều may mắn là các hãng ngoại quốc - trừ Mỹ vì vẫn còn cấm vận - đang mon men nhảy vào khai thác thị trường VN. Họ vào là để hành sử theo đúng kinh tế thị trường là phải quảng cáo, giới thiệu món hàng trước. 1 trong những đòn họ tung ra là bảo trợ các cuộc thi. Đủ mọi hình thái từ thể thao đến hội họa, từ văn chương đến nhiếp ảnh. Tôi dự tất cả những cuộc thi ảnh và như lần nào cũng hoặc chiếm giải hoặc ảnh được trưng bày. Điều may mắn hơn là những báo Tuổi Trẻ, Lao động đều đăng ảnh của Mai Uyên.

Khi Sở Du Lịch đưa ra kế hoạch quảng cáo du lịch, họ cần 1 nhiếp ảnh và theo như sau này tôi nghe thuật lại thì người phó giám đốc đã nhớ đến tên tôi vì đọc báo Tuổi Trẻ

Khi Sở Du Lịch muốn tuyển nhiếp ảnh gia Mai Uyên, nhưng khi biết rõ tôi là sĩ quan Ngụy bị bắt tại chiến trường, bị tù dài dài và nhất là gia đình bố mẹ anh em đều ở Mỹ thì "*coi bộ căng lắm*". Tôi khai có vợ cũng đang làm công nhân viên cho Sở Du Lịch thì mọi sự "*bớt căng*" đi 1 chút. Cuối cùng họ đồng ý muốn tôi theo từng kế hoạch, có nghĩa giản dị khi nào cần thì gọi. Tôi cũng thích như vậy hơn vì được rộng rãi, không phải trói buộc với thủ tục hành chính lính kinh, không phải chung đụng hàng ngày với công nhân viên cán bộ nhà nước và nhất là không phải đối phó với những tranh quyền đoạt lợi ở sở.

*Khi tôi được biết là sẽ chịu trách nhiệm "bố trí 1 đội ngũ" nhiếp ảnh gia "có tay nghề cao và vững" để đi chụp thắng cảnh từ Nam ra Bắc, tôi thực sự xúc động bồi hồi dù viễn ảnh phải xa vợ con cả tháng có làm tôi thực sự băn khoăn. Nhưng cái ước mơ tự thừa thiếu thời nay bừng dậy trong tôi. Tôi ước mơ được thấy Hồ Ba Bể, Chùa Tây Phương. Tôi sẵn sàng đánh đổi mọi thứ để được xuống Thái Bình, Cà mau để nhìn những rặng dừa nước, cánh đồng Nọc Nạn,*

thăm Thất Sơn. Rồi còn Đèo Cả, Đèo Ngang. Rồi còn những cái tên tôi nghe từ thửa lọt lòng như núi Ba Vì, như Cha Pa.

Phải chăng khi tôi quyết định lập gia đình với Thu và vun vén cái tiểu gia đình mà tôi coi như mạng sống của mình, phải chăng khi lờ đi cái viễn ảnh Mỹ, còn có 1 lý do thầm kín khác ngấm ngầm trong tôi? Tôi yêu đất nước và tôi muốn đặt chân lên mọi nẻo đường Nam Bắc, tôi muốn thực sự nhìn thấy quê hương và đó là 1 trong những lý do khiến tôi không để ý gì đến vụ bảo lãnh? Tôi tâm sự với Thu điều này. Thu dịu dàng:- Anh phải nhận đừng để lỡ cơ hội. Đừng lo cho em và các con vì ông ngoại bà ngoại và cậu dì ở trong nhà. Không phải lúc nào anh cũng có dịp đi 1 vòng Nam Bắc đâu. Nhớ là phải viết Nhật ký để em đọc và đứng mê gái HN là được.

Kế hoạch của Sở Du Lịch rất rõ ràng. Ảnh do đoàn công tác chụp sẽ được đem triển lãm ở các QG khác trong nỗ lực quảng cáo nét đẹp của VN để giúp phát triển du lịch.

Tôi đề nghị và được chấp thuận danh sách có các tay nhiếp ảnh hạng nhất của VN: Cao Đàm, Đào Hoa Nữ, và hai người con của Cao Đàm là những người đang được chú ý như những ngôi sao của thế hệ đang lên.

Tôi đã chìm mình trong sương mù Cha Pa, đã ngẩn người nhìn tượng La Hán trong Chùa Tây Phương, đã chua xót nhìn Lăng Khải Định với kiến trúc ngô nghê, đã dầm mình trong Thác Bản Dốc. Núi cao trùng điệp, sông dài mênh mông của đất nước từ Nam ra Bắc khiến tôi thực sự khám phá ra mối liên hệ giữa người và thiên nhiên, giữa 1 cá nhân và dân tộc.

Chính nhờ cơ hội này mà tôi được nghe và đến tận nơi những địa danh như Cù Mông, Thạch Hãn, Cổ Loa, Đèo Ngang, Đèo Cả.. Làm sao tôi kể hết ra được những nổi xúc động khi đối diện với âm vang dội lại của cả 1 quá trình lịch sử dân tộc.

Đất nước mình đẹp quá. Lịch sử dân tộc có 1 bề dày với lịch sử Hán tộc. Dân mình hiền lành thông minh và cần cù.

Tôi không thể nào kể hết được những tình cảm dấy lên trong tôi ở mỗi nơi, từ cái giếng đến đến những cảnh chùa, nơi đâu cũng đều mang chứng tích của lịch sử.

Lớp sóng phé hưng đã phủ lên những danh tích như từ những mảnh vụn của đời sống, của cảnh vật, đâu đó tôi vẫn lờ mờ nhận ra gốc rễ của mình.

Thành Cổ Loa đã không còn nữa nhưng thật khó ngăn nổi những bồi hồi khi cầm trên tay mũi tên bằng sắt nay đã gỉ, lớp hoen ăn sâu vào trong và mũi không còn sắc như xưa. Câu chuyện Thần Kim Qui và chiếc Nỏ Thần chắc chỉ là huyền thoại nhưng chắc chắn đạo quân An Dương Vương đã trang bị cung tên rất hùng hậu mới chống trả được Triệu Đà. Tôi đã tần ngần khi thấy 1 rổ lớn những mũi tên được thu lượm. Nó là chứng tích của lịch sử. Lòng trong đó là truyện tình đắm nước mắt Trọng Thủy My Châu. Nước trong cái giếng sâu thăm thẳm đó có thật sự rửa sáng những viên ngọc trai chẳng? Tôi ngờ là không nhưng khi đứng nhìn vào lòng giếng, ít ai cảm nổi xúc động.

Rồi còn trụ đồng Mã Viện. Nó tượng trưng cho sức đề kháng của dân Nam trước áp lực Bắc phương. Mã Viện đã là thủ phạm vụ tịch thu trống đồng đem về Tàu nấu chảy đúc tiền và làm trụ đồng để yểm dân Nam. Không còn dấu tích trong cái vụ với lời yểm "*Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt*" nhưng họa Bắc Phương vẫn còn đó. Thác Bản Dốc đẹp vô cùng, đúng là 1 địa điểm du lịch đầy hấp dẫn. Tôi đã chụp rất nhiều ảnh nơi đây.

Tôi cũng đã trở lại HN của thời thơ ấu. Suốt mấy ngày 1 nỗi buồn day dứt ẩn hiện không lúc nào nguôi. Người dân HN của 1954 nay đâu mất. HN vẫn là thủ đô nhưng không còn vẻ thanh lịch ba sáu phố phường của Thăng Long. Nay là những lời nói sỗ sàng, là thái độ sẵn sàng ăn thua đủ, là những sống sượng đến phát lợm giọng. Nhà cửa vẫn tiêu điều dù tiếng súng đã ngưng trên 1 chục năm. Những mái ngói thấp lụp sụp xiêu lệch. Những mảng tường long lở và những cánh cửa gỗ mở ra, phía trong tối om. Lòng mong mỏi, nỗi háo hức của tôi khi vượt cầu Long Biên đã nhường cho nỗi ngán ngẩm của thực tế.

Nếp sống Bắc Nam thật khác. Khi tôi chụp hình 1 bà già ngồi ăn xin ở cổng chùa Thầy, lạp tức 2,3 viên CA ập đến.

- Anh định bêu xấu XHCN hay sao mà chụp ăn mày?

Họ đòi dẫn tôi vào trụ sở CA, đòi tịch thu phim và cả máy hình. Tôi cố giảng giải cho họ cái khía cạnh đẹp khi sự việc được lọc qua ống kính, họ mắng tôi là ngụy biện. Cùng đi để canh chừng và giám sát tôi có viên Phó Giám Đốc Sở Du Lịch và ông này chắc chắn là CA cỡ bự, ông ta xuất trình giấy tờ đủ thứ họ mới tha cho tôi. Khi ở Rạch Giá, tôi chụp cảnh mấy đứa nhỏ gầy guộc xanh xao đang tắm trong 1 vũng nước thì chẳng ai để ý và viên CA áo vàng còn cười:- Chụp làm chi mấy đứa nhỏ ở trường?

Đây cũng là 1 cơ hội lớn cho tôi vì cũng được cầm máy với hai nhiếp ảnh gia dày tay nghề là Cao Đàm và Đào Hoa Nữ. Từ họ, tôi học được rất nhiều về nhiếp ảnh. Nhưng có lẽ lời khuyên lớn nhất của ông Đàm "*Ống kính là vật vô hồn. Mình có để hồn mình vô đó thì mới có tấm ảnh đẹp, mới đem lại sức sống cho ảnh, tránh nhàm chán, lập lại. Muốn thế phải mở to con mắt ra nhìn sao cho tìm được nét riêng do mình tạo ra.*"

Toàn bộ tập ảnh được Sở Du Lịch in ra và đem đi triển lãm ở nhiều nơi để giới thiệu du lịch. Tôi thực sự không hiểu là ở những đâu vì đó không phải là điều đáng để ý. Điều đáng quý nhất là tôi đã được đi, được nhìn và cá nhân tôi, tôi cũng đã giữ được

Tôi thực sự không hiểu là ở những đâu vì đó không phải là điều đáng để ý. Điều đáng quý nhất là tôi đã được đi, được nhìn và cá nhân tôi, tôi cũng đã giữ được 1 bộ ảnh khá đồ sộ. Tôi bảo Thu khi hai đứa ngồi nhìn ảnh:

- Đây là tài sản quý nhất anh để lại cho em và các con.

*"Bây giờ con đã có gia đình, đã có con cái nên con sẽ thông cảm với bố mẹ nhiều hơn. Mẹ vẫn cần nhân bố từ bao nhiêu năm qua vì đã không nỗ lực vận động xin xỏ để con đi cùng gia đình hồi 64. Bố cũng đã suy nghĩ rất nhiều và đã có nhiều đêm không ngủ vì câu hỏi đặt ra. Liệu cái quyết định để con lại VN hồi đó có thuận lý hay chẳng? Bây giờ sau bao nhiêu năm trôi, cái quyết định vào lúc này không phải là ở bố mẹ nữa mà là của chính con - đúng ra phải nói là của vợ chồng con. Bố chỉ muốn con chiêm nghiệm cái tình phụ tử của con đối với hai đứa cháu nội của bố. Lòng yêu thương của cha mẹ đối với con cái khó có thể đo lường so sánh được. Cái day dứt từ bao năm qua vẫn còn nguyên nơi bố mẹ. Bố chỉ mong con vì bố mẹ và hơn nữa vì tương lai của hai đứa nhỏ, sớm lo thủ tục để có thể nhập cảnh HK. Bố mẹ đã làm hết sức. Ông Sam Grave cũng làm hết sức. Theo chỗ bố hiểu, Sở Di Trú Mỹ đã chấp nhận trường hợp của con.."*

Ít khi bố tôi viết thư và nếu có thì cũng chỉ vài hàng ngắn. Đây là lần đầu ông cụ viết 1 lá thư dài "*tâm sự*" với tôi về chuyện xảy ra từ bao năm trước.

Thú thật ngay sau khi xảy ra vụ *vi thuộc tài nguyên QG, ở tuổi động viên*, tôi phải ở lại VN, tôi có cái kính bực dọc nhưng có lẽ vì còn trẻ quá, tôi quên đi rất nhanh. Đời đẹp quá, ở VN hay Mỹ có khác gì nhau? Tôi có mọi thứ ở đây. Bạn bè, gia đình chú dì, và Dung. Cuộc sống theo đó cuốn tôi theo vận mệnh của miền Nam. Cơn lốc dữ của dân tộc đã đẩy cá nhân tôi vào những vòng xoáy lớn khiến tôi không còn thì giờ ngoài cổ lại mà thương tiếc dĩ vãng hay suy nghĩ về 1 sự việc để đặt câu hỏi "*giá mà thế này, giá mà thế khác*"

Sau bao nhiêu biến đổi, nay tôi đã định lại được, đã có 1 gia đình nhỏ, đời sống vật chất chẳng thể hơn ai nhưng cũng không đến nỗi phải than phiền. Tôi có tình yêu thương tràn trề của người vợ lúc nào cũng cười vui, cũng chiều chuộng. Tôi có 1 đứa con gái rất xinh, 1 đứa con trai rất ngoan. Có nên đánh đổi cái an bình này để đi Mỹ, để bắt lại từ đầu?

Ngay khi tôi ra khỏi tù, điện tín của bố mẹ là 1 thông điệp rõ ràng. Mọi sự xếp sang 1 bên lo đi Mỹ càng sớm càng tốt. Tiếp theo đó, tôi nhận đủ thứ giấy tờ từ những tờ giấy của nhà băng bảo đảm bố mẹ tôi có đủ tiền lo cho tôi, thư can thiệp của Thượng Nghị Sĩ Mỹ với Sở Di Trú yêu cầu HK chấp nhận cho tôi được nhập cư, cho đến cả thư của ông Phó Tổng Thống Al Gore. Tôi biết ông bạn Sam Grave vẫn liên tục vận động cho tôi. Trong 1 thư, ông Sam viết: "*Những gì tôi được biết cho thấy ở VN hiện vẫn còn rất nhiều khó khăn, Tôi tin rằng HK sẽ cố gắng hiến cho anh nhiều cơ hội hơn. Anh hãy tìm cách để qua sống ở nước này vì tương lai của anh, của gia đình anh, và nhất là của hai đứa con. Tôi tin rằng nền giáo dục của HK sẽ giúp rất nhiều trong việc học hành của chúng nó..*"

Sau những đợt vượt biên, người dân VN nay nói đến HO, đến đoàn tụ gia đình. Tin tức từ bên ngoài cho thấy thuyền nhân nay bị xua đuổi, bị từ chối và cũng có rất nhiều tin nói có thể những người đang kẹt lại các trại tị nạn ở Thái Lan, ở Mã Lai, Nam Dương sẽ bị hồi hương. Và lại, vượt biên ngoài chuyện có thể bị bắt, bị tịch thu gia sản, sống bơ vơ cầu bơ cầu bắt, còn nạn hải tặc, nạn bị bão chết cả tàu, cả thuyền. Bây giờ là chuyện HO và đoàn tụ. Thiên hạ bàn tán đủ kiểu, theo dõi tin tức về vụ này và loan truyền về đủ mọi mảnh khoẻ, mưu mẹo, giấy tờ để có thể thuộc diện HO, diện con lai, diện đoàn tụ. Phải nói đó là cơn sốt của SG.

Vợ chồng tôi cũng nói chuyện nhiều về vụ đi Mỹ. Thu rất thẳng thắn bảo nàng sợ đi Mỹ. Bố mẹ anh em Thu đều ở SG. Cả đời nàng gắn bó với SG. Sang đó nàng sẽ vô cùng cô đơn. Nhưng Thu bảo tùy tôi, đi đâu nàng cũng đi đó, vợ chồng sống chết có nhau, vui cùng hưởng, hoạn nạn cùng chia.

Tôi vẫn cứ dự dự cho đến 1 hôm thấy đứa con trai đầu lòng hí hoáy vẽ. Tôi lẳng lặng đến phía sau cu cậu nhìn. Tôi giật bắn người. Con tôi đang vẽ hình ông HCM. Đứa nhỏ ngoái lại nhìn bố, cười toe: - Ba. Cô giáo bảo vẽ Bác, đứa nào vẽ đẹp nhất được thưởng kẹo.

Tôi cố dần xuống để con tôi không thất sự xúc động nơi tôi. Hình ảnh thiếu nhi khăn quàng đỏ "*ôm hôn Bác thăm thiết*" chợt hiện ra. Nếu con tôi cũng sẽ tôn thờ ông Hồ như nền giáo dục của chế độ cố uốn nắn thì sao? Tôi cố lấy giọng ngọt ngào bảo:

- Con vẽ hình ba đi, ba cho nhiều kẹo hơn cô giáo.

- Con phải vẽ hình bác chứ. Bác yêu nhi đồng lắm. Nhờ Bác mình mới thắng Pháp thắng Mỹ..

Tối hôm đó tôi kể lại cho Thu. Hai vợ chồng ngao ngán nhìn nhau. Hai đứa nhỏ sẽ ra sao nếu được nhồi sọ kiểu này? Quyết định đi Mỹ trở nên dứt khoát hoàn toàn.

\*

Khi tôi ôm hồ sơ vào để phòng vấn, mọi sự xảy ra êm xuôi, trừ 1 câu hỏi làm tôi suy nghĩ. Người Mỹ phỏng vấn tôi từ đầu vẫn nói chuyện qua 1 thông dịch viên dù ông ta biết tôi hiểu tiếng Mỹ. Khi xếp đóng giấy tờ linh kinh-mà có lẽ quan trọng nhất là cái giấy ra trại, cái bùa hộ mạng của dân HO - ông ta bỗng nói bằng tiếng Việt rất sôi: - Trường hợp của anh rõ rệt, lại có nhiều giấy tờ từ Mỹ bảo đảm, tại sao tới giờ anh mới lên gặp chúng tôi. Bộ anh không muốn đi Mỹ à?

- Tôi cũng không biết phải giải thích như thế nào nữa. Nhưng bỏ quê cha đất tổ ra đi thì cũng cần suy nghĩ cho chín.

Người phỏng vấn gật gù như học được 1 từ VN lạ tai:

- Suy nghĩ cho chín. Lần đầu tiên tôi nghe tiếng này.

- It's an important decision

- Indeed. It's important decision.

Khi gia đình tôi rời văn phòng ODP, tôi nhớ lại tòa nhà trắng cũ vẫn còn đó nhưng bỏ trống cho vợ khác với hai lần trước tôi đến. Lịch sử đã lật qua trang và đang có tin Mỹ sẽ ủi xấp cái bin-đình đồ sộ đó để xây lại. Nhưng đó là phần của Mỹ. Phần của VN thì sao? Nhất là phần đời của những người người dân khốn cùng, của những kẻ đã chịu mọi hậu quả của súng đạn. Sau cuộc chiến, chuyện đổi thay nhưng vẫn còn nằm trong chờ đợi.

Tối hôm đó, khi cả nhà đã ngủ yên, tôi lẳng lặng ra ngồi ở gốc cây mạn. Chung quanh yên tĩnh lạ thường. Tôi ngửi thấy mùi đất ẩm trộn lẫn trong lá cây đang ả trong vườn. Đất ẩm như đang dâng lên trong cái oi nắng còn lại sau 1 ngày mệt mỏi. Lòng tôi trống rỗng, như 1 hiểu vắng. Tôi không suy nghĩ được gì, ngồi đó nhìn vào cái mờ ảo của khu vườn lâu nay vẫn là nơi tôi lui về, trốn chạy trước những ồn ào của cuộc sống. Tôi biết chắc tôi sẽ mất cái khu vườn thương yêu này, nơi bố con tôi hay thông dong, hay cười đùa. Rồi còn lại những trái ổi, trái mạn ngọt ngào, trái khế chua dôn dốt. Rộng hơn nữa là SG, là VN. Nhưng tôi có muốn con tôi trở thành đối tượng của Đoàn, của Đảng? Tôi có muốn con tôi tôn thờ thần tượng HCM? Đồi chác nào cũng có giá trị của nó. Tôi ý thức rõ điều đó và bản khoả tự hỏi rồi mai một đây, trong quãng đời còn lại, liệu tôi sẽ giống như bố tôi, loay hoay suy nghĩ, tự dần vật về 1 quyết định liên quan đến con cái chẳng? Tôi không rõ và câu trả lời chắc chắn sẽ có trong tương lai, không phải của vợ chồng tôi mà có lẽ của hai đứa nhỏ.

Tôi quay vào nhìn con. Hai đứa nhỏ đã thiếp đi và lạy trời trong giấc ngủ chúng nó không mơ thấy Bác Hồ.

Suốt hơn ba tháng tôi không như còn là tôi nữa, lúc nào cũng thấp thỏm, lúc nào cũng đứng ngồi không yên. Mọi sinh hoạt cá nhân và gia đình đều quay quanh viễn ảnh sẽ rời khỏi VN. Tôi thăm hết người này đến người khác và điều đáng để ý nhất là mọi người đều chúc mừng tôi. Tôi không dám nói với ai về suy nghĩ của tôi vì có thể thiên hạ sẽ cho tôi là rờm, là làm bộ, hay hơn nữa là lên mặt đạo đức, yêu nước cái mẽ ngoài. Nhưng tại sao lại phải mừng rỡ khi rời quê hương bản quán, quê cha đất tổ. Cuộc đời tôi gần như gắn chặt với nhưng tang thương, những đen tối nhất trong lịch sử nhưng chính sự gắn bó lại khiến tôi day dứt. Đạo sau này lúc nào rảnh là tôi lại mò mẫm đọc lại lịch sử VN. Hồi bé tôi không có cơ hội để thực sự hiểu lịch sử dân tộc vì tôi được giáo dục trong 1 môi trường cách biệt với quảng đại quần chúng. Tôi nhớ và thương ông Mai Văn Khoa vô cùng bởi vì những gì ông nói với tôi về quá trình của dân tộc

mình trong những ngày ở Phước Long. Từ đó lòng mong mỏi tìm hiểu đã thôi thúc tôi. Tôi đọc đi đọc lại sách của cụ Trần Trọng Kim. Tôi thủ kỹ cuốn *VN Máu Lửa*. Tôi mê ông Đào Duy Anh. Tôi đọc gần như nát cuốn của ông Lê Văn Siêu và Nguyễn Đăng Thục. Điều mà tôi cảm nhận lớn nhất là lòng yêu nơi chôn nhau cắt rốn, là sự gắn bó với làng với nước. Tôi ngẫm nghĩ về bài đọc trong cuốn *Quốc Văn Giáo Khoa Thư*. Cái ông già đi khắp nơi để rồi cuối cùng về nói với con cháu:- Quê hương là chốn đẹp hơn cả.

Tôi đã quên hẳn Malraux, Gide hay những tác giả cổ điển như Molière hoặc tân thời sau này như Sagan. Tôi quay về với *Bướm Trắng*, với *Hồn Bướm Mơ Tiên*. Qua Tất Đền của Ngô Tất Tố, tôi thương chị Dậu hoặc bất cứ phụ nữ VN nào mà Chị Dậu là điển hình. 1 phần nào tôi hiểu cha tôi hơn qua Nguyễn Tuân, hiểu mẹ tôi qua Cô Mai trong *Nửa Chừng Xuân*. Tôi cũng yêu thơ của Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng và cả thơ của ông thầy triết học Nguyễn Sa.

Sách vở miền Nam đã bị thiêu hủy, bị đốt từ sau năm 1975 nhưng nhờ lòng yêu quý sách vở của 1 số đồng nên vẫn còn những cuốn được lưu truyền lên lút. Tôi đang ở trong trạng thái khám phá không những phía ngoài mà cả ở chính trong tôi qua văn học VN. Tôi tự nhủ tuy muộn nhưng chính từ sự muộn màng đó, tôi chiêm nghiệm được cái quá khứ nhỏ bé của tôi trong cái chúng lớn của dân mình. Đây có lẽ cũng là lý do khiến tôi chần chừ trong việc nộp đơn xin đi Mỹ.

Nhưng rồi cái gì đến phải đến. Chỉ còn ít lâu nữa tôi sẽ rời VN, 1 chọn lựa tưởng như dễ dàng nhưng khi xảy ra không khỏi có những day dứt dằn vặt.

Khi leo lên chiếc phi cơ ở Tân Sơn Nhất, tôi dắt Mai Uyên và nói nhỏ với nó:

- Mai một lớn lên con phải nhớ con là người VN.

Nó ngược mắt nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi bỗng thấy câu nói của tôi nửa có tính cách cải lương, nửa đối trá với chính mình nhưng tận cùng là nỗi chua xót ngậm ngùi.

Chuyến bay vất vả, chuyển từ Vọng các tới San Francisco rồi mới bay đi Hoa Thịnh Đốn. Vợ con tôi chờ đợi có lẽ vì mệt, vì mất ngủ, vì không quen với đồ ăn trên phi cơ và có thể cũng vì căng thẳng.

Nhưng ở phi trường National Airport là cả 1 hội ngộ rất lớn. Bố mẹ con cái ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Bố tôi già hơn xưa nhưng vẫn tráng kiện. Ông ôm tôi nói nhỏ:

- Cám ơn con đã đem vợ con con qua đây với bố mẹ.

Nghe như 1 lời tạ lỗi làm tôi sững sờ. Mẹ tôi miệng thì cười tươi nhưng hai mắt đẫm lệ, hai tay ôm hai cháu. Máy đưa em tôi quán lấy Thu hỏi thăm. Sam Graves đứng cao vượt lên và khi bắt tay, ông nói với tôi:

- Welcome. Welcome to America.

Tôi biết cái chân tình của Sam đối với tôi. Ông đã xông vào mọi cửa, liên lạc mọi nơi để vận động cho tôi được HK chấp nhận. Cảm động hơn nữa là ông đã bay lên tận Washington DC để đón tôi. Tình bằng hữu là 1 nối kết khi đã có thì mỗi ngày 1 thêm bền chặt.

Khi về đến nhà lại là 1 đại tiệc. Đồ ăn thức uống ê hề. Người ngạc nhiên nhất có lẽ là Thu vì đủ thứ mà nàng không ngờ như bún, chả giò, bánh tôm và cả cà cuống nữa. Cuối bữa, tôi thấy

Diệp nháy nháy mắt rồi đi ra vườn. Tôi theo cô em gái con chú đi ra. Hai anh em ngồi ở cái ghế gỗ. Diệp hỏi:

- Anh có muốn gặp Dung không? Em chưa dám nói cho Dung biết vụ anh lấy vợ cũng như anh sẽ qua đây.

Tôi trầm ngâm. Quả tình hình bóng Dung đã khuất hẳn trong cái quá khứ dồn dập của đời tôi. Tôi nhìn Diệp, cô bé ngày xưa nay đã lớn, có gia đình trông chừng chặc hẳn ra. Tôi thông thả: - Anh cảm ơn Diệp, nhưng thôi đừng nói gì nữa. Như vậy có lẽ tốt cho anh, tốt cho Dung. Mỗi đứa đều có gia đình, có đời sống phải lo. Let bygone be bygone.

Đêm ở Virginia dịu dàng. Thảm cỏ xanh như thẫm hơn trong bóng đêm mờ nhạt. Diệp cầm tay tôi bóp nhẹ:

- Tụi em hiểu anh và khi gặp nhau tụi em tránh không nói đến quá khứ. anh nói cũng phải. Mọi sự bây giờ khác, không như ngày xưa nữa. Em đồng ý với anh sẽ không nói năng gì. Let's bygones be bygones.

Diệp quay sang cười:- Chị Thu xinh lắm, lại hiền nữa. Mừng anh. Hai bác chắc vui lắm.

- Anh cũng mong hai bác vui và mong Thu được các em thương. Thu không quen ai ở đây cả, chỉ có gia đình mình. Thôi, mình vào với cả nhà đi.

Hai anh em thông thả đi vào nhà. Diệp bảo tôi:

- Virginia dễ thương lắm vì là đất của tình yêu. *Virginia is for lovers*. Anh với chị Thu đang là "lovers" thế nào cũng yêu nơi đây, nhất là mùa thu.

Như tất cả những người HO khác, cuộc sống gia đình tôi là bỡ ngỡ, là hoang mang. Xã hội Mỹ xa lạ, cái gì cũng phải học, phải mò mẫm. Tôi may mắn chỉ hai tuần lễ sau đã kiếm được việc làm tại tiệm hình CPI trong khu thương xá tập nập tại Tyson Corners nhờ những kiến thức trong phòng tối.

Hai đứa nhỏ thích hợp nhanh, có lẽ vì đầu óc còn trong trắng. Vợ tôi sau nhiều cuộc thảo luận của đại gia đình đã cấp sách trở lại trường. Cái bức xúc của đời sống mới khiến tôi không có thì giờ thừa như ở VN. Tất cả như 1 cuộc chạy đua, chung quanh tôi đời sống quay cuồng. Sam Graves theo tôi từng chút, luôn luôn khuyến khích tôi vượt mọi khó khăn, nhưng lần nào nói chuyện, cái nhức nhối VN vẫn là đề tài chính. Khoảng hơn 1 năm khi đặt chân đến Mỹ, tôi đi xa lần đầu- xuống tận Indiana để như lời Sam nói, gặp gỡ gia đình anh, bởi những gì anh nói với vợ con về tôi khiến tôi trở thành 1 ám ảnh "*ai cũng muốn gặp Tr/u Dũng*". Sam còn hứa là đến Indiana, anh sẽ dành cho tôi 1 ngạc nhiên lớn.

Nước Mỹ mênh mông nhưng 1 khía cạnh nào đó, tôi không thấy chênh lệch giữa chỗ này chỗ khác. Khi từ SG xuống Cà Mau hay ra ngược Thanh Hóa, cảnh trí, thiên nhiên và ngay cả người dân khác biệt nhau rõ rệt như đập vào mắt không chối cãi được. Nhưng tôi không có cái cảm giác đó ở xứ Mỹ. Đâu cũng thế. Hay tại tôi vẫn chỉ là kẻ đứng bên lề, 1 công dân hạng hai ba, 1 HO lóngó?

Khi bước vào nhà ông cụu cổ vấn Mỹ thì tôi thực tình xúc động. Lá cờ mặt trận GP với những vệt máu khô được đóng khung treo giữa phòng khách. Đúng là 1 ngạc nhiên lớn. Sam nói với tôi: - Lúc chia tay ở bệnh viện Cộng Hòa, anh đưa tôi lá cờ này. Tôi treo nó ngay ở chỗ trang



trọng nhất trong nhà và tôi đã kể lại sự tích của nó cho mọi người hay. Hễ nhìn thấy lá cờ là tôi nghĩ ngay đến VN, đến Phước Long và Phước Lộc..

Tôi nghĩ người nhìn lá cờ và lòng bùng trong lỗ tai là tiếng bom, tiếng đạn, trong trí tôi là cảnh người dân gồng gánh chạy loạn, cảnh máu đỏ, thịt rơi. Cái quá vắng chiến tranh sau hơn 1 thập niên vẫn còn nguyên đó, tươi roi rói trong tôi. Tôi còn nhìn thấy nó ngay cả ở Sam và ngay giữa xã hội Mỹ thanh bình.

Những lần lái xe đi làm, những buổi trưa hè êm dịu, tôi thấy những người Mỹ lui cui cất cỏ, dọn dẹp garage thành thói tự tại. Những bãi cỏ xanh ngắt, những đứa bé hớn hờ cầm vòi xịt nước cười đùa như nắc nẻ làm tôi lại nhớ đến những vô lý của cuộc sống. Những người Mỹ vô tư đó, những gia đình HK coi thể thao là mối quan tâm hơn cả, bàn chuyện ciné hoặc thời trang hàng ngày, bỗng đâu phải lo lắng, quan tâm đến 1 người thân ở tận xó xỉnh xa xôi như VN với cái chết luẩn quẩn trong suy nghĩ. Nếu là tôi thì liệu tôi có phản chiến, có chống đối chiến tranh chăng? Nhất là cuộc chiến đó xa lạ, và có vẻ như không lối thoát? Cái gì đã khiến những thanh niên Mỹ như Sam Graves cầm súng bên tôi ở VN?

Tất nhiên đã có những danh từ đẹp để tôi từng được nghe nhiều lần để biện minh cho cuộc chiến từ ở cả phía bên này lẫn bên kia. Bên này là Tiền Đồn của Thế Giới Tự Do, bên kia là Mũi Xung Kích. Bên này là tự do khai phóng nhân quyền, bên kia là GP, là tiến tới thế giới đại đồng, là vô giai cấp. Giữa đó là hai cực quyền lực và đằng sau đó là quyền lợi của phe nhóm. Những suy nghĩ đó bao giờ cũng đưa đến những kết luận chua chát. Chỉ khi vượt ra, ngoảnh lại mới thấy sự phi lý tột cùng của chiến tranh và thương cho dân mình.

Lá cờ MTGP treo ở phòng khách của ông Đại Tá S.Graves nay chỉ là dấu tích của 1 lừa dối. Nó bị xé tan ngay khi HN đạt được mục tiêu. Nó chỉ là giai đoạn và tôi đã bỏ cả mạng sống mình để chiếm lấy nó, và Sam thì quý nó như 1 bảo vật. Tôi chưa xót nhìn những vệt máu khô có chỗ đã mờ nhưng có những vệt còn thẫm màu lốm đốm.

Nhưng giữa cảnh đạn bom có những bông hoa đã nở và cái tình bạn của Sam Graves với tôi là bông hoa đẹp nhất trong đời. Mẹ anh, vợ con anh đối đãi với vợ chồng tôi thân thiết, cởi mở và luôn luôn nhắc tôi và Thu "*feel at home*" - coi nhau như người nhà.

S.Graves nay đã lên tới chức Đại tá trong Lữ Đoàn Yểm Trợ 88, nhưng Sam không bao giờ cư xử với tôi như 1 Đại tá. Sam luôn luôn gọi tôi là Tr/u Dũng - bằng tiếng Việt hẳn hoi. Những năm tháng tham chiến ở VN là niềm hãnh diện lớn của 1 quân nhân Mỹ và là kho tàng bất tận để kể lại cho người chung quanh. Đủ thứ, từ món ăn cho đến muối nhiệt đới, từ các trận đánh cho đến các phong tục lạ lẫm. Sam nhớ rất nhiều và nhớ chính xác những chi tiết mà tôi đã quên mất từ lâu. Sam nhắc đến những đồng đội của tôi như Đ/u Cảnh, như Ch/u Sao. Ủ nhỉ, thế ông Đ/u đẹp trai của tôi với ca sĩ Thanh Tuyền có thoát được không? Còn ông Ch/u Sao người gốc Miên của Phước Long, ông ta sống hay chết, có phải đi học tập không?

Tan tác đã nhiều. Cuộc sống của mỗi chúng tôi đã bị dập vùi, đã bị cuốn trôi theo những dòng chảy khác nhau. Hơn 1 thập niên sau cuộc chiến, chúng tôi vẫn chưa có dịp nhìn lại nhau, có dịp ôn lại các quá khứ súng đạn và tình chiến hữu, thậm chí còn không biết gì về số phận của nhau. Ngồi trong căn nhà êm ả rộng rãi ở Indiana, tôi quặn lòng nhớ bạn, nhớ đồng đội. Đầu óc tôi lơ mơ, bỗng bèn như trôi dạt trong khoảng ký ức mênh mông.

Hơn 1 tuần lễ ở Indiana, tôi tưởng tôi có thể cùng Thu trốn được cuộc sống quay cuồng, vội vã, làm việc không ngơi nghỉ của sinh hoạt cơm áo hàng ngày, những câu chuyện với ông cựu

cố vấn và những người Mỹ mới quen đẩy tôi ngược về với những cái mà tôi cố né tránh từ lâu. Đến lúc nào thì chiến tranh, bom đạn thôi ám ảnh tôi?

Đời sống gia đình tôi mỗi ngày 1 ổn định. Thu sau những cố gắng miệt mài đã hoàn tất chương trình bốn năm tại đại học George Mason và kiếm được việc làm trong 1 công ty tài chính. Hai đứa nhỏ càng ngày càng lớn cũng đã hoàn tất chương trình trung học. Phần tôi, công việc đã đưa đẩy từ chỗ này đến chỗ khác nhưng vẫn là công việc trong nghề nhiếp ảnh. Đây là điều mà tôi thấy lạ. Tuổi thanh xuân của tôi đã cống hiến cho chiến tranh và khi đến đất Mỹ với hai bàn tay trắng, tôi đối phó với cuộc sống mới không nghề ngỗng hay như kiểu Mỹ vẫn thường bảo: "*no skill*". Nỗi đam mê nhiếp ảnh và cái kiến thức tự mò mẫm của 1 nhiếp ảnh gia tài tử đã giúp tôi kiếm được miếng cơm manh áo. Kỹ thuật phòng tối của tôi ở VN là kỹ thuật sơ đẳng, cở lỏ. Tôi đã phải vừa làm vừa học, học nhiều hơn cả làm, học ở sách, ở sờ, ở bạn bè. Trong nỗ lực tìm tòi đó, tôi gặp thêm rất nhiều bạn bè cùng sở thích để rồi chúng tôi cùng nhau sinh hoạt hàng tuần. Đi chụp hình cùng nhau vào những ngày nghỉ. Thảo luận với nhau về cách áp dụng computer trong phòng tối. Những sinh hoạt đó đẩy đến quyết định cùng nhau lập Hội Nhiếp Ảnh VN vùng Hoa Thịnh Đốn. Chúng tôi mở lớp dạy các em nhỏ và cả những người lớn muốn cầm máy. Đây là 1 niềm vui vì hội hoàn toàn bất vụ lợi, và mọi người hăng say xây dựng 1 tập hợp nhỏ những người có cùng sở thích, cùng giúp đỡ nhau học hỏi. Đất Mỹ là đất của cơ hội. Câu này đúng với tôi trong cái nghĩa chật hẹp nhất. Tôi đã tìm lại được quân bình trong đời sống như 1 người bình thường nhất. Hiện nay tôi đã có 1 căn nhà nhỏ, ngày ngày đi làm, tối về lo kềm hai đứa nhỏ, coi tivi hoặc nhâm nhi lon bia. 1 cuộc sống giản dị, bình thường nhưng là mơ ước không với tới trong đời tôi kể từ ngày vào quân trường Thủ Đức cho đến ngày ra khỏi trại tù cải tạo. Xem ra cái hạnh phúc nhỏ nhoi bình thường đó không dễ dàng gì đạt đến. Ít ra thì ở nước Mỹ ngày nay tôi cũng có cái yên tâm rằng hạnh phúc tôi đang có là của tôi, của gia đình tôi và không ai có toan tính hoặc âm mưu gì cướp đoạt nó đi.

Khi ông Sam Graves gọi cho tôi hay rằng ông sẽ về hưu và ngỏ ý mời tôi đến dự lễ "*rửa tay gác súng*" tôi hoan hỉ nhận lời, nhất là khi ông lại bảo sẽ dành cho tôi 1 ngạc nhiên lớn. Với Sam, lúc nào cũng vậy, không bao giờ cho biết chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng ông cũng cẩn thận dặn tôi ăn mặc cho nghiêm chỉnh và nên soạn sẵn 1 bài ngắn ngắn để đọc trong buổi lễ. Hiện ông ta đang giữ chức Đại tá Chỉ Huy Phó Liên Đoàn Yểm Trợ 88 nên hay lên họp ở Ngũ Giác Đài và lần nào cũng vậy, hai đứa đều hẹn nhau đi ăn cơm và hàn huyên. Sam cho hay sau thời quân ngũ, ông sẽ dành hết thì giờ vào nghề phát thanh, nghề radio, 1 đam mê từ khi còn nhỏ. Ông tỏ ra rất hào hứng khi trút bỏ được bộ quân phục để lao vào cái ước mơ của thời thanh xuân.

Trời tháng hai ở Indiana không lạnh lắm và buổi lễ diễn ra ngay trong doanh trại Liên Đoàn Yểm Trợ 88 thật vô cùng long trọng. Lâu lắm rồi tôi mới có dịp sống lại không khí nhà binh, đấm mình trong những bản quân hành. Các lễ nghi quân cách được cử hành vô cùng long trọng với các quân nhân mặc lễ phục. Tôi không nhớ có bao nhiêu vị tướng có mặt trên lễ đài trong buổi lễ giải ngũ của Đại tá Sam Graves, bởi tôi còn nhầm đi, nhầm lại bài nói chuyện bằng tiếng Anh đã thủ sẵn trong túi áo. Các diễn giả lên tiếng đều là người vai vế từ Đề Đốc, Trung Tướng đến các vị chức sắc. Họ nói về quá trình binh nghiệp của Đại tá Graves, về khả năng lãnh đạo chỉ huy, về thành tích trong quân ngũ, tựu trung đều là những lời ca ngợi vị đại tá về hưu này. Tôi thật sự băn khoăn. Phải thú thật tôi hơi run khi nghĩ mình bước lên bục diễn đàn để nói trước cả ngàn người trong cái không khí nghiêm trang như thế này. Nhưng thật may, không ai mời tôi lên và tôi bảo Thu: - May quá, họ không bắt anh lên. Chắc ông Sam thấy để 1 anh Mít nhà quê lên đọc diễn văn trong khung cảnh này không hợp tí nào."

Thu gục gặc bảo tôi:- May cho anh đó.

Sau lễ nghi quân cách mọi người tụ lại trong những lều lớn bày đủ thứ bánh trái, nước uống. Ai nấy như quen nhau từ lâu, cười nói rộn ràng. Vợ chồng tôi là người ngoại quốc duy nhất lạc vào thế giới này và có lẽ vì là "cửa lạ" ai nấy đều gật đầu chào, nhất là ông Sam thì luôn giới thiệu "Tr/u Dũng" với tất cả nhiệt tình.

Tôi hiểu là buổi tối sẽ có 1 dạ tiệc nữa, nhưng thực sự cũng thấy việc không phải bước lên diễn đàn như trút được gánh nặng nên hoan hỉ đi dự tiệc. Trước khi đi, bà vợ Sam bảo tôi rằng buổi tối mới vui. Vợ chồng tôi cũng nghĩ vậy vì cho rằng đây là bữa tiệc nhỏ chia tay thân mật đối với 1 cấp chỉ huy về hưu.

Nhưng bữa tiệc không nhỏ chút nào. Hội trường rộng mênh mông với những chiếc bàn phủ khăn trắng trên bày đĩa, muống, tách ly, ly bóng lộn và rất nhiều hoa. Những sĩ quan trẻ mặc đại lễ đeo găng tay trắng đứng từ cửa vào tiếp tân. Họ ân cần hỏi tên họ và dẫn từng vị khách vào bàn. Mỗi sĩ quan đều cầm 1 quyển sổ ghi tên từng vị khách và khi vợ chồng tôi được tiếp, họ lật sổ. Không thấy tên Đỗ Lệnh Dũng. Vợ chồng tôi đứng sượng trân trong khi mẹ và cả gia đình Sam Graves đứng quanh tôi lúng túng không biết chuyện gì xảy ra. Có thể lắm chứ. Đại tá Sam Graves vì quá bận bịu lo tổ chức buổi lễ đã quên bém, không ghi tên vợ chồng bạn Tr/u Đỗ Lệnh Dũng. Những viên sĩ quan tự chạy lảng xãng hỏi han nhau về ông bà khách Mít dấm dớ, còn vợ chồng tôi lóng ngóng không biết xử sự ra sao. Giữa lúc đó, 1 viên Tr/u tiến tới lịch sự:

- Xin Tr/u và phu nhân theo tôi tới bàn đặc biệt.

Giọng nói của viên sĩ quan đầy vẻ nghiêm trang và hơi có quá phần trọng vọng. Tôi nhẹ cả người dắt Thu đi theo. Khi đến gần tôi đâm hoảng. Hai bàn đặc biệt phủ khăn đỏ nổi bật ngay sát khán đài, đã có dăm ba người đang ngồi. Người Tr/u giơ tay chỉ chỗ bên bàn phía phải. Tất cả khách đều đứng dậy chào đón vợ chồng tôi và ai nấy đều biết tôi là Tr/u Dũng. Tôi lịch sự bắt tay, xưng tên với họ và liếc nhìn. Đa số là Đại tá. Vừa yên chỗ thì có tiếng hô lớn và nhạc quân hành cử lên để tiếp 1 vị Tướng khác. Các vị Tướng huy chương đầy ngực đều tiến về hai chiếc bàn đỏ, dành cho khách danh dự. Đến giờ này tôi đã hiểu sự ngạc nhiên Sam hứa dành cho tôi. Vợ chồng tôi là 1 trong số khách danh dự của buổi tiệc.

Suốt đời lính tôi đã trông thấy nhiều vị tướng như các ông Lý Tông Bá hay cả Đại Tướng Trần Thiện Khiêm. Nhưng chỉ là trông thấy từ xa trong các lễ lạc và thường tôi phải ôm súng đứng nghiêng ngó cổ mà ngó. Nhưng hôm nay, giữa đất Mỹ, tôi bỗng ngồi ngang hàng với Đề Đốc, với Thiếu Tướng, Trung tướng Mỹ thì quả là 1 vinh dự lớn. Ngồi ngay sát tôi là Trung tướng Wayne M. Erch, Chỉ huy Trưởng đơn vị Yểm Trợ 88. Ông ân cần thăm hỏi tôi về VN, về đời sống hiện nay. Đại Tá Sam Graves là phụ tá cho ông nên chắc ông đã có dịp nghe Sam kể về chiến tranh VN và mối liên hệ giữa chúng tôi. Ông bảo:

- Tôi được nghe về trận Đồng Xoài và những hành động đầy dũng cảm của người lính VN.

Hình như ai ở bàn cũng muốn nghe chuyện về tôi, chuyện đi trên con đường mòn HCM và bỗng nhiên tôi trở thành đề tài của mọi câu chuyện trong bàn. Rồi buổi tiệc cũng bắt đầu với chủ đề tuyền dương những anh hùng Mỹ Quốc.

Khởi đầu là Tướng William Sherman của khóa West Point 1838. Vị tướng này đã lừng danh trong cuộc Nội Chiến HK, nhưng nơi đây mọi người tụ lại để nhớ đến 1 đức tính vô cùng tiêu biểu cho 1 quân nhân nơi ông. Tướng Sherman rời chức vụ quân ngũ và đứng ra lao vào ngành ngân hàng Ông đã đầu tư tổng cộng 130 ngàn Mỹ kim của các bạn đồng đội và như lời vị tướng đã quá vắng này viết cho vợ: "*West Point chắc chắn không thể đào tạo được những*

*nhà nông nghiệp, những chuyên viên ngân hàng hay những nhà buôn giỏi."* Ông đã thất bại, khoản đầu tư 130 ngàn ra mây khói. Nhưng ông đã cố gắng hoàn lại cho toàn thể các bạn đồng đội số tiền mà họ gửi gắm ông. Bản tuyên dương được đọc nói rõ chính vì hành vi này ông và gia đình đã khấn tận, nhưng hành vi giữ chữ tín xứng đáng khiến tướng Sherman được vinh danh là Anh Hùng Mỹ Quốc.

Người thứ nhì là trung sĩ Samnel Graves Jr. Trung sĩ Samnel Graves phục vụ trong QĐ thời đệ nhị thế chiến, bị bắt làm tù binh. Khi sắp bị lính Đức Quốc Xã hành hình thì "*như 1 cơ may do lời nguyện cầu Thượng Đế*" ông được thả và dẫn đi tới trại tù. Ông sống lây lất khổ cực và khi được QĐ đồng minh cứu thoát, ông sụt 100 pounds. Với lòng tin và lời hứa khi suýt bị bắn, cố Trung sĩ Samnel Graves Jr. khi giải ngũ đã trở thành mục sư và cống hiến trọn đời cho Thượng Đế. Với hành vi này ông được vinh danh là Anh Hùng Mỹ Quốc.

Hai người vừa kể nay đã quá vắng. Hai người nữa đều là cựu chiến binh Mỹ phục vụ tại VN. Đại tá James Saboc khi phục vụ ở VN mới chỉ là Tr/u. Trong 1 cuộc hành quân tại ĐBSCL, trung đội của ông có nhiệm vụ phục kích đêm và đụng lớn với 1 đơn vị CS quân số trội hẳn với hỏa lực M 79 và rất nhiều AK 47. Cuộc chạm súng trong đêm khiến tám người trong Trung đội bị thương. Nhờ lòng can đảm bình tĩnh, đơn vị do ông chỉ huy đã đẩy lui đơn vị địch. Tr/u James Saboc đã được tưởng thưởng Anh Dũng Bội Tinh Ngôi Sao Đồng và nhânh Dương Liễu. Chính vì những thành tích tham dự cuộc chiến tại VN, hôm nay ông được tuyên dương là Anh Hùng Mỹ Quốc.

Kế tiếp là chuyện của Tr/u Vic Bandini. Ông là phi công trực thăng phục vụ LLDB. Trong 1 phi vụ cứu các toán nhảy ở biên giới Lào, phi cơ của ông trúng phòng không địch những 2 lần, nhưng do bình tĩnh, ông đã cứu được 4 trong 10 binh sĩ nhảy toán và trở về căn cứ an toàn. Khi vừa đáp xuống hậu cứ, 1 vị Tướng của TQLC chờ sẵn với rất nhiều huy chương. Tr/u Vic kể lại:

- Tôi được gán Ngôi Sao Bạc. Vậy đó, không giấy tờ chính thức, không có gì ghi trong quân bạ. Bởi vì trên thực tế chính phủ Mỹ không bao giờ công khai nhận đã gửi những toán đặc biệt nhảy xuống đất Lào.

Chính vì phi vụ sống chết này, hôm nay Tr/u Vic Bandini được vinh danh là Anh Hùng Nước Mỹ.

Tôi ngồi đó vừa nhâm nhi ly bia, vừa nghe những bản tuyên dương lòng thanh thản cho đến khi 1 vị sĩ quan trẻ trong ban tiếp tân nói khẽ với tôi:

- Tr/u sửa soạn để lên diễn đàn.

Tôi đó người ra, sờ vội trong túi. May quá vẫn còn đem theo bài nói chuyện đã thủ sẵn. Nhưng tôi khựng lại khi ông bạn Sam lên tiếng: - Chúng ta hãy cùng đứng dậy chào đón 1 vị anh hùng của nước Mỹ, Tr/u Đỗ Lệnh Dũng.

Mọi người nhất loạt vỗ tay và tôi mặt đỏ tía tai, lúng túng đứng dậy cúi chào.

1 sĩ quan lên đọc 1 bản diễn văn khá dài về trận Đồng Xoài và sau đó là cảnh tôi bị tù đầy.

Tôi nghe, vừa cảm động, vừa ngượng trước những danh từ đầy hoa mỹ. Cuối bản đọc có ghi "*Những hành vi vô vị lợi, sẵn sàng đem mang sống của mình ra bảo vệ đất nước VN, Tr/u Đỗ*

*Lệnh Dũng đã nêu cao truyền thống bất khuất của quân lực VNCH và cũng là của QĐ HK. Chính vì vậy, nay tuyên dương Tr/u Đổ Lệnh Dũng là Anh Hùng MỹQuốc."*

Giữa những tràng vỗ tay, tôi bước lên diễn đàn. Tôi quá xúc động để nói và nội dung bài viết sẵn xem ra không thích hợp với không khí trong hội trường. Tôi chỉ còn biết lắp bắp:- Tôi rất xúc động và bao nhiêu điều tôi muốn nói cùng với Đại tá Sam Graves, vị cố vấn cũng là bạn thân của tôi, cũng như những lời đứng ra phải nói cùng các quý vị nay không cần thiết nữa. Trong sự xúc động tận cùng, vợ chồng và các con tôi xin được nói tiếng Cảm ơn đến tất cả mọi ân tình mà cá nhân Sam Graves bạn tôi và toàn thể quý vị dành cho tôi.

Tối hôm đó, khi khép cánh cửa buồng lại, tôi nhìn vào tấm bảng tuyên dương với chữ ký của nhiều vị chức sắc trong QĐ Mỹ, lòng băng khuâng.

Tôi nhìn Thu buột miệng:

- Anh đâu có muốn làm anh hùng.

Vợ tôi cười:- Thế anh muốn làm gì?

- Anh chỉ muốn làm anh hiền. Anh chỉ muốn 1 đời sống giản dị, bình thường, không bắn giết, không súng đạn. Ước ao đó từ nhỏ nhưng rồi cả đời anh là trận chiến, là tù đày, là khổ nhục. Làm anh hùng để làm gì?

Vợ tôi ôm tôi, ghé tai nói rất khẽ.

- Anh là anh hùng của riêng em.

*Virginia 7/2/2006*

